

TỦ SÁCH PHỔ-THÔNG

PHỤ - NỮ VIỆT - NAM TRƯỚC PHÁP-LUẬT

1. Khi còn son giá — 2. Khi
lấy chồng — 3. Khi tiêu hôn:
ly-dị hoặc ở góa — 4. Phụ-
nữ với vấn-đề thừa-kế.



TÁC - GIẢ :

PHAN - VĂN - THIẾT

Luật - khoa Cử - nhân — Thâm - phán

Giảng - viên

Trường Quốc-Gia Hành-Chánh



— IN LẦN ĐẦU TIÊN —

Đúng với Pháp-luật hiện-hành

TÁC - GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

(nhìn con dấu bảo-dảm nơi đây
nếu không có là đồ gian)

1955

Giá { NAM-VIỆT 65 \$
NGOẠI NAM-VIỆT ... 75 \$

THÀNH-QUAN LƯU-X

TỦ SÁCH PHỔ THÔNG

PHỤ - NỮ VIỆT - NAM

TRƯỚC PHÁP-LUẬT

1. Khi còn son giá — 2. Khi lấy chồng — 3. Khi tiêu hôn: ly-dị hoặc ở góa — 4. Phụ-nữ với vấn-đề thừa-kế...



TÁC - GIẢ :

PHAN - VĂN - THIẾT

Luật - khoa Cử - nhân — Thâm - phán
Giảng - viên

Trường Quốc-Gia Hành-Chánh



— IN LẦN ĐẦU TIÊN —

Đúng với Pháp-luật hiện-hành

TÁC - GIẢ GIỮ BÀN QUYỀN

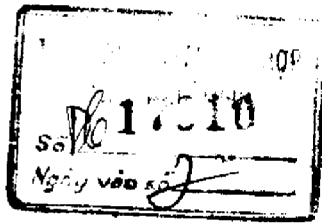
(nhìn con dấu bảo-đảm nơi đây
nếu không có là đồ gian)

1955

Giá { NAM-VIỆT 65 \$
NGOÀI NAM-VIỆT 75 \$

PH = Phu

3-22



390
PB-Thu

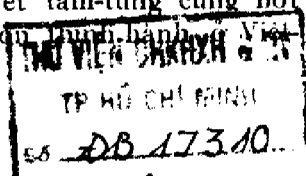
PHẦN THỨ NHẤT

Người đàn-bà lúc chưa chồng

DÂN-TỘC Việt-Nam ta nhiệm văn-hóa của Tàu, trọng nam khinh nữ, hay viện những câu như « nữ sinh ngoại-tộc » hay « nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô » vãn vãn, chứng tỏ rằng trong gia-đình, về phong-tục lễ-giáo — mà phong-tục lễ-giáo lại là căn-bản của pháp-luật — đàn-bà bao giờ cũng kém sút đàn-ông.

Sở-dĩ như thế cũng không có gì lạ, trình-độ văn-minh của dân-tộc ta một thế-kỷ về trước vẫn không cao hơn chế-độ gia-trưởng chủ-quyền (patriarcat) là bao nhiêu, mà dưới chế-độ này thì người ta lấy gia-đình làm gốc: người cha (paterfamilias) tức là kẻ làm đầu trong gia-tộc (gia-trưởng, tộc-trưởng). Đàn-bà, dù là mẹ hay vợ con của vị gia-trưởng, bao giờ cũng vẫn đóng một vai tuồng phụ-thuộc mà thôi, không thể có trọn quyền cai-quản một gia-tộc, cũng không thể có đủ tư-cách mà phụng-sự tổ-tiên nhà chồng được.

Chính thế nên, nhiệm ảnh-hưởng của đạo Khổng, dân-tộc ta cũng như dân-tộc Tàu, lấy thuyết tam-tùng mà kèm-chế phụ-nữ. Đành rằng, độ vài mươi năm sau này, nhờ phong-trào Âu-hóa kích-thích, thuyết tam-tùng cũng bớt gât-gao đi nhiều, tuy vậy, nó vẫn còn thịnh-hành ở Việt-Nam.



Muốn rõ địa vị của người con gái trong gia đình, chúng ta hãy chia phần này ra làm hai chương ;

Chương 1. — Người con gái chưa đúng tuổi thành-niên.

Chương 2. — Người con gái đã đúng tuổi thành-niên.

XIN LƯU Ý. — Trong quyển sách này, xin đọc những chữ in tắt như sau đây :

1 — *D.L.B K.* là bộ *Đân-Luật Bắc-Kỳ.*

2 — *H.V.T K.H.L.* là bộ *Hoàng-Việt Trung-Kỳ Hộ-Luật.*

3 — *N.K.D.L.G.Y.* là bộ *Nam Kỳ Dân Luật Giản-Yếu* (tức là sắc lệnh 3-10-1883).

CHƯƠNG THỨ NHẤT

NGƯỜI CON GÁI VỊ-THÀNH-NIÊN TRONG GIA-ĐÌNH

Đã là vị-thành-niên (nghĩa là chưa đủ 21 tuổi) thì trước pháp-luật, trai hay gái cũng đồng nhất-thề. Ấy vậy, những điều sẽ nói sau này ứng-hành chung cho tất cả trẻ vị-thành-niên, vô-luận trai hay gái.

Dù cho bao nhiêu tuổi, con-cái cũng phải thương-yêu kính-mến cha mẹ và phải chịu dưới quyền cha mẹ cho đến lúc thành-niên hay được thoát-quyền trước khi đúng 21 tuổi.

Quyền của cha mẹ gọi là « *phụ-quyền* » (puissance paternelle).

I

PHỤ-QUYỀN

Phụ-quyền bắt-buộc kẻ làm con phải vâng lời chịu luy cha mẹ trong nhiều việc.

A. — Đối với thân-thờ của con cái.

Con-cái không được bỏ nhà cha mẹ mà đi mà không xin phép cha mẹ Đây là dấu vết đạo Khổng, Mạnh còn lưu lại vậy. Sách Nho nói : « *phụ-mẫu tôn bất khả viễn du, du tất hữu phương* » (cha mẹ còn không nên đi chơi xa, mà nếu có đi xa thì phải đi cho có nơi có chỗ). Tuy-nhiên, nếu con làm việc nhà nước (ví-dụ : làm cô mu hay cô giáo) thì khi nhà-nước bổ-nhậm, con được phép đi theo lệnh trên sai khiến. Đời xưa, dân-ông thành-nhân mà bỏ cha mẹ hay ông bà già cả mà đi làm quan xa xuôi cũng bị tội gọi là : *khí-thân chi-nhậm* ; luật ấy đã bỏ đi từ lâu rồi.

Cha mẹ cũng có quyền đánh-dập sửa-trị con-cái nhưng phải làm một cách vừa phải để cho con-cái kính-sợ chứ không được làm thái-quá. Cha mẹ nào hà-khắc hay ngược-dãi con-cái nếu có người tố-giác đến Biện-ly-cuộc thì có thể bị truy-tố theo luật Hình.

Khi nào người cha bất-bình hành-vi của con mình thì có quyền thưa với ông Chánh-án tòa Sơ-thẩm hay ông Chánh-án tòa Hòa-Giải-Rộng-Quyền ở Nam-việt (còn ở Bắc-việt thì phải thưa với ông Chánh-lán tòa đệ-nhi-cấp và ở Trung-việt thì phải thưa với ông Thâm-phán sơ-cấp) mà xin bỏ tù nó nhưng không thể bỏ tù trên một tháng được nếu đứa trẻ không hơn mười sáu (16) tuổi. Nếu nó hơn 16 tuổi người cha được phép xin bỏ tù con mình trong một thời-hạn tới sáu tháng. Khi nào có đơn của người cha xin bỏ tù con mình như vậy thì ông Chánh-án phải hỏi ý-kiến ông Biện-Lý rồi mới hoặc cho phép hoặc bác đơn nếu xét rằng sự tống-giam có thể làm hại sức-khoẻ hay tri-khôn của đứa trẻ, hoặc có thể y theo đơn xin nhưng giảm bớt kỳ-hạn cầm-tù lại.

Cầm-tù đứa trẻ như thế thì phải cầm-tù trong một chỗ nào khác hơn là khám-đường sở-tại để nhốt tội-nhân thường phạm đó. Tiền sở-phi tống-giam đứa trẻ về phần người cha

phải chịu và lại, người cha cũng được quyền xin thả con mình ra khỏi khám-đường trước kỳ-hạn của ông Chánh-án toà đã định.

Trong thời-gian vợ-chồng ăn ở với nhau thì phụ-quyền về tay một mình người cha mà thôi. Cha chết, quyền ấy về vợ-chính của người nếu bà này không cải-giá. Tuy-nhiên, nếu muốn cầm-tù con cái, vị quả-phụ ấy phải do nơi cha chồng mình nếu ông này còn sống (và riêng ở Trung-Việt và Bắc-Việt thì lại phải có một người bà-con bên nội hợp-thỉnh) và nếu có quyền bỏ tù con vợ thứ của chồng. Một đôi khi, quan tòa cũng cho quyền cầm tù những trẻ ấy, nếu người xét đơn xin của vị quả-phụ kia là hữu-lý.

Phụ quyền ấy, chẳng những con dòng chính phải chịu mà thôi, mà cả con dòng thứ, con hoang được nhìn (enfants naturels reconnus) cũng phải chịu nữa.

Dù sao, cha mẹ không có quyền cầm-cố hoặc bán con cái để trừ nợ như thuở xưa như vậy được. Chỉ có thể cho ở thuê ở mượn mà lấy tiền vậy thôi.

B. — Đối với tài-sản của con-cái.

Ở Nam-Việt thì nếu con cái có của-cải riêng (ví dụ khi được tặng-dữ) thì người cha được quyền hưởng của-cải ấy cho đến khi con mười tám (18) tuổi mới thôi. Nếu cha chết nửa chừng thì quyền hưởng ấy về người mẹ không cải-giá. Sau hết, nếu cha mẹ ly-dị với nhau thì hễ người nào thắng

kiện tất là được quyền hưởng hoa-lợi tư-sản của con. (1)
Còn ở Trung-Việt và Bắc-Việt thì luôn luôn con cái phải
tùy-thuộc cha mẹ lúc người còn sinh-thời, không được có
tài-sản riêng trừ khi đã thành-niên mà cha mẹ cho phép ở
riêng một cách công-nhiên hoặc khi đã được quyền tự-lập
(thoát-quyền) mà có gia-thất riêng thì không kể.

C. — Thế nào phụ-quyền chung-mãn ?

Phụ-quyền chung-mãn trong mấy trường-hợp này :

- 1° — Khi cả cha và mẹ đồng chết.
- 2° — Khi đứa con được thoát-quyền hay tự-lập (émancipé) như sẽ nói sau,
- 3° — Khi đứa con đúng tuổi thành-niên (21 tuổi).

(1) *Tương nên nói thêm một trường hợp đã xảy ra như vậy : toà Thượng-Thẩm Madagascar đã xử rằng trong khi cha mẹ còn sinh-thời, người cha pháp-dịnh quân-lý (administrateur légal) không thể đề-đương một bất động-sản thuộc quyền sở-hữu của đứa con vị-thành-niên của mình : phải có lệnh toà-án cho phép mới được.*

Đai khái, phải kể là vô-hiệu (nulle) một sự đề-đương do ngư ời cha đã lập với sự cho phép của hội-nghị gia-tộc và phép này được toà sơ-thẩm phê-chuẩn. Một hội-nghị gia-tộc cơ quan riêng biệt cho việc thủ-hộ, không thể lập-thành để biểu-quyết về những việc thuộc về sự pháp-dịnh quân-lý. Toà-án đã tuyên-bố sự vô-hiệu ấy do sự tạ-ỉnh-câu của trẻ vị-thành-niên nay đúng tuổi thành-niên, truyền-lệnh xoá bỏ sự đăng-ký trong khi vắng mặt của đệ-tam-nhân có thể viện hiệu-lực bằng-chứng những điều biên trong bằng-khoản diên thổ theo sự lợi-ích của họ. (Tập san Penant số 510 trang 87 tháng 3a 1938 về án-toà Thượng-Thẩm Madagascar đề ngày 19-5 1937).

4* — Khi cha hay mẹ bị tòa kêu án **bãi-truất phụ-quyền** (déchéus de la puissance paternelle) bởi vì họ làm gương xấu cho con cái thấy hay ngược-dãi chúng nó.

Trong một vài trường-hợp, ví dụ như khi cha mẹ toan đầu-độc con hay toan giết con mà bị án tử thì tòa-án buộc phải kêu án **bãi-truất phụ-quyền** của họ. Nếu là cha bị bãi-truất thì tòa-án sẽ giao phụ-quyền cho mẹ, còn nếu không có cha mẹ thì sẽ giao cho một vị **thủ-hộ** (hay **giám-hộ**; tuteur) hay nữa cho **viện Cứu-Tế Công-Cộng** (assistance publique).

Đời nay, nhất là ở Saigon — Cholon mà người ta chen nhau ở quá đông-đúc, sự sanh-sống khó-khăn, có nhiều cha mẹ vô lương bắt con gái mình 14, 15 tuổi phải bán máu mà kiếm tiền cho mình ăn xài; đó là một điều như-nhóp dè-hèn mỗi người trong chúng ta có phận-sự bài-trừ cho kỳ tuyệt mới thôi. Ấy vậy, khi nào được nghe biết một việc như thế, chúng ta hãy viết đơn tố-giác nơi **Biện-Lý-Cuộc** sở-tại để nhà chức-trách mở đường tra-vấn.

Hay nữa, chúng ta cũng có thể tố-cáo nơi ông Cảnh-sát-trưởng, ông quận-trưởng, ông Công-an-trưởng vì các viên-chức này là tư-pháp cảnh-lại phụ-tá cho quan Biện-Lý, đều có quyền so-tra rồi đệ-trình việc tình-tệ ấy đến cho quan Biện-Lý. Vị quan này sẽ đưa kẻ làm cha mẹ khốn-nạn ấy ra trước tòa **tiểu-hình** mà truy-tố chúng nó theo luật và xin tòa kêu án **bãi-truất phụ-quyền** của chúng nó đi. Ấy là một công-trình tầy.ước xã-hội mà ai ai cũng đều có phận-sự góp công vậy.

II

QUYỀN THỦ-HỘ

Phàm người vị-thành-niên — dù nam hay nữ — thì đối với pháp-luật không có tư-cách quản-trị tài-sản mình và tư-trị bản-thân mình, trừ ra khi nào người vị-thành-niên tự-lập (hay thoát-quyền) theo như thể-lệ sẽ nói sau này.

Lúc còn cha mẹ thì quyền cai-quản tài-sản và quyền sửa-trị thân-thể đưa trẻ thuộc về cha mẹ. Nếu nữa chừng mà mồ-côi cha mẹ hay mồ-côi cha hoặc mồ-côi mẹ thì quyền ấy thuộc về người *thủ-hộ*.

Quyền *thủ-hộ* (hay quyền giám-hộ cũng đồng một nghĩa) là quyền của pháp-luật đặt ra để bảo-hộ những trẻ vị-thành-niên mồ-côi cha hay mồ-côi cả cha lẫn mẹ. Pháp-luật qui-định kỹ-càng sự *thủ-hộ* trẻ vị - thành - niên : sẽ-đi như vậy là vì đại-dề chỉ có cha là có trọn quyền đối với con cái và tình thương con cái không thể ngờ-vực được, nhất-thiết sự gì có hại cho con cái thì người cha không bao giờ nỡ làm.

Bởi vậy, khi vợ chết trước, cha vẫn là vị gia-trưởng đối với con cái, không cần cử *thủ-hộ*. Trừ ra một trường-hợp là khi con vị-thành-niên có của riêng (do ông bà hay ngoại-nhân tặng-dữ) thì người cha mới làm *thủ-hộ* để giữ của-cái ấy và chỉ đối với của-cái ấy mà thôi.

Đối với của-cái ấy, người cha *thủ-hộ* không có quyền sử dụng, khi nào có cầm bán thì phải có hội-nghị gia-tộc (conseil de famille) cho phép và phép ấy lại còn cần có ông Chánh-án tòa Sơ-thẩm hay tòa Hòa-Giải-rộng-quyền (ở Nam Việt) hay ông thẩm-phán sơ-cấp (ở Trung và Bắc-Việt) phê-chuẩn cho mới được.

A. — Quyền thú-hộ của người mẹ

Thú-hộ là trông-nom sinh-mạng và quản-trị tài-sản cho vị-thành-niên.

Khi người cha chết thì quyền thú-hộ các con ruột và các con nuôi cùng ở một gia-đình chung, chiếu theo luật thì thuộc về người mẹ còn lại.

Nếu có những con vị-thành-niên do các vợ bé sanh ra mà ở riêng từ gia-đình một thì hề cứ con người nào thuộc quyền thú-hộ người nấy. Phàm vợ góa đi tái-gia hoặc ăn-ở tư-tình với ai, hay là vô-hạnh thì mất quyền thú-hộ con cái mình.

Người mẹ bao giờ cũng có quyền xin từ-chối không làm thú-hộ cho con-cái mình. Sự từ-chối ấy phải khai với ông Biện-Lý tòa Sơ-thẩm hay với ông Chánh-án tòa Hòa-Giải ông thẩm-phán sơ-cấp (ở Trung và Bắc Việt)

B. — Quyền thú-hộ do người cha hay người mẹ giao phó.

Người góa vợ hoặc góa chồng chưa tái-thú hay tái-gia có thể cắt-cử một người trong họ hoặc người ngoài họ để làm thú-hộ cho con được.

Ở Trung-Việt và Bắc-Việt, khi muốn được như vậy phải có chức-thư có viên chức thị-thự và trong có điều-khoản rõ-ràng thì mới có thể thi-hành được. Ở Nam-Việt thì phải làm chức-thư hay khai trước mặt vị cai-tổng hay vị hương-cả.

C. — Quyền thú-hộ do bà con trong họ

Ở Bắc-Việt và Trung-Việt thì khi nào người cha và người mẹ chết sau chưa kịp cử người thú-hộ cho trẻ vị thành-niên, nếu là con chính thì quyền thú-hộ, chiếu theo luật, thuộc về ông nội và như không có ông nội thì thuộc về bà nội. Nếu không có ông bà nội thì quyền thú-hộ thuộc về anh đã thành-niên. Nếu không có ông bà nội và anh cả đã thành-niên thì quyền thú-hộ những con ruột thành-niên do hội-nghị gia-tộc cắt-dặt.

Ở Nam-Việt, nếu trong gia-quyển có nhiều người tôn, trưởng (ascendants) — nghĩa là những người bà con vai trên ngang hàng nhau (chú bác hay ông chú bác) thì hội-nghị gia-tộc phải nhóm-hợp lại mà cử một vị thú-hộ trong hàng bà con gần chừng nào tốt chừng nấy. Khi nào người vợ chính chết hay cải-giá hay nữa từ-chối không nhận chức thú-hộ thì người vợ thứ có thể lãnh chức thú-hộ cho con riêng của mình (ví-du trong trường-hợp có hai dòng con).

III

HỘI NGHỊ GIA - TỘC

A. — Bắc-Việt

Hội-nghị gia-tộc (1) hoặc do các viên-chức sau này tự Lãng-chức-vu đặt giấy hợp-bản (chánh lương-hội, không có chánh-hương-hội thì có lý-trưởng chỗ trú-sở người vị thành-niên, ở nơi tòa án thì ông Chánh-án) hoặc do người thân-thuộc của trẻ vị thành-niên yêu-cầu hợp-bản.

(1) Cũng gọi là : *hội-dòng gia-tộc* hay *hội bần tộc*.

Hội-nghị gia-tộc thì do chánh hương-hội, lý-trưởng hoặc ông Chánh-án tòa làm chủ-toạ. Hội-nghị ấy tất phải có ít lắm là bốn người thân-thuộc về bên nội, đàn ông hay đàn bà cũng được, chọn trong những người họ gần và ở không xa nơi lập quyền thủ-hộ.

Không có thân-thuộc thì chọn trong các bằng-hữu của nhà ấy hoặc trong các đàn anh trong làng.

Dù thế nào mặc lòng, hội-nghị gia-tộc trừ vị chủ-tịch không quá sáu hội viên, vị chủ tịch có quyền quyết nghị.

B. — Trung-Việt

Hội-nghị gia-tộc hoặc do thân-thuộc của trẻ vị-thành-niên đứng xin chiếu-tập, hoặc do người kỳ-mục thư nhất tự ý chiếu-tập, hoặc chỗ trú-sở ấy là nơi sở-tại tòa-án sơ-cấp thời do ông Chánh-án truyền chiếu-tập.

Hội-nghị gia-tộc sẽ do người kỳ-mục thư nhất hoặc lý-trưởng hay ông Chánh-án chủ-toạ.

Hội-nghị ấy tất phải có ít nữa là bốn người thân-thuộc về bên nội, đàn ông hay đàn bà cũng được, chọn trong những họ gần và ở không xa nơi lập quyền thủ-hộ.

Nếu không thể nhóm đủ số bốn người thân-thuộc thời ông chủ-tịch hội-nghị gia-tộc sẽ chọn trong các người thông-gia hay thân-bằng của gia-tộc ấy, hay là những người đàn-anh trong làng nhóm hội.

Trừ ra ông chủ-tịch không kể, khi nào số hội-viên trong hội-nghị gia-tộc cũng không được quá sáu người; khi nào các người trong hội-nghị có hai ý-kiến khác nhau

mà số người về ý-kiến bên này cũng bằng số người về ý-kiến bên kia thời ý-kiến ông chủ-tịch về bên nào bên ấy sẽ được coi là thắng số.

C. — Nam-Việt.

Lúc nào nhóm hội-nghị gia-tộc ? Khi nào vị-trưởng-tộc có lời xin thì hội-đồng gia-tộc mới nhóm. Tuy thế, nếu có cần dùng, vị cai-tổng (hay khi nào không có cai-tổng thì hương-cả chỗ làng trú-sở của trẻ vị-thành-niên) được phép mời nhóm hội-nghị gia-tộc. Ông Biện-Lý hay những người có quan-hệ cũng đều được quyền như vậy. Nhưng nếu là người ngoài thì phải làm đơn xin nơi tòa, quan tòa sẽ xét coi có nên chuẩn-y đơn xin hay không.

Quyền làm chủ-tịch hội-nghị gia-tộc thuộc về vị cai-tổng. Khi nào vị cai-tổng mắc việc hay đi khỏi thì hương-cả trong làng nhao rún của đứa trẻ vị thành-niên được thay mặt. Ngoài ông chủ-tịch thì hội nghị phải có năm người nữa : vị trưởng-tộc, hai người bà con bên nội và hai người bà con bên ngoại gần đứa trẻ vị-thành-niên, và trú-sở không xa chỗ đó cho mấy. Nếu không có bà con thì có thể đem những người quyền-thức của gia-tộc hay những người dân có tên tuổi trong làng vào làm hội-viên của hội-nghị gia-tộc.

Khi nhất định nhóm hội nghị gia-tộc, vị chủ tịch (cai tổng hay hương cả) gửi giấy mời những hội viên trong hội trước ít lâu cho có đủ thì giờ đi đến. Những hội viên ấy phải hồn thân đi đến dự hội. Nếu ai không đi mà không viện lẽ hẳn-hỏi thì quan tòa được quyền phạt người ấy một món tiền va từ một đồng bạc cho tới mười đồng là nhiều hơn hết.

Phải có ít nữa hai phần ba người nhóm thì hội-đồng mới có quyền biểu-quyết.

Trong mỗi việc đem ra hội-nghị, cứ lấy theo đại-đa-số mà nhất-định. Nếu khi nào số hai bên « thuận » và « nghịch » bằng nhau thì bên nào có ông Chủ-tịch theo được coi là thắng số.

Khi đã biểu-quyết cử người nào xong rồi, vị chủ-tịch phải lập biên-bản (vi-bản) buổi nhóm ấy, rồi vị trưởng-tộc phải đệ đơn lên ông Chánh-Án tòa sơ-thẩm hay tòa Hòa-Giải rộng-quyền để xin phê-chuẩn (homologuer) sự biểu-quyết ấy.

IV

QUYỀN THỦ - HỘ NHỮNG ĐỨA CON HOANG (I)

Nếu cha mẹ đừa con hoang vị-thành-niên chưa cử người thủ-hộ cho chúng nó, thì quyền thủ-hộ ấy chiếu luật sẽ thuộc về các người anh đã thành-niên theo thứ-tự trưởng-ấu.

Không có người anh đã thành-niên thì quyền thủ-hộ thuộc về các người chông chị, người nào nhiều tuổi hơn hết thì chọn người ấy.

Không có anh ruột và anh rể thì do toà-án sơ-cấp giao quyền thủ-hộ cho một người thân-thuộc bằng lòng nhận làm, mà người thân-thuộc ấy nên chọn một người bậc trên về bên họ người cha hoặc người mẹ đã khai-nhận đừa con.

Trong các người anh ruột và các người anh rể đã thành niên, tất phải có một người đã nhận lấy quyền thủ-hộ thì các người khác mới được từ chối trừ có cơ cáo-thác chính-đáng thì không kể.

QUYỀN THỦ - HỘ NHỮNG ĐỨA CON VÔ - THỪA - NHẬN (2)

Quyền thủ-hộ những đứa con vô-thừa-nhận thì do Tòa án sơ-cấp cắt-đặt, hoặc tự mình hoặc nhân có đơn thỉnh-cầu của người nào; lại các việc thuộc về quyền thủ-hộ đó cũng do Tòa-án định-liệu.

VI.

CÁC NGUYÊN-NHÂN MIỄN-TRỪ

Những viên-chức nhà-nước hay tư-sở sẽ được thôi làm thủ-hộ khi nào bị dời một nơi xa-xuôi,

Những người 65 tuổi sắp lên hoặc đã có nhận một cuộc thủ-hộ khác trước, hoặc có năm đứa con còn sống, hoặc bị tàn-tật thì có phép không nhận làm thủ-hộ, và như đã có nhận lỡ rồi thì cũng được phép xin từ-chức,

Sự xem đơn xin thôi-thoát chức thủ-hộ thì về quyền hội-ngiạ gia-tộc, nếu sự thôi-thác có lý thì hội-ngiạ sẽ cử một vị thủ-hộ khác.

Những vị-thành niên, những người điên khùng không đủ trí, những người dân-bà (trừ những trường-hợp nói trên kia.) những người bị án thê-hình kiêm nhục-hình, những người hành-kiểm xấu-xa và dốt nát quá thì không làm được thủ-hộ hay nhân-viên hội-ngiht gia-tộc.

Cứ một vị thủ hộ hay bãi-chức một vị thủ-hộ đều là quyền của-hội-ngiht gia-tộc nhưng phải có án Toà sở-tại chuẩn-phê mới có hiệu-lực.

VI

VỊ THỦ-HỘ

Vị *thủ-hộ* hay *giám-hộ* (tuteur) phải giữ đứn trẻ vị-thành-niên mà hội-ngiht gia-tộc đã giao-phó cho mình. Phải thay mặt cho đứn trẻ trong mọi việc làm về dân-sự (hộ), phải chịu trách-nhiệm công việc quản-lý của mình. Trong tháng đầu, khi nào nhận việc, vị thủ-hộ ở Nam-Việt phải lập một bản kê-biên hết sản-nghiệp của đứn trẻ. Việc làm này phải có vị phó-thủ-hộ và hai vị hương-chức thị-chứng.

(Ở Trung-Việt và Bắc-Việt thì phải trình với lý-trưởng sở-tại mà xin lập bản kê-biên nếu ở thành-phố thì trình với vị trưởng phố-nhưng chỉ trong hạn mười ngày mà thôi.)

Làm thủ-hộ không có lương-lương chi cả. Khi nào có duyên-cớ cần-kiip, viên thủ-hộ được phép đầu đơn xin ông Chánh-Án (Sơ-thẩm hay Hòa-Giải rộng-quyền ở Nam-Việt đệ-nhi-cấp ở Bắc-Việt và sơ-cấp ở Trung Việt) bắt đứn trẻ vị-thành-niên mà giam cầm lại, nhưng cũng phải có hội-ngiht gia-tộc ưng-thuần mới được. Ông Chánh-Án Tòa y theo đơn xin hay bác đơn tùy-y nhưng dù sao, thời-hạn giam-cầm đứn trẻ cũng không được quá một tháng.

Vị thủ-hộ phải dùng hoa-lợi của trẻ vị-thành-niên mà làm việc ích-lợi cho nó.

Vị thủ-hộ không được mua đồ chi của đứa trẻ đã giao cho mình bảo-hộ. Cũng không được mượn hay cầm đồ-đạc vườn đất của nó nếu không có phép của hội-ngộ gia-tộc cho.

Khi nào cần vay tiền, chuyển-dịch (aliéner), cầm-thế, nhận lãnh gia-tài hay của di-tặng hay nhận-lãnh một cuộc tương-phần hay một cuộc điều-đinh cho đứa trẻ, ký tên bảo-dảm cho người ngoài, cho mượn vườn đất phố xá trong một kỳ-hạn hơn chín năm, thay đổi chứng-khoản ký-danh ra chứng-khoản vô-danh, vân vân... vị thủ-hộ cũng phải nhóm hội-ngộ gia-tộc mà xin phép. Tờ biên-bản những cuộc biên-quyết cho phép như vậy thì vị thủ-hộ ở Nam-Việt lại phải đệ lên tòa Sơ-thẩm hay tòa Hòa-Giải rộng-quyền chỗ có xảy ra việc thủ-hộ cho quan Chánh-Án tòa phê-chuẩn rồi mới đem ra thi-hành được. (Ở Bắc-Việt, phải đệ lên quan Chánh-Án tòa đệ-nhi-cấp còn ở Trung-Việt thì phải đệ lên quan Chánh-Án tòa sơ-cấp).

Nếu đứa trẻ thuộc quyền thủ-hộ là con hoang thì phải do ông Chánh-Án tòa chuẩn-hứa.

Mỗi lần tranh-tụng (thưa kiện) cho đứa trẻ, vị thủ-hộ cũng phải có phép của hội-ngộ gia-tộc cho. Phạm các thư-khế do người vị-thành-niên đứng một mình thì là vô-niêu. Còn những thư-khế cần phải có hội-ngộ gia-tộc hoặc ông Chánh-án-tòa cho phép mà người thủ-hộ không được phép lại tự đứng làm một mình thì những thư khế ấy chỉ để một mình vị thủ-hộ phải chịu trách-nhiệm đối với đệ-tam-nhân (ngoại-nhân) mà thôi, chứ đối với trẻ vị-thành-niên thì không có hiệu-lực gì.

Khi mãn cuộc quản-trị của mình — nghĩa là thường khi đứa trẻ đúng 21 tuổi — vị thủ-hộ ấy phải trình cho trẻ vị-thành-niên ấy một bản thu-xuất rành rẽ. Nếu vì một lẽ gì cuộc quản-trị chung-mãn trước khi đứa trẻ nên người (ví-du khi nó được thoát-quyền) thì bản thu-xuất ấy, vị thủ-hộ phải trình cho hội-nghị gia-tộc. Bản ấy phải làm theo cách-thức đã làm tờ kê-biên tài-sản của đứa trẻ trong khi mới vào lãnh việc.

(Ở Trung-Việt và Bắc-Việt, luật buộc vị thủ-hộ phải trình sổ-sách tinh-toán trước hội-nghị gia-tộc nếu đứa trẻ là con chính, còn phải trình cho ông Chánh-án tòa đệ-nhi-cấp ở Bắc-Việt hay cho ông Chánh-án tòa sơ-cấp ở Trung-Việt nếu đứa trẻ là con tư-sinh hay con hoang).

Nếu đứa trẻ vị-thành-niên hay hội-nghị gia-tộc có điều không vừa lòng bản thu-xuất ấy thì được phép kiện đến tòa-án (Sơ-thẩm hay Hòa-Giải rộng quyền ở Nam-Việt, đệ-nhi-cấp ở Bắc-Việt, và sơ-cấp ở Trung-Việt), nếu là hội-nghị gia-tộc đứng kiện thì người thay mặt cho hội-nghị sẽ là vị phó-thủ-hộ.

Phạm vị thủ-hộ bội-ước, vô tư-cách hoặc ăn ở vô-bạnh kiểm vô luân-lý thì có thể do hội-nghị gia-tộc yêu cầu tòa-án bằng chức-vụ bãi truất đi được.

Trong khi quản-trị, nếu có tổn-hại do vị thủ-hộ làm ra hoặc vì vung-tinh hoặc vì trễ-biếng thì người ấy phải chịu trách-nhậm về cuộc quản-trị của va. Kỳ-hạn được kiện vị thủ-hộ hay kẻ thừa-hưởng gia-tài của va là năm năm sau khi va trình bản thu-xuất về cuộc quản-trị

VIII.

VI TRƯỞNG-TỘC

A. — NAM-VIỆT

Trong sắc-lệnh 3-10-1883 là công-văn tru-cốt của dân-luật ở Nam-Việt mà ngày nay vẫn còn ứng-hành, không thấy nói đến vấn-đề này thật rõ-ràng. Lúc những bản-án cũ thì thấy có một án tiền-thẩm của tòa Thượng-Thẩm (hay Phúc-Thẩm) Saigon đề ngày 29-5-1914 có nói : « Chức **Trưởng-tộc** không phải do nơi ý muốn của gia-quyển mà ra, mà do nơi phong-tục Việt-Nam, nghĩa là chức ấy phải về đàn-ông lớn tuổi hơn hết trong bọn con hay cháu của vị tổ-khảo chung »

Trước án ấy, có một án khác cũng của tòa Thượng-Thẩm đề ngày 31-7-1913 nói một cách thực-rành-rẽ : « vị trưởng-tộc là người lớn tuổi hơn hết trong bầy con trai của vị tổ-khảo chung, hay nếu không có con trai thì trong bầy cháu trai, Xét rằng, khi lấy chồng, người đàn-bà ra khỏi « tộc » của mình nên chỉ con mình không thể có trưởng-tộc nào khác hơn là người bà-con đàn-ông lớn tuổi nhất trong họ của cha nó được.

Ấy vậy, do nơi án-lệ, ta được biết rằng vị trưởng-tộc là người bà con bên nội, đàn-ông và lớn tuổi hơn hết. Vị trưởng-tộc như vừa nói ở trên, không phải do nơi ý muốn của hội-nghị gia-tộc cử ra, bởi vậy nếu hội-nghị gia-tộc cử ra một người không phải là đàn-ông bà con bên nội lớn tuổi hơn hết làm trưởng-tộc thì sự cử ấy không có ý-nghĩa gì hết. Và lại, không cần phải cử : người đàn-ông bên nội

lớn tuổi hơn hết công-nhiên là trưởng-tộc rồi. Nói như thế nghĩa-là sự cử trưởng-tộc không phải là sai quấy, mà sự cử làm trưởng-tộc một người không phải đàn-ông bà-con bên-nội lớn tuổi hơn hết mới là sai quấy mà thôi. Tốt hơn nữa, khi nào cha mẹ chết, trong gia-tộc có nhóm-hợp lại thì người đàn-ông bà-con bên nội lớn tuổi hơn hết nên chường mắt ra tỏ ý rằng mình chịu lãnh chức trưởng-tộc. Khi nào trong tộc có trẻ mồ-côi thì luôn luôn, vị trưởng-tộc có chức-trách là vị phó-thủ-hộ (subrogé-tuteur), phải chăm-nom công-việc quản-trị của vị thủ-hộ

Trong những việc trọng đại trong tộc, vị trưởng-tộc phải can-thiệp vào, ví-du : con muốn kiện cha hay mẹ, dâu muốn kiện cha chồng hay mẹ chồng, rể muốn kiện cha vợ hay mẹ vợ, thì phải có trưởng-tộc cho phép mới được ; nếu không có trưởng-tộc hay nếu trưởng-tộc không cho thì phải có quan Biện-Lý thay mặt đứng kiện thế. Mỗi khi trong tộc có trưng-phần di-sản cũng phải có trưởng-tộc thị-chứng. Người thủ-hộ muốn bán hay cầm cố tài-sản của trẻ vị-thành niên thì phải có trưởng-tộc đứng vào giấy mới được, và sau khi hội-ngiê gia-tộc cho phép. Nếu vị thủ-hộ ấy là cha của đứa trẻ thì cứ theo đạo nghị-định ngày 16-3-1910 (nói về đàn sự thủ-tục ở Nam-Việt) khỏi-phải xin phép ai cả, có trọn quyền bán của-cải của con vị-thành-niên của mình. Trái lại, chiếu theo đạo-sắc-lệnh 3-10.1883 thì người cha ấy muốn bán như thế tất phải có trưởng dự vào mới bán được. Còn nếu vị thủ-hộ là người mẹ hay ai khác thì có hai trường-hợp :

1' — **Chi có con vị-thành-niên.** — Theo đạo nghị-định 16.3.4910 cả hai vị thủ-hộ và trưởng-tộc phải xin phép hội-ngiê gia-tộc rồi mới vào đơn nơi tòa có thẩm-quyền mà xin phép bán,

2' — **Có hai thứ con . Thành-niên và vị-thành-niên.** — Cũng theo đạo-ngiê-định ngày 16-3-1910 vị thủ-hộ phải hợp

với vị trưởng-tộc và các đứa con thành-niên mà xin phép tòa-án sau khi hội-nghị gia-tộc biểu-quyết thuận cho. (Theo sắc-lệnh 3.10.1883 thì dễ hơn nhiều lắm. Trừ ra trường-hợp vị thủ-hộ không phải là mẹ thì phải xin phép như trên đây, còn nếu là mẹ góa thì có quyền cùng với trưởng-tộc bán của, di-sản của chồng. Nếu có con thành-niên thì mẹ góa cùng với con thành-niên ấy đứng bán là đủ rồi, miễn là bán để làm một trong hai việc này : trả nợ cho di-sản và cung-cấp cho trẻ con một cách cần-kíp.

Có một bản-án của Đại-thẩm-Viện (tòa phá-án) Paris đề ngày 27-4-1926 nhất định rằng khi nào đạo sắc-lệnh 3.10-1883 và đạo nghị-dịnh 16-3-1910 có chỗ tương-phân nhau thì phải làm theo sắc-lệnh bởi vì sắc-lệnh là của vị Tổng-Thống Quốc-Trưởng ban-bố còn nghị-dịnh là của vị Toàn-Quyền Đông-Dương ban-bố ; vị quan này không thể làm trái vị Quốc-Trưởng được.

Đó là nói về thời-kỳ về trước, chứ từ khi có đạo sắc-lệnh 30-5-1932 ban-hành thì vô-luận vị thủ-hộ là ai hễ muốn bán tài-sản của trẻ vi-thành-niên thì luôn luôn phải xin phép hội-nghị gia-tộc — mà phải xin bán đấu-giá công-khai y theo điều 315 của đạo sắc-lệnh 25-7-1925 về sự quản-thủ chủ-quyền diên-thở — rồi đệ biên-bản biểu-quyết của hội-nghị gia-tộc lên quan Chánh-Án tòa phê-chuẩn. Muốn cho bớt số-phí khi bán giữa tòa, có thể xin bán tại công-sở làng chỗ bất-dộng-sản tọa-lạc.

Tòa án có thẩm-quyền tức là tòa Sơ-thẩm hay tòa Hòa-Giải rộng-quyền.

Khi nào vị trưởng-tộc vắng mặt, mắc việc hay thối-thác thì hội-nghị gia-tộc phải cử một vị phó-thủ-hộ ở khác phía với vị thủ-hộ (nghĩa là nếu vị thủ-hộ ở bên nội thì vị phó-thủ-hộ phải ở bên ngoại hay trái 'ai.)

Dù vị thủ-hộ là cha của đứa trẻ vi-thành-niên hay không, cũng đều phải làm y như trên đây.

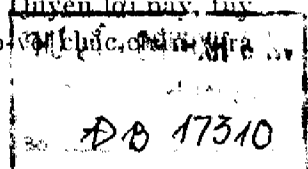
Gọi là « tài-sản của trẻ vị-thành-niên » tài-sản của người ta tặng cho nó hay của ông bà tặng riêng cho nó hay nữa chính nó được hưởng gia-tài của cha mẹ ông bà. Chỉ như của bất-dộng-sản người mẹ đứng bộ chết để lại mà người cha còn sống, cứ theo án-lệ, không thể gọi là « tài-sản của vị-thành-niên » được ; nó là tài-sản chung của đoàn-thể vợ chồng mà chồng có quyền xử-dụng vậy, (án-tòa Thượng-Thẩm Saigon đề ngày 11-3-1929).

B. — TRUNG-VIỆT VÀ BẮC-VIỆT

Trong bộ Dân-luật Bắc-Kỳ và bộ Hoàng-Việt Trung-Kỳ Hộ-luật đều không có nói đến vị-trưởng-tộc. Đó là một việc cải-cách rất hợp-thời của nhà lập luật ở Bắc-Việt và Trung-Việt vì làm như thế, họ vừa làm cho đơn-giản hơn xưa vừa loại bớt đi một mầm tranh-tung cho dân-tình,

Bây giờ, chỉ còn có một mình Nam-Việt còn ôm giữ chế-độ « trưởng-tộc » cổ-truyền mà không có pháp-diễn nào nói đến, tiếp-tục sinh ra không biết bao nhiêu sự rắc-rối kiện thưa ở chốn tụng-đình,

Sự dẹp bỏ « trưởng-tộc » trong văn-đề thủ-hộ trẻ vị-thành-niên, như chúng ta đã thấy, không có phương-hại chi đến quyền-lợi của trẻ vị-thành-niên cả. Quyền-lợi này, tuy do vị thủ-hộ quản-trị, nhưng được bảo-vệ chắc chắn nhờ bởi Hộ-oghị gia-tộc vừa bởi tòa-án.



IX

SỰ THOÁT-QUYỀN

Như trên kia đã nói, những trẻ vị-thành-niên không có quyền làm chi về mặt dân-sự (hộ) cả. Trừ khi nào chúng nó được **thoát-quyền** hay được **quyền-tự-lập** (émancipation) thì mới có ít nhiều quyền trong sự quản-trị tài-sản của mình.

A. — Cách thoát-quyền

Có hai cách thoát-quyền :

a) — Khi nào trẻ vị-thành-niên có vợ chồng cách chính-thức và có gia-tư riêng, không ở chung với cha mẹ.

b) — Khi nào trẻ vị-thành-niên được cha mẹ mình đứng ra cho phép thoát-quyền.

Trong trường-hợp thứ nhất thì chỉ có tờ hôn-thứ là có thể làm bằng-chứng cho sự kết-hôn chính-thức mà thôi.

Trong trường-hợp thứ nhì thì người cha (hay nếu không có người cha thì người mẹ giữ phụ-quyền thay thế) phải đến trước mặt vị cai-tổng hay là hai vị hương-chức làng mà khai rằng chịu thoát-quyền cho con mình được làm những việc gì. Đứa trẻ được thoát-quyền phải có ít lắm là mười lăm (15) tuổi.

Khi nào đứa trẻ vị-thành-niên là mồ-côi dưới quyền thủ-hộ thì hội-nghị gia-tộc phải nhóm-hợp lại mà cho phép nó thoát-quyền nếu có đủ mười lăm (15) tuổi, biên-lâu biểu-quyết của hội-nghị gia-tộc phải đệ lên Tòa Sơ-Thẩm hay tòa Hòa-giải rộng quyền đề xin quan Chánh-Án phê-chuẩn cho mới có hiệu-lực.

Trên đây là luật ứng-hành ở Nam-Việt.

Ở Trung-Việt và Bắc-Việt thì điều-kiện tuổi có khác hơn ; muốn được thoát-quyền, đứa trẻ vị-thành-niên phải có ít nữa là mười tám (18) tuổi.

Khi nào sự thoát-quyền mà do người cha hay người mẹ đứng chuẩn cho thì phải làm văn-tự có công-chức thị-thực mà khai trình minh-bạch với quan thăm-phẫu sơ-cấp ở nơi trú-sở của trẻ vị-thành-niên.

Nếu sự thoát-quyền do hội-nghị gia-tộc chuẩn cho thì phải đệ trình một biên-bản hội-nghị biểu-quyết cho thoát-quyền ấy lên tòa sơ-cấp để lưu-chiếu nơi phòng lục-sự.

B. -- hiệu-lực của sự thoát-quyền. Vị quản-tài

Đã được thoát-quyền rồi thì đứa trẻ vị-thành-niên vô-luận là ở Bắc-Việt, Trung-Việt hay Nam-Việt — khỏi cần có vị thủ-hộ theo bảo-hộ mình nữa. Tuy thế, nó còn phải cần một người cố-vấn để chỉ về khuyên-bảo cho nó trong các việc hành-dộng của nó, người này luật gọi là vị « **quản-tài** » (curateur).

Ai được làm quản-tài cho đứa trẻ vị-thành-niên được thoát-quyền ?

Cha mẹ đứa trẻ trọn quyền làm quản-tài cho con mình.

Nếu không còn cha mẹ thì chức ấy sẽ về vị trưởng-tộc (ở Nam-Việt) hay một người nào khác do hội-nghị gia-tộc hay quan tòa sơ-cấp đề-cử (ở cả ba phần Trung, Nam và Bắc-Việt).

Đứa trẻ vị-thành-niên thoát-quyền có quyền làm những việc gì ? Nó đủ quyền làm cả các việc thuộc về sự quản-lý (cho mượn thu góp hoa-lợi, vãn vãn). Khi nào có cần tranh-tung trước tòa-án hay cho vay mượn chi thì cần phải có vị quản-tài chứng-nhận mới được. Khi nào cần phải đi vay nợ hay cầm bán vườn đất thì cũng phải có phép của hội-nghị gia-tộc nữa :

Phạm những thư-khế phải cần có vị quản-tài tham-gia mới lập thành được mà đứa trẻ vị-thành-niên thoát-quyền làm lấy một mình thì có thể do tòa-án thủ-tiêu đi hay giảm bớt đi được.

Nếu đưa trẻ vị-thành-niên lập ước với ai mà lỗi.lã hao-hốt thái quá thì tòa-án có quyền giảm bớt lại, nhưng sau khi ấy đưa trẻ phải mất tư-cách mà trở lại tình-cảnh như xưa, nghĩa là phải trở lại dưới quyền cầu-thức của vị thủ-hộ.

Đưa trẻ vị-thành-niên thoát-quyền đứng ra buôn-bán có đủ trọn quyền về mặt thương-mãi như một người thành-niên và những sự giao-kèo, lập-ước của nó được kể như là những khoán-ước thương-mãi (actes de commerce) vậy.

CHƯƠNG THỨ II

NGƯỜI CON GÁI THÀNH-NIÊN

Người con gái thành-niên — đúng 21 tuổi — thì, cũng như con trai thành-niên, có đủ tư-cách lập-ước, nghĩa là muốn làm chứng-thư chỉ về mặt dân-sự (actes civils) : cũng hoàn-toàn bị trách-cứ vậy.

Tuy nhiên, chúng ta phải để ý đến chỗ này : cũng như con trai thành-niên, khi nào người con gái thành-niên có nhà cửa qui-mô thì mới kể là trọn quyền cho, chỉ như còn ở dùm-dậu với cha mẹ thì vẫn còn thiếu tư-cách để lập-ước lấy một mình. Sở dĩ như thế là bởi theo thuyết gia-trưởng chủ-quyền, khi vị gia-trưởng còn sinh-thời tất cả tài-sản trong gia-tộc đều thuộc về quyền sở-hữu và quyền cai-quản của ông ta, trừ khi nào ông ta đã công-nhiên hay mặc-nhiên cho phép con cháu tách ra ở riêng thì không kể.

Trong trường-hợp này, người thành-niên (vô-luận là trai hay gái) được quyền một mình làm giao-kèo, lập khế-ước, thú-dặc tài-sản : mua, lãnh của người khác bán hay tặng-dữ, vãn vãn, và cũng được quyền sử-dụng tài-sản ấy : bán, cầm-thế, đổi-chất, lặn-dữ, vãn vãn...

Nếu còn ở chung với cha mẹ thì người con gái cũng như người con trai mặc dù thành-niên, không có quyền làm sở-hữu-chủ, dù có đứng bộ bất-dộng-sản chỉ thì cũng kể như là đứng tam thể cho cha mẹ vậy.

Bởi có, khi nào họ đem bất-dộng-sản ra mà chuyển-dịch (bán, cầm-thế, đổi-chác, tãng-dữ v.v.) thì người đồng-đương sự lập-trước với họ phải yêu-cầu cho có vị gia-trưởng cho phép họ mới được.

Thuyết gia-tộc đồng-sở-hữu-chủ hay gia-tộc cộng-hữu (copropriété familiale) này, theo chế-độ diên-thổ cũ, thì thực là hết sức nguy-hiểm cho đệ-tam-nhân, vì làm sao biết được rằng một bất-dộng-sản của tên Giáp đứng bộ, hồi lúc mua tên ấy còn ẩn chung ở đâu hay không với cha mẹ? Nhất là khi việc mua ấy đã xảy ra cách năm mười hay một đôi chục năm về trước? Nhưng nhờ có chế-độ diên-thổ mới lập ra bởi sắc-lệnh 21-7-1925, sự nguy-hiểm ấy sẽ đi lần tới sự chung-màn.

Tuy-nhiên, dù ở chung với cha mẹ nhưng có chức-nghệp hay công-cuộc làm ăn riêng, cô gái trưởng-thành (cũng như con trai trưởng-thành) cũng có quyền có tài-sản riêng, có quyền làm giao-kèo và lập-trước về công-cuộc làm ăn của mình. Tài-sản đã sắm ra như vậy, anh em chị em không có quyền xin trưng-phần trừ khi nào có đủ bằng-cớ rằng tài-sản ấy là do tiền bạc của cha mẹ mua sắm cho. Dù sao, với chế-độ quản-thủ diên-thổ mới, một khi bằng-khoán đất diên tên ai thì người ấy làm chủ tuyệt-đối. Tòa-án không xét những đơn kiện tranh-tròn chủ-quyền của nó (điều 362 và 363 của sắc-lệnh 21-7-1925), phòng nhì của tòa Phúc-thầm Saigon đã xử như thế: án ngày 23-3-1946 (LJ N° 3, 1947). (1)

(1) Xin các bạn hãy xem: * Người dân-bà Việt-Nam, của ông Hội-thầm tòa Thượng-thầm NGUYỄN-VĂN-SĨ, có nhiều tài-liệu đáng để ý lắm.

PHẦN THỨ HAI

Người đàn-bà lúc có chồng

Cho được dễ hiểu, chúng ta hãy chia phần này làm ba chương. Chương I nói về : lễ ước-hôn và lễ kết-hôn, chương II nói về : sự giá-thứ bậc nhất và chương ba nói về : sự giá-thứ bậc nhì.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

LỄ ƯỚC-HÔN VÀ LỄ KẾT-HÔN

I

LỄ ƯỚC-HÔN

Dù là ở Nam-Việt, Bắc-Việt hay Trung-Việt, bao giờ cuộc hôn-nhân phải cử-hành đúng theo phong-tục tập-quán bản-xứ.

Trước hết phải có lễ ước-hôn (fiançailles), khi nào cha mẹ người con trai đã đưa lễ vật đến cha mẹ người con gái để làm sinh-lễ thì cuộc ước-hôn ấy mới có giá-trị.

Phải có cha mẹ hay vị thủ-hộ bằng lòng thì cuộc ước-hôn ấy mới bắt-buộc được hai đảng trai và gái, dù cho đã thành-niên hay chưa cũng vậy.

Sự ước-hôn bao giờ cũng có thể do một người hứa giá-thú hay cha mẹ người ấy yêu-cầu bãi bỏ đi. Bên nào xin bãi bỏ lời hứa giá-thú mà không có duyên-cớ chi chính-đáng hoặc vì sự lợi-ích cho mình thì phải chịu bồi-thường tổn-hại cho bên kia.

Trong bộ Dân-luật Giản-yếu áp-dụng ở Nam-Việt không có định kỳ-hạn kiện thừa về việc bội-hôn còn trong bộ Dân-luật Bắc-kỳ áp-dụng ở Bắc-Việt và bộ Hoàng-Việt Trung-Kỳ Hồ-luật áp-dụng ở Trung-Việt thời kỳ-hạn phải đầu-tổ là sáu tháng kể từ ngày bội-hôn trở đi, quá hạn ấy tức là hết thời-hiệu không có quyền đầu-tổ nữa.

Riêng trong luật Trung-Việt thì định từ ngày làm lễ ước hôn đến ngày làm lễ cưới không được quá sáu tháng, trừ ra khi nào có sự ngăn trở chính-đáng như là người vị-hôn-thê có đau ốm gì hay có đại tang thì không kể.

II

LỄ KẾT-HÔN

Cuộc kết-hôn theo người Việt-Nam phải có cử-hành theo phong-tục lễ-giáo mới được, dù ở Nam, Trung hay Bắc cũng vậy.

A. — Nam-Việt

Ở Nam-Việt, bộ Dân-Luật Giản-yếu — tức là sắc-lệnh 3.19-1883, — nơi tiết thứ năm, khoản thứ nhất có nói : « Một cuộc giá-thú chỉ có giá-trị khi nào cuộc giá-thú ấy có cử-hành long-trọng theo phong-tục tập-quán bản-xứ, »

Nhưng hiệu-lực của câu ấy đã bị giảm bớt nhiều vì hai duyên-cớ :

1. — Không phải cử-hành lễ cưới theo phong-tục tập-quán bản-xứ là đủ mà trước khi và sau khi cử-hành lễ ấy lại còn phải khai cho vị hộ-lại (hay nhân-thế-bộ-lại) là khác nữa.

a. — **Sự khai trước khi làm lễ cưới.** — Khi nào mình tính kết-hôn và đã nhất-định ngày làm lễ ấy rồi thì mỗi người chủ-hôn mỗi bên phải cho vị lục-bộ (hay trí-bộ) làng sở (tại chỗ trú-sở của chàng trai và gái được hay. Vị mai-nhân cũng phải cho vị lục-bộ trong làng quê-ngu của chàng gái được hay.

Tờ khai phải kê tên họ và chỗ trú-sở của :

1) mỗi bên gái và trai, 2) cha mẹ của cô dâu và chàng rể, 3) vị chủ-hôn chàng trai và vị chủ-hôn chàng gái, 4) vị mai-nhân.

Trong lời khai cũng phải chỉ rõ cuộc hôn-nhân là bậc nhất hay bậc nhì.

Những lời khai đó, vị Lục-Bộ phải biên trên một tấm bảng dán trước cửa phòng hộ-tịch hay nhân-thế-bộ (bureau de l'Etat civil) và phải để vậy trong một kỳ-hạn tám ngày. Mãn kỳ-hạn ấy mới có thể thực-hành lễ-cưới cách thực-thu.

b. — **Sự khai sau khi làm lễ cưới.** — Sau khi đã thực-hành lễ cưới và trong ba ngày sau đó, chàng rể phải cùng với hai vị chủ-hôn đến khai cuộc cưới vừa rồi cho vị lục-bộ; vị lục-bộ ghi vào sổ rồi bắt người khai phải ký tên vào cùng với hai chàng dâu rể, cha mẹ hai bên và mai-dong rồi vị lục-bộ cũng phải ký tên liền theo và đóng mộc-ấn của làng.

2. — Có thể tránh không thực-hành lễ cưới theo phong-tục tập-quán bản-xứ nếu hai chàng trai và gái nhất-định kết-hôn theo cách người Pháp.

Điều 17 bộ Dân-luật Giản-Yếu cho phép hai đảng trai và gái có thể đến trước mặt vị hộ-lai (lục-bộ, tri-bộ) hoặc phải đăng-ký cuộc kết-hôn nếu trước đã có dân bản khai « hôn-biểu » đã làm bữa trước phòng hộ-tịch (hay trước nhà Công-sở).

B. — Bắc-Việt

Ở Bắc-Việt, điều 31 bộ Dân-luật nói : « Khi nào có sự giá-thú đã chiếu theo tục-lệ mà làm rồi thì chậm nhất là trong tám (8) hôm phải đến khai với vị hộ-lai để đăng-ký vào sổ giá-hú. Khai giá-thú phải do cả hai vợ chồng đi với cha mẹ mình và hai người chứng ».

Không thấy nói chi hơn nữa về sự cử-hành theo phong-tục tập-quán bản-xứ. Hình như điều-kiện cần-kíp và đầy đủ là sự khai với vị hộ-lai vậy. Điều 82 lại nói : « Phạm việc giá-thú nào không khai với hộ-lai thì việc giá-thú ấy kể cũng như không và sự vô-hiệu ấy không cần phải do tòa án tuyên-cáo. »

(Điều 91 lại còn rõ-ràng hơn nữa : « Phạm việc giá-thú đã khai với hộ-lai và đăng-ký vào bộ-sổ tức là lập-thành đoàn-thề vợ-chồng. »

Ấy vậy, vị hộ-lai sở-tại chỗ người vợ hiện đương ở trong khi xuất-gia phải nhận lời khai rằng cuộc kết-hôn đã có cử-hành.

Vậy là đủ. Vị ấy lại phải xét coi những điều-kiện cần yếu của cuộc giá-thú đã có đủ chưa và nếu thấy sự gì ngăn-trở theo luật thì phải ngăn-cản đừng đăng-ký cuộc giá-thú ấy. (Liên theo đó, phải gọi phúc-bẩm cho quan Chánh-án đệ-nhi-cấp sở-tại, tòa này sẽ sơ-thẩm kiêm chung-thẩm). Nếu không có sự gì ngăn-trở theo luật thì vị hộ-lai phải đăng-ký cuộc giá-thú, sẽ kể ngày đăng-ký ấy chớ không kể ngày cử-hành lễ cưới.

C.— TRUNG-VIỆT.

Điều 31 và kế-tiếp của bộ HVTKHL ở Trung-Việt cũng giống như điều 31 và kế-tiếp của bộ DLBK ở Bắc-Việt. Chỉ có điều 31 luật Trung-Việt có nói thêm rằng : « Gia-quyển người vợ hay người vợ có thể bắt làm chứng-thư giá-thú trước khi lễ-hôn đã thành. » Và ở điều 34 luật Trung-Việt có nói đến sự « bắt cứ khi nào, người vợ người chồng cũng đều được xin chuyển-biến việc giá-thú của mình vào sổ giá-thú ở chính quán người vợ. »

Sau rốt, nơi điều 35 luật Trung-Việt lập lại điều 34 của luật Bắc-Việt nói về sự « vi hộ-lại có phạm-sự phải bác-khước không đăng-ký việc giá-thú nào trái với pháp-luật, và phải lập-tức trình với tòa-án sơ-cấp » (thay vi tòa-án đệ-nhi-cấp ở Bắc-Việt).

Coi như trên, chúng ta thấy rằng luật-lệ thời nay bỏ lần lần những điều-kiện rườm-rà, mỗi cá-nhân có quyền tự mình toan-tính việc kết-hôn của mình tùy theo cơ-hội và hoàn-cảnh và tùy theo sở-thích riêng của mình. Hình-thức của lễ cưới cách nào, nhà lập-luật không quan-tâm đến, điều cần gây nên đoàn-thể vợ chồng trước pháp-luật là sự hộ-lại chứng rõ ràng hai đàng quyết ý lấy nhau làm chồng vợ.

Nhưng muốn cho phương-pháp ấy tiến-hành cách tốt đẹp thì phải có sự tổ-chức hẳn-hỏi và hộ-tịch (nhân-thế-bộ) nên chi về sự thủ-liệu việc giá-thú lắm khi nhà lập-luật và tòa án phải buộc lòng không thực-hành đúng theo thuyết ấy.

Bởi vậy, có nhiều quan tòa không quá tin nơi điều 82 và 91 của bộ Dân-luật Bắc-Kỳ (tức điều 89 và 91 của bộ

Hoàng-Việt-Trung-Kỳ-Hộ-Luật) tuyên-bố rằng những cuộc giá-thủ không có khai với hộ-lại phải coi như là không có vậy.

Dành rằng Tòa Thượng-Thẩm Hà-nội có xử (án ngày 26-12-1931) rằng sự ghi cuộc giá-thủ vào sổ hộ-tịch là một thức-lệ cần-thiết nếu không tuân theo thì cuộc giá-thủ ấy phải kể như là không có.

Tuy-nhiên, có hai khoản hạn-chế bớt sự gắt-gao của điều-luật ấy :

1— Nhà lập luật cho rằng những cuộc giá-thủ xảy ra trước ngày tổ-chức đường-hoàng bộ sổ về hộ-tịch được kể là vẫn có hiệu-lực mặc dù không có khai vào sổ hộ-tịch. Trong trường-hợp này, những cuộc giá-thủ có thể bằng vào mọi thứ chứng-cớ và nhất là vào tình-trạng vợ chồng ăn ở với nhau như vợ chồng chánh-thức (án tòa Thượng-Thẩm Hà-nội ngày 5 và 19-10-1933).

2— Án-lệ cũng hạn rằng cuộc giá-thủ vẫn có hiệu-lực khi nào hai đảng trai và gái chứng rằng họ không thể đi khai cho hộ-lại trong kỳ-lạ luật-dịnh vì một cảnh ngộ bất đắc-dĩ hay vì họ đốt-nát không theo luật (án tòa Thượng-Thẩm ngày 21-3-1934).

Sự giải quyết như thế tuy có làm ảnh hưởng hại cho tư-nhân về mặt pháp-lý nhưng có tính-chất rộng-rãi đáng khen,



Thề-lệ này chung cho cả ba phần Trung, Nam và Bắc-Việt.

Người nào đã bị làm lẫn hay bị cưỡng-bách, nếu đã thành-niên rồi, một mình có thể khởi-tổ xin tiêu-hôn được. Nếu chưa thành-niên thì quyền khởi-tổ tiêu-hôn thuộc về các người có quyền ưng-thuận việc giá thú ấy.

Riêng về Trung-Việt thì nếu trong sáu tháng đã hết sự cưỡng-bách ấy mà không kêu xin thì sau không có quyền kiện xin vô hiệu nữa.

Sự thiếu điều-kiện ưng-thuận.—

Phạm việc giá-thú mà cha mẹ, ông bà nội vị thủ-hộ (giám-hộ) không bằng lòng thì cũng có thể xin thủ-tiêu được. Những người có quyền ưng-thuận việc giá-thú, có thể tỏ sự ưng-thuận ấy một cách công-nhiên hay mặc-nhiên được. Như sau khi đã biết việc giá-thú rồi mà để yên một năm không kêu nại điều gì thì sự ưng-thuận mặc-nhiên ấy đã làm tiêu sự vô-hiệu mà vị thủ-hộ (giám-hộ) chỉ có thể xin tiêu-hôn trong khi người thuộc quyền mình trông nom mà làm việc giá-thú mình không ưng-thuận bởi còn vị thành-niên mà thôi.

Nếu người đàn bà có con hay đang có thai, không khi nào cha mẹ hay vị thủ-hộ có thể khởi-tổ tiêu-hôn được nữa.

Thề-lệ trên đây là chung cho cả hai phần Trung-Việt và Bắc-Việt.

Riêng về Nam-Việt thì bộ Dân-Luật Giản-Yếu (sắc-lệnh 3.10-1883) nói như vậy ;

« Trong trường-hợp mà phải có sự ưng-thuận của cha mẹ mới kết-hôn được thì khi nào khiến sự ưng-thuận thì

« cuộc giá-thú có thể do những người có tư-cách ưng-thuận
« và do người nào (trong hai vợ chồng, cần có sự ưng-thuận
« ấy mới kết-hôn được đứng ra khỏi tổ kêu nài.

Tuy-nhiên sự giá-thú chỉ có thể thủ-tiên mà thôi.

Những người có tư-cách ưng-thuận trong cuộc giá-thú có thể công-nhận sự ưng-thuận ấy một cách công-nhiên hay một cách mặc-nhiên cũng được. Nhưng nếu sau khi hay được cuộc giá-thú đã thành mà những người ấy để qua một năm không kêu nài điều chi thì sự làm thình như thế làm cho mất quyền xin thủ-tiên.

Khi nào người có tư-cách ưng-thuận là cha mẹ, ông bà thì người có đòi ban (chồng hay vợ) cần sự ưng-thuận có chết đi nữa cũng không ngăn-trở chi quyền xin thủ-tiên ấy được.

IV

NGHIA-VỤ CỦA VỢ CHỒNG ĐỐI LẦN NHAU.

1^o.— Bần-phận phải cứu giúp lẫn nhau.

Cả ba thứ luật Nam-Việt, Trung-Việt và Bắc-Việt đều nhĩn-nhận rằng vợ chồng phải cứu giúp lẫn nhau. Lại nói rõ rằng « người chồng phải tùy gia phong kiệm mà chi độ các việc cần thiết cho vợ chình và vợ thứ mình.

Nhưng đến cái vấn-đề nhất-định món nợ nuôi-đưỡng thì thường xảy ra nhiều việc khó-khẩn. Có hai trường-hợp :

1^o.— Khi người chồng được cha mẹ mình cho phép lập gia-thất riêng, nhờ vậy mà mình trở nên « gia-trưởng » Như thế thì chỉ nhờ nơi sự-nghiệp của mình mà người chồng phải chịu cấp-đưỡng cho vợ con.

2^o. — Khi người chồng vẫn cứ ở với cha mẹ mình thì mình và vợ mình phải ở dưới quyền vị gia-trưởng, không thể có của riêng chi ráo. Như thế thì món nợ nuôi-dưỡng vợ con mình lại phải về phân sự chung của người cha phải chịu phải lấy của-cái của gia-đình ra mà chu-cấp cho tất cả những ai ở dưới quyền người.

Khi người cha chết rồi thì người chồng không bị bắt-buộc đem trả lại di-sản chung những chi-phi của vị gia-trưởng đã tổn hao với vợ con mình

Mặc dù trong trường-hợp ly-hôn, người đàn-bà được tòa xử cho món cấp-dưỡng được quyền truy-tổ vị gia-trưởng mà đòi món tiền ấy, nếu không vậy thì người đàn bà phải thúc-thủ vô-sách, bởi vì tài-sản của chồng (nếu có) đều lệ sáp-nhập vào sự-nghiệp của vị gia-trưởng; vì lẽ nền-tảng pháp-luật của người Việt-Nam là « gia-tộc », mà người cha -- vị « gia-trưởng » (paterfamilias) — là chủ-soái có trọn quyền cai-quản gia-tộc, con cái không được có sự-nghiệp chi cả trừ ra khi nào vị gia-trưởng cho phép thì không kể.

Tuy-nhiên, lúc sau này, án-lệ hạn-chế bớt sự gắt-gao ấy mà nhìn nhận rằng người đàn bà ly-hôn đã tách ra khỏi gia-tộc của người chồng, thì người này rốt cuộc, phải chịu các món tiền cấp-dưỡng mà người tôn-trưởng (ông hay cha) đã trả thế cho mình. Minh phải đem các món tiền ấy mà qui hoàn di-sản (điều 372 bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ): một bản án của tòa Thượng-Thẩm Hanoi ngày 22-12-1933 đã xử như thế.

Nghĩa-vụ cấp-dưỡng giữa vợ chồng tùy theo trường-hợp mà được pháp-luật bảo-vệ như nói sau này :

a) Chiếu theo điều 110 của bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ (điều 108 của bộ Hoàng-Việt-Trung-Kỳ Hộ-Luật cũng y như vậy

thì khi người chồng lười thôi không cấp-dưỡng cho vợ con hay phá tan của chung của vợ chồng thì người vợ có thể xin quan Chánh-Án tòa đệ-nhi-cấp (tòa sơ-cấp ở Trung-Việt) lên thẩm-trạng (1) (ở Trung-Việt thì lên án) cấm không cho người chồng sử-dụng những tài-sản của vợ sẽ đem vào gia-đình về sau này, những tài-sản để dùng trong việc thực-hành chức-nghiệp hay kỹ-nghệ của vợ, một phần hay tất cả hoa-lợi của việc làm ăn của vợ và vợ sẽ được phép quản-trị và hưởng-dụng — hay nữa sử-dụng khi cần — những tài-sản ấy. Điều này giống như sự phân-sản tư-pháp (séparation de biens judiciaire) của Dân-luật Pháp. Đó là cái hăng-cờ nhà cầm quyền kiểm-soát quyền-hành của người chồng trong chức-vụ gia-trưởng của y vậy. Cho đăng đối-dụng với ngoại-nhân, người vợ phải lo công-bổ thẩm-trạng (hay bản-án) của quan tòa trong hai tờ báo trong chỗ gần chỗ trú-sở của người chồng, một tờ pháp-văn, một tờ quốc-văn.

b) — Chiếu theo điều 119 bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ (điều 118 của bộ Hoàng-Việt Trung-Kỳ Hộ-Luật cũng y như vậy), người vợ có quyền xin ly-hôn khi người chồng không lo nuôi-dưỡng mình tùy theo sức.

Ý-trưởng về tiền cấp-dưỡng này, chúng ta tìm thấy dưới một hình-thức khác, trong món tiền bảo-trợ cho người vợ khi có ly-hôn và tùy trường-hợp trong món hoa lợi cho người đàn bà góa hưởng. Luật ở Nam-Việt, Trung-Việt và Bắc-Việt đặt ra nghĩa-vụ cấp-dưỡng chẳng những giữa vợ chồng với nhau mà thôi mà lại còn giữa :

1o. — Cha và mẹ đối với con cái

2o. — Con cái đối với cha và mẹ

3o. — Nàng dâu đối với cha mẹ ông bà bên chồng.

(1) Thẩm trạng tức định-lệnh của quan Chánh-Án (ordonnance)

4°. — Riêng ở Nam-Việt, theo bộ Dân-Luật-Giản-Yếu (sắc.lệnh 3-10-1883), chàng rể được hưởng món cấp-dưỡng của ông bà cha mẹ bên vợ và trái lại cũng có nghĩa-vụ cấp-dưỡng ông bà cha mẹ bên vợ.

5°. — Riêng ở Trung-Việt và Bắc-Việt, anh em chị em phải cấp-dưỡng cho nhau trong trường-hợp phụ-thuộc. Điều 722 của bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ và điều 775 của bộ Hoàng-Việt Trung-Kỳ Hộ-Luật nói: « Khi nào cha mẹ không có dấy hay không đưng được, thì người làm anh làm chị khi không có thân-thích tôn-thuộc khác, phải cấp-dưỡng cho em trai em gái vị thành-niên. Kể làm em dù trai dù gái, phải cấp-dưỡng cho anh chị không giá-thú, khi anh chị bị tàn tật hay là thể bất-dắc-dĩ không có cách sinh nhai. »

2. — Bàn phận phải ở chung với nhau. —

Theo phong-tục lễ-giao của người Việt-Nam thì người vợ chính bao giờ cũng có quyền . hay nói nghĩa-vụ cũng được — ở chung một chỗ với chồng, chỗ ấy gọi là nhà chung hay trú.sở chung của đoàn-thể vợ chồng (domicile conjugal). Hai bộ luật xưa của ta (luật Hồng-Đức điều 320 và luật Gia-Long điều 108, phạt nặng người vợ nào tự-chuyên bỏ chồng và ra khỏi nhà chồng (tức nhà chung của đoàn-thể vợ chồng)

Đạo sắc.lệnh 3.10.1883, bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ và bộ Hoàng-Việt Trung-Kỳ Hộ-Luật cũng đều nói rằng. người vợ có quyền và có phận sự phải ở nơi trú.sở của người chồng.

Theo luật ứng hành ở Trung-Việt và Bắc-Việt thì như chúng ta sẽ thấy sau này, người chồng có thể xin ly-hôn vì lẽ người vợ bỏ nhà chồng mặc dù chồng truyền rao bảo về mà không về ; người vợ cũng có thể xin ly-hôn nếu chồng đuổi vợ ra khỏi nhà.

Nghĩa-vụ phải ở chung cho đúng với pháp-luật này chung-mãn nếu trước vụ kiện xin ly-hôn, quan Chánh-Án tòa đã định cho vợ và chồng mỗi người phải ở riêng một chỗ

Bạn đọc sẽ được rõ tường-tận về vấn-đề này khi xem đến chương : « Nói về sự biệt-cư » sau này.

3. — Bồn-phận phải ở trung-hậu.

Theo luật người Pháp, bồn-phận phải ở trung-hậu là chung cho cả vợ lẫn chồng. Nếu một trong hai người làm sai bồn-phận ấy thì có thể bị truy-tố ra trước tòa hình và người bạn mình có thể dựa vào đó mà vào nơi tòa hộ mà xin ly-hôn.

Luật Việt-Nam thì lại khác Luật Gia-Long khi xưa trừng-phạt gắt-gao đàn-bà lấy trai, trái lại dung-thứ cho đàn-ông nhiều vợ.

Phong-tục trong dân-gian xưa nay cũng thế : khi nào người vợ có lầm-lỗi điều chi thì chồng có từ bỏ hay không công-chúng cũng không nghị-luận, chỉ như khi nào vợ lấy trai mà chồng không chịu từ bỏ thì sẽ bị nhiều lời thị-phỉ khinh rẽ của khách bàng-quan lắm, quyền từ bỏ vợ như vậy, khi xưa, không có cái chi ngăn-trở cả.

Bởi thế, đạo sắc-lệnh 1883 và những bộ Dân-Luật của Trung-Việt và Bắc-Việt chỉ buộc người vợ phải ở trung-hậu đối với chồng : điều 198 bộ Hình-Luật Bắc-Kỳ phạt người chinh-thất hay thứ-thất lấy trai từ ba tháng tới 2 năm tù và tiền phạt từ 40 tới 400 đồng bạc, luôn kể gian-phu cũng đồng bị hình-phạt ấy, điều 300 bộ Hoàng-Việt Hình-Luật, trong trường-hợp ấy, lại phạt tù từ sáu tháng đến ba năm và phạt vạ từ 60 tới 360 đồng,

Chồng được xin ly-hôn khi vợ gian-dâm. Nhưng theo luật ở Trung-Việt và Bắc-Việt thì dù chồng hay vợ đều có phép xin ly-hôn khi nào «đăng kia tình-nết càn-dỡ, thị-nhục mình thậm-tệ» (injure grave). Danh-từ «injure grave» rất là mèn-mông, có thể dùng nó mà chỉ nhiều cảnh-ngộ quá-đáng làm cho sự ăn chung ở lộn giữa vợ chồng không thể chịu nổi được nữa. Đó là một vấn-đề tình-trạng (question de fait) quan tòa có thể tùy theo thời-kỳ, tùy theo trình-độ tiến-hóa mà định rằng lúc nào và trong giai-cấp xã-hội nào một việc có thể gọi là sự «thị-nhục thậm-tệ» (injure grave).

Bộ Nam-Kỳ Dân-Luật Giản-Yếu (sắc-lệnh 1883) chỉ nhận sự vợ gian-dâm làm duyên-cớ ly-hôn. Bởi không có nói tới sự «thị-nhục thậm-tệ» (injure grave) nên quan tòa không thể do đó mà xử-đoán một cách rộng-rãi tùy theo giai-cấp, thời-gian và trình-độ được.

Muốn được rộng hiểu vấn-đề này, chúng tôi xin đăng một đoạn phê-bình của ông V. T. trong Pháp-lý Tập-San đề từ tam-cá-nguyệt trương 85 :

« Tóm lại, trong những trường-hợp có «si-nhục thậm-tệ» tức — (injure grave) các tòa-án Nam-Việt, đứng trước «sắc-lệnh 3-10-1883 đã thành lỗi-thời đối với tâm-lý người «Việt-Nam hiện tại, đành thúc-thủ không cho ly-dị được «sao?

« Chúng tôi thiết-tưởng, trong trường-hợp nói trên các «tòa-án Nam-Việt vẫn có thể tuyên ly-dị trong phạm-vi sắc-lệnh 3-10-1883. Bằng cách nào? Bằng cách giải-thích rộng «rãi duyên-cớ «quá-đáng» (excès) và chỗ duyên-cớ này «bao gồm tất cả trường-hợp có thể gọi là «si-nhục thậm-tệ» được. Ta có thể nói rằng sự «quá-đáng» gồm tất cả những «lời nói, cử-chỉ, hành-vi gây thiệt-hại về tinh thần, trái lại «danh-từ «hành-hạ» ám-chỉ những hành-động gây thiệt-hại

« về thân-thể. Như, hai duyên-cớ « quá-dáng » và hành-
« hạ » là hai duyên-cớ riêng biệt chứ không phải là một
« duyên-cớ độc nhất như các tòa-án thường xử vàn hiều
« luật-gia vãn thường giải-thích,

« Trong các bản án xử về ly-hôn, các tòa-án Nam-Việt
« có thể dùng danh-từ « quá-dáng » giải-nghĩa như trên thay
« thể danh-từ « sĩ-nhục thậm-tệ » để cho án-văn có một căn-
« bản pháp-lý.

« Nếu dùng giải-pháp cho sự « quá dáng » bao gồm tất
« cả trường-hợp « sĩ-nhục thậm-tệ », thiết nghĩ các tòa-án
« Nam-Việt cũng phải đề-dặt và chỉ coi là « quá dáng »
« những trường-hợp « sĩ-nhục » có tánh-cách quan-trọng,
« quan-trọng cho đến nỗi vợ chồng không thể ăn ở chung
« chạ cùng nhau được nữa. Tóm lại, sự « quá dáng » chỉ là
« một duyên-cớ ly-hôn khi nào là « quá dáng » thậm-tệ».

(V. T.)

4^o. — Bồn phận phải vâng lời.

Cả ba thứ luật ứng-hành ở Nam-Việt, Trung-Việt và
Bắc-Việt đều nói y như nhau rằng « bởi sự kết-hôn,
người đàn bà ra khỏi gia-đình của mình mà vào gia-đình
của chồng mình.» Ấy vậy, khi ở dưới chồng, người đàn-bà
phải chịu dưới quyền sai-khiến của chồng. Đó không chỉ lạ,
ấy là cái ảnh-hưởng của thuyết « phu xướng phụ tùy » của
Khổng giáo còn duy trì vậy.

Khi nào vợ chồng còn ở chung với cha mẹ ông bà thì
cả vợ chồng đều phải chịu dưới quyền sử-khiến của ông
bà cha mẹ. Nói cho rõ hơn thì chồng vì thuyết « gia-trưởng »
phải vâng lời chịu-lụy ông-bà cha mẹ, còn vợ thì vì cái
thuyết « tông-phục » chồng mà cũng phải vâng lời chịu-
lụy ông-bà cha mẹ y như chồng vậy.

Vì sao vợ phải vâng-lời chồng ? bởi vì chồng là người chủ của cái đoàn-thể vợ chồng dù ở các nước Âu hay Mỹ cũng vậy, không cứ gì ở Đông-Dương.

Riêng dân Việt-Nam ta, chúng ta nên tự-hào rằng pháp-luật ta đối với người đàn-bà là rộng-rãi hơn hết các nước Á Đông. Và nếu so-sánh thì gần đây, đàn bà các nước Nhật, Tàu hay Ấn-Độ bị bó buộc hơn đàn-bà-Việt-Nam nhiều lắm.

Nói cho phải, tình-cảnh đàn-bà Việt-Nam mà được dễ chịu như ngày nay là một phần nhờ nơi các quan tòa Pháp. Lúc nước ta bị người Pháp thôn-tinh thì tòa-án thường xử cho người đàn-bà Việt-Nam như là một vật sở-hữu của chồng, không được có quyền riêng hay của riêng gì cả, dù có được quyền riêng hay của riêng gì đi nữa thì đều về phần chồng hưởng hết. Chế-độ găt-gao ấy người Pháp gọi là régime in manu mariti nghĩa là chế-độ người vợ phải bị ở trong tay người chồng.

Sự-thể ấy lần lần được thay đổi. Lúc sau này, tuy cũng thừa-nhận cho người chồng có cái danh-dự là chủ của đoàn-thể vợ chồng, tòa-án cũng cho người vợ được hưởng nhiều quyền-lợi khá-quan, chịu rằng họ có một chức-vụ trọng-yếu trong gia-đình và mặc dù là chủ gia-đình, người chồng không có quyền vạn-năng và tuyệt-đối.

Cách giải-quyết của tòa-án như thế không những là hợp với thuyết nhân-đạo và hợp với sự tiến-triển văn-hóa của dân-tộc Việt-Nam mà thôi mà lại còn đúng với tâm-lý cố-hữu của chúng ta nữa, từ xưa tới nay, luôn luôn người đàn-ông Việt-Nam đều ban cho vợ một địa-vị rất trọng-yếu trong gia-đình. Điều 96 của bộ Luật Gia-Long có nói : « vợ là ngang với chồng » tuy ngoài thực-tế không được hẳn như vậy nhưng về tinh-thần, chẳng phải là nhân-đạo, rộng rãi lắm sao ?

V

CHẾ-ĐỘ TÀI-SẢN CỦA ĐÔI VỢ CHỒNG.

A. — Nam-Việt

Về vấn-đề tài-sản, luật, ở Nam-Việt (sắc-lệnh 1883) không có cho người đàn-bà được quyền gì hơn là quyền ứng-dụng thu-lợi (droit d'usufruit) khi chồng qua đời chứ lúc ở với chồng thì của-cải đều là của chồng, trừ ra sau này án-lệ cho có của riêng thì không kể. Khi ly-hôn thì chỉ có thể đem ra những đồ sinh-lê (án-tòa Thượng-Thẩm Saigon 14-6.1914) và của riêng ấy mà thôi. Ngoài ra, nếu tòa-án có xử cho thì chỉ được thêm một món tiền cấp-dưỡng của chồng nếu không cải-giá,

b. — Trung-Việt và Bắc-Việt.

Ở Trung và Bắc-Việt thì nhà lập luật để cho người đàn ông và người đàn-bà được tự-do quyết-định, muốn dùng chế-độ tài-sản nào tùy-ý.

a. — Chế-độ tu-ước

Vợ chồng có thể lập tu-ước qui-định vấn-đề tài-sản giữa vợ chồng cách nào cũng được, có điều phải lập trước quan Chưởng-Khế hay lý-trưởng. Nếu không có quan Chưởng Khế hay lý-trưởng thị-thực thì những tu-ước

(1) — Án-tòa Thượng-Thẩm Saigon 24-3.1921 và 17-7.1938, án-tòa Thượng-Thẩm Hanoi 27-9.1926,

là vô giá-trị. Và khi nào việc giá-thứ bị tiêu-diệt thì không thể dùng những tư-ước ấy mà phân chia tài-sản được.

Khi người đàn-bà và người đàn-ông đã ở với nhau làm vợ chồng thì không thể đòi hôn-ước nữa.

Phàm những tư-ước về tài-sản giá-thứ có biên-chú vào chứng-thư giá-thứ thì mới có thể đem đối-dụng với người ngoài được. Làm như thế, nhà lập luật có ý muốn bênh-vực quyền-lợi cho những người muốn giao-thiệp với những người đã ký-hôn-ước.

b. — Chế-độ hợp-nhất tài-sản.

Ai muốn làm tư-ước cũng được, nhưng nếu không có tư-ước thì cứ theo chế-độ « hợp-nhất tài-sản ». Theo chế-độ này, thì các tài-sản của người vợ đều thuộc quyền của người chồng cũ.

Của chung.—

Của chung có những sản-vật sau này :

- 1°— những động-sản nhận được trong khi giá-thứ,
- 2°— những động-sản mà vợ và chồng đã có khi lấy nhau,
- 3°— những bất-động-sản của hai bên khi lấy nhau (nhà cửa, ruộng, vườn, v.v.),
- 4°— những bất-động-sản của người ngoài cho vợ hay chồng.
- 5°— những bất-động-sản thừa-kế hoặc vợ hay chồng nhận được,

6°— những tài-sản của vợ chồng làm ra trong khi giá-thứ,

7°— những lợi-tức thu-nhận được trong khi giá-thứ.

Sự quản-lý tài-sản chung.

Vợ chính.— Chỉ có người chồng là được quản-lý tài-sản chung. Người chồng có quyền sử-dụng của chung, như mua, bán, cầm-cổ, di-nhượng, v.v.. không cần có vợ bằng lòng. Tuy-nhiên, khi người chồng muốn sử-dụng những bất-động-sản thuộc về kỹ-phần của người vợ thì phải có vợ bằng lòng mới được. Nếu không có chữ ký hoặc điếm-chỉ của vợ thì những khế-uớc ấy không có giá-trị và người vợ có thể xin tòa-án thu-tiểu. Bởi vậy, những người mua, bán, cầm-cổ bất-động-sản của người vợ nên cần-thận.

Vợ thứ.— Khi nào vợ thứ ở chung nhà với chồng và vợ chính thì những đồ-dặt trong nhà ấy tức là của chồng và vợ chính và chồng có quyền độc-đoán quản-lý của ấy. Nếu vợ thứ ở riêng thì vẫn được quyền sở-hữu và quản-lý hưởng-thụ cùng sử-dụng tài-sản của mình.

c. — Các chế-độ hôn-nhân trong luật-pháp.

Cho dặng rộng hiểu chúng tôi xin nói thêm rằng bên Pháp, dân-bà được chọn một trong bốn chế-độ giá-thứ sau này :

- 1° — chế-độ công-cộng (régime communauté),
- 2° — chế-độ bất-công-cộng (régime sans communauté)
- 3° — chế-độ phân-sản (régime de séparation de biens),
- 4° — chế-độ ủy-sản (régime dotal).

Trong chế-độ công-cộng có một thứ tài-sản riêng gọi là « chung-sản » (la masse commune) tức là của chung của hai

vợ chồng mỗi người được làm chủ phân nữa, nhưng trong thời-gian ăn ở nhau thì không được phép chia chác ra, để cho người chồng cai-quản.

Trong chế-độ bất-công-cộng thì không có của-cải chung, mỗi người đều có của-cải riêng, của chồng thì chồng ăn hoa lợi, của vợ thì vợ ăn hoa-lợi. Tuy-nhiên, chồng có quyền cai quản và xài-dùng hoa-lợi của vợ, còn vợ muốn bán của riêng của mình thì phải có chồng cho phép mới được.

Trong chế-độ phân-sản, người vợ làm chủ tài sản của mình và được quyền quản-lý và hưởng-dùng nó tất-cả, nhưng phải chịu vào việc chi-dùng của gia-đình một phần do tư-ước định hay nếu không có tư-ước thì phần chịu ấy là một phần ba hoa lợi của mình. Tuy-nhiên, vì sự vô-tư-cách của đàn-bà có chồng, người vợ muốn mua bán, cầm-cố bất-động-sản của mình cũng phải có phép của chồng mới được.

Trong chế-độ ủy-sản, đại-khái cũng như trong chế-độ bất-công-cộng, chỉ có chỗ khác hơn là khi kết-hôn, người vợ giao cho chồng một số của cải (tức là của hồi-món = dot) để cho chồng làm sinh-lợi mà dài-dùn trong việc gia-đình.

Ngoài bốn chế-độ ấy, người đàn-bà Pháp cũng có trọn quyền tự-do lập-ước với chồng vậy.

VI

ĐỊA-VỊ CỦA VỢ CHÍNH ĐỐI VỢ THỨ

Tục lấy vợ lẽ (vợ thứ) tuy ở Nam-Việt có ít chứ ở Trung-Việt và Bắc-Việt vẫn còn nhiều. Sở-dĩ như thế, tuy một phần cũng do nơi phong-tục mà có lẽ một phần cũng do nơi tình-trạng dân-số nước ta, số đàn-bà con-gái có phần trội hơn số đàn-ông con trai bộn-bộn.

Pháp-luật đã nhìn-nhận vợ thứ, tất-nhiên phải qui-định địa-vị người trong gia-đình đối với chồng và đối với vợ chính.

Điều 96 bộ luật Gia-Long nói: « người chồng nào bắt vợ chính mình làm thiếp thì phải bị tội 100 trượng » (phạm dĩ-thê vi thiếp giả, trượng nhất bách), « người chồng nào khi vợ chính còn sinh tiền mà đem vợ thứ lên làm vợ chính thì phải bị tội 90 trượng » (thê tại dĩ thiếp vi thê giá, trượng cửu thập), « Còn nếu đã có vợ mà còn lấy vợ khác đồng bậc thì cũng phải bị tội 90 trượng và cuộc hôn-nhân thứ nhì này sẽ bị hủy, người vợ thứ nhì ấy sẽ bị trở lại dòng họ mình » (nhược hữu thê cánh thứ thê giá, diệc trượng cửu-thập, hậu thứ chi thê ly-dị qui tông).

Vợ chính được cái địa-vị đặc-biệt như thế trong gia-đình là do nơi phong-tục lễ giáo lâu đời. Chỉ có vợ chính mới được kể là một yếu-nhân trong gia-đình ngang vai với chồng, còn vợ thứ thì chỉ là người phụ-thuộc thôi.

Những lúc cùng-giỗ, vợ chính được cùng với chồng đứng lạy trước từ-duơng, chồng bên tả, vợ bên hữu. Khi nào trong gia-đình có đám tiệc hay lễ-thu chi chi thì vợ chính cũng được dự vào đồng hàng với chồng.

Bằng có vật chất của sự ngang hàng giữa chồng và vợ chính là lúc đám cưới, hai đảng phải giao-bái nhau, còn vợ thứ thì chỉ lạy đức ông chồng mà trao thân gửi phận chứ không được đức ông chồng lạy trả lại. (Chính vì vậy mà trong truyện Kim-Vân-Kiều có câu: cùng nhau giao-bái một nhà, lễ dà đủ lễ đôi dà xứng đôi).

Vợ thứ (vợ-bé — tức là « thiếp » — có cái nghĩa vụ phải cung-kính, vâng lời và thương mến người vợ chính và phải đề tang khi người vợ chính qua đời. Nhưng bởi vì là kẻ nhỏ, vợ thứ không bắt buộc phải cấp-duơng cho vợ

chính, và bởi vì là kẻ lớn, vợ chính lại có nghĩa-vụ phải cấp-dưỡng cho vợ thứ.

Khi chồng qua đời, vợ thứ phải chịu dưới quyền sai-khiến của vợ chính.

Luật ở Trung-Việt và Bắc-Việt còn giữ nhiều dấu-vết luật Gia-Long về vấn-đề này nên buộc vợ thứ phải kính mến và vâng lời sai khiến của vợ chính và định rằng khi người chồng muốn cưới vợ thứ thì phải có vợ chính ưng-thuận mới được. (Luật ở Nam-Việt cũng định như vậy).

Cả ba thứ luật Trung, Nam và Bắc đều dạy rằng vợ chính thì được ở chung một nhà với chồng, còn vợ thứ thì chồng bảo ở đâu phải ở đó. Lại buộc người chồng phải để từ-dưỡng tại nhà chính có vợ lớn ở chứ không được để chỗ nào khác. Hơn nữa, vợ chính có quyền cùng với chồng cai-quản sự-sản chung, chồng phải hỏi ý-kiến của vợ chính trong những trường-hợp quan-trọng. Vợ chính cũng có quyền cầm-cổ của-cải chung khi gia-đình có cần: việc này người vợ thứ không được quyền làm bao giờ.

Theo bộ Dân-Luật Bắc-kỳ và bộ Hoàng-Việt Trung-Kỳ Hộ-Luật thì sự khác nhau giữa vợ chính và vợ thứ càng rõ-rệt khi người chồng qua đời. Chiếu theo những điều 354 và kế-tiếp của bộ D. L. B. K. (tức điều 339 và kế-tiếp của bộ H. V. T. K, H. L.) thì trong trường-hợp chồng chết, vợ chính nếu không cải-giá thì được thay quyền chồng mà làm chủ gia-đình. Vợ chính góa-chồng có trọn phu-quyền (puissance paternelle) đối với con cái vị-thành-niên của mình sinh ra và luôn của các vợ thứ sinh ra nữa, được hưởng quyền ứng-dụng thu-lợi của-cải riêng của chồng, của-cải chung của vợ chồng và của-cải riêng của mình và được quyền cai-quản tất cả những của-cải ấy y như người chồng vậy.

Vợ chính lấy hoa-lợi của-cải ấy mà chu-cấp cho con cái của mình và con cái của vợ thứ.

Vợ thứ không có chút quyền chi trong di-sản của chồng chết để lại, chỉ có quyền ăn ở trong nhà của chồng mà thôi. Nếu vợ chính không ngăn cản thì vợ thứ cứ ở trong nhà chồng với con cái mình : phân-sự của mẹ con người vợ thứ cũng vẫn y như lúc người chồng còn sinh tiền chỉ khác một điều là trước kia dưới quyền của người chồng còn nay thì dưới quyền của người vợ chính mà thôi.

Dành rằng địa-vị của người vợ thứ trong gia-đình của chồng thực là không đẹp.đẽ chút nào, nhưng chúng ta cũng nên nhìn-nhận rằng nếu cho vợ chính và vợ thứ được đồng quyền thì sự đó chắc-chắn không phải là hạnh-phúc của gia-đình người chồng vậy. Chính vì như vậy mà ngoài thực - tế, người dân-ông nào mà có nhiều vợ thì thường đề cho vợ thứ ở riêng ra để tránh những sự xung-đột quyền-lợi hay ghen-tơng có thể phung-hại đến hạnh-phúc của gia-đình vậy.

Nói một cách tổng-quát, và với tất cả sự dè-dặt, số-đĩ sự lấy nhiều vợ không phải là một tai-hại cho gia-đình và xã-hội Việt-Nam vì bởi nó do một tập-quán lâu đời đã thâm-nhiễm trong tâm tinh người Á.đông vậy.

VII

SỰ VÔ-TU-CÁCH CỦA

NGƯỜI ĐÀN-BÀ CÓ CHỒNG

Nguyên-lý và phạm-vi

Đại-phạm hệ là người đàn-bà có chồng thì không được lập-ước chi mà không có chồng cho phép. Có nhiều án-tòa Thượng-Thẩm đã xử như thế (án-tòa Thượng-Thẩm Saigon 19.11-1945, án-tòa Thượng-Thẩm Ha-noi 11.1-1929, 13.9.1932 và 11.10-1935).

Người dân-bà có chồng không thể buôn bán hay tranh-tung trước tòa hộ, tòa thương-mãi hay tòa hành-chính mà không có phép công-nhiên hay mặc-nhiên của chồng. (1)

Chiếu theo bộ Dân-Luật Giản-Yếu (sắc-lệnh 1883) ứng-hành ở Nam-Việt thì « trong tất cả những công việc thuộc về người vợ thì người này đều được chồng mình thay mặt cho.

Bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ, trong những điều 97 và kế-tiếp cũng định như vậy (điều 96 và kế-tiếp của bộ Hoàng-Việt Trung-Kỳ Hộ-Luật) Theo điều 97 bộ D.L.B.K. thì người chồng được quyền thay mặt vợ chính và vợ thứ trong tất cả công việc trừ ra khi nào họ bị truy-tố về hình-sự thì không kể. Bộ H.V.B.K.H.L. cũng lập y lời ấy trong điều 96.

Nếu đem những điều nói trên đây của ba thứ dân-luật, Trung, Nam và Bắc mà thi-hành đúng theo thì cái kết-quả sẽ khác hẳn với luật nước Pháp cho người dân-bà có chồng là vô-tư-cách (incapable), khi nào cần làm một ít việc gì quan-hệ thì phải có chồng cho phép hay ưng-thuận. Sở dĩ như thế là vì theo luật Pháp họ nhân-danh họ mà làm vì chẳng khác trẻ vị-thành-niên thoát-quyền hay người lằng-phí có người quản-tài (curateur) hay hội-nghị gia-tộc cho phép. Tuy người chồng là chúa-tể của đoàn-thể vợ chồng đi nữa, nhưng trước mặt luật mình không phải là người đại-diện pháp-định (représentant légal) của vợ.

Trái lại, theo luật Việt-Nam, người chồng là người đại diện pháp-định của người vợ cũng như vị thủ-hộ là đại-diện pháp-định của trẻ vị-thành-niên chưa thoát-quyền (mineur

(1) Công-nhiên (*expresse*) nghĩa-là có văn-lưu làm bằng, mặc-nhiên (*tacite*) nghĩa-là tuy không có văn-lưu làm bằng nhưng xét theo tình-trạng củ-chỉ thì rõ ràng chồng ưng-thuận cho vợ buôn-bán. Ví dụ: vợ đứng bán sanh-ý buôn-bán cùng chung một nhà với người chồng mà người chồng để vợ thì tức là đã mặc-nhiên cho phép rồi.

non émancipé) bởi một khế-ước ủy-thác (mandat), mà vì đó vị thủ-hộ có thể tự-do lập ước hay tranh-tụng trước tòa-án nhân-danh trẻ ấy : ấy vậy, những ảnh-hưởng sẽ xảy ra một cách trực-tiếp nơi người bị đại-diện (représenté) tức là nơi người dân bà vậy.

Đó là nói về phương-diện thuyết-lý chứ về mặt thực-tế, như chúng ta sẽ thấy sau này, có lắm trường-hợp người dân-bà Việt-Nam, trước năm 1938, được nhiều quyền hơn người dân-bà Pháp.

Sau khi xướng lên thuyết « Đại-diện pháp-định » của người dân-bà có chồng, bộ Nam-Kỳ Dân-Luật-Giản-Yếu (sắc-lệnh 1883) có nói: « người chồng có quyền cho phép người vợ tự-do hành-động riêng một mình ». Bằng cách càng rõ-rệt hơn nữa, hai bộ Dân-Luật ứng-hành ở Trung - Việt và Bắc-Việt qui-định rất rõ-ràng các khoản mà người vợ một mình được làm lấy và các khoản mà người vợ phải cần có chồng can-dự vào. Càng rộng-rãi hơn luật Pháp trước 1938, hai bộ luật nói trên lại cho người vợ can-dự vào một ít việc người chồng mới làm được phép kiện chồng trước tòa-án về tội lạm quyền nữa.

Chỗ nói về sự vô-tư-cách của người dân-bà có chồng trong bộ D. L. B K. là điều 98 (điều 95 của bộ H. V. T K H L) « vợ chính và vợ thứ muốn tranh-tụng và lập giao-kèo đều phải có phép của chồng ».

Điều 102 của bộ D L B K (điều 101 của bộ H. V. T. K. H. L. lại nói: « phạm người vợ chính muốn tặng-dữ, chuyển-dịch, đề-dương, thủ-đắc bằng cách tốn hao tất phải do người chồng cùng ký tên trong văn-tự hoặc phải có giấy của chồng cho phép mới được. Khi vợ thứ đứng thay mặt cho gia-đình hay chủ-sự lợi-ích cho gia-đình mà lập ước với ai thì cũng phải như thế ».

Điều ấy phân-biệt rõ-ràng sự vô-tư-cách của người vợ chính và người vợ thứ. Chỉ có vợ chính thì mới bị vô-tư-cách còn vợ thứ thì chỉ bị cấm không được nhân-danh gia-đình và đoàn-thể vợ chồng mà lập giao-kèo, và ý nghĩa của điều 112 như thế càng thêm rõ-rệt bởi điều 114 kể đó : vợ thứ vẫn được giữ quyền sở-hữu và được quản-ly, hưởng-thụ cùng sử-dụng những tài-sản riêng của mình. Người chồng không được sử-dụng tài-sản ấy trái với ý vợ.»

Ngoại trừ một ít sự hạn-chế về quyền thực-hành một chức-nghiệp mà chúng ta sẽ thấy sau này, người vợ thứ hoàn-toàn đủ tư-cách và sự màu-thuần giữa điều 114 với điều 97 nói trên (điều này lại cho rằng : người chồng đứng thay mặt cho cả vợ chính lẫn vợ thứ) không thể làm giảm bớt hiệu-lực điều 114 được. Sự « đại-diện » bởi chồng không thể làm hại chi tới tài-sản của vợ thứ trái ý với vợ thứ cả, ấy vậy, sự « đại-diện » ấy chỉ về thuyết-ly (théorique) thôi.

Lại nữa, điều 98 của bộ D. L. B. K. (điều 96 của bộ H. V. T. K. H. L.) dạy rằng : « vợ thứ muốn lập-ước phải có chồng cho phép », thể-lệ ấy cũng vẫn vô-hiệu nếu khi nào vợ thứ lập-ước về tài-sản riêng của mình, sự lập-ước nói trong điều 98 và 96 nói trên có hàm ý là « lập-ước khi vợ thứ thay mặt cho gia-đình hay chủ-sự lợi-ích cho gia-đình » vậy.

Trong sách « Người đàn-bà Việt-Nam », ông Nguyễn-văn-Sĩ đã viết :

« 1.— Về việc lập khế-ước — Theo án-lệ, hay nói theo cách khác để hiểu hơn, theo các án tòa Thượng thẩm đã thành án mà các tòa dưới phải tuân theo, người đàn-bà có chồng không có thể ký-kết giấy tờ bất cứ với ai nếu không có chồng tham-dự hoặc cho phép.

« Trong trường-hợp ký-kết giấy tờ không có phép của chồng, các giấy tờ của người đàn-bà ký tên sẽ bị hủy-bỏ và coi như là không có. « Như ta đã thấy trên, người đàn-bà mất cái tư quyền năng-lực (capacité civile) không phải tại mình là đàn-bà mà tại mình đã trở thành người vợ. Các tòa án đều xử y như vậy. Người chồng là người chủ của gia-đình

• và là người bảo-hộ cho người vợ, phải tham-dự hoặc cho phép vợ
• trong tất cả giấy tờ của người đàn-bà ký-kết...

Kể đó, ông Nguyễn-văn-Sĩ dẫn ví-dụ : tòa Thượng-thẩm, bởi án ngày
29-7-1939, hủy giấy nợ của Lê-thị-Mai thiếu tên chà Souppayachetty và
không có chồng cho phép và tham-dự. Nhưng án sau này cũng xử như
vậy : án tòa Thượng-thẩm (phòng nhất) ngày 1-12-1939 và án tòa ấy
(phòng nhì) ngày 9-7-1942. Rồi ông kết-luận :

• Nên nhớ.— Không có phép của chồng, các giấy tờ người đàn-bà
• ký-kết sẽ bị tòa-án hủy-bỏ. Tuy vậy, nếu trong lúc ký-kết giấy tờ, người
• đàn-bà có chồng dùng nhiều mánh-khoẻ gian-xảo, gạt-gàn người chủ
• nợ, làm cho chủ nợ tưởng lầm không có chồng hoặc đã ly-di (vợ
• chồng ở riêng nhau nhưng hôn-thú vẫn còn), hoặc giả-mạo chữ ký
• của chồng làm như chồng có cho phép, vì sự giả-mạo gian-xảo ấy
• giấy tờ người đàn-bà ký-kết sẽ được tòa-án xem có giá-trị như có
• phép của chồng. Theo ngôn-ngữ về luật pháp : “ trước tòa-án không
• ai được khoe bày sự gian-xảo, giả-dối xấu-xa của mình đặng mà được
• kiện ” (nemo auditur propriam turpitudinem allegans).

• II.— Về việc kiện-tụng trước tòa-án.— A.1 Trong các việc kiện
• thưa trước tòa-án, người chồng là người chánh-thức được quyền thay
• mặt cho vợ hoặc nếu người đàn-bà tự mình vào đơn nơi tòa-án kiện
• ai phải có người chồng tham dự và cho phép trong đơn.

• Nếu tự tiện vào đơn kiện một mình, tòa chẳng xem xét đến nội-
• dung vụ kiện và chỉ lên án bác đơn (demande irrecevable) về hình-
• thức... »

• Kể đó, ông Nguyễn-văn-Sĩ đơn-cử án tòa Thượng-thẩm bác đơn
• tiên-cáo của Trương-thị-Lý về hình-thức vì kiện không có chồng là
• Mã-Ngư cho phép và tham - dự, và án tòa Thượng - thẩm bác đơn
• đệ tam phản-kháng (tierce opposition) của Lương-thị-V... vợ lớn của
• Lê đình-M... để tranh-giành sự-nghiệp của tinh-nhân của Lê-đình-M...
• là cô Nguyễn-thị-H... vì hai vợ chồng Lê-đình-M... và Lương-thị-V...
• không được ngay tình. Rồi ông kết-luận :

•1) Muốn kiện ai trước tòa-án, người đàn-bà Việt-Nam phải có
• chồng cho phép.

• 2) Người chồng là người có quyền thay mặt vợ trước tòa án
• trong các việc kiện tụng quan-hệ đến sự-nghiệp chung khỏi cần phải
• “ có vợ ủy quyền riêng vì Chồng là chủ của gia-đình. ”

Đề so-sánh người đàn-bà Pháp với người đàn-bà Việt, ông Nguyễn-văn-Sĩ đã viết trong quyển « Người đàn-bà Việt-Nam » như vầy :

« ...Trước năm 1938, người đàn-bà Pháp cũng có một địa-vị tương-đương như người đàn-bà Việt-Nam. Tuy luân-lý họ không có nói đến « tam-tùng » song sự tùng-phụ là một nguyên-tắc cho người đàn-bà Pháp có chồng.

« Nói một cách tổng-quát hơn, trước năm 1938, người đàn-bà Pháp cũng như người đàn-bà Việt-Nam, phải có phép chồng khi muốn ký kết giấy tờ, phải có phép chồng khi ra trước tòa-án.

« Ngày 18-2-1938, sau gần sáu năm nghiên-cứu, ban-bổ ra luật mới nhìn-nhận người đàn-bà Pháp có chồng có đủ cái « tư-quyền năng-lực » (capacité civile).

« Quyền lập-pháp năm 1938 sửa-đổi hoặc bãi-bỏ nhiều trong quyển Dân-Luật Pháp về quyền-lực của người chồng. Hai điều quan-hệ bị bãi-bỏ và sửa-đổi lại là điều 213 và 215.

« Trước ngày 18-2-1937, theo điều 213 cũ, người chồng có quyền kiểm-điểm tánh-hạnh của vợ nhứt là xem xét thơ-từ người ta gởi cho vợ. Từ năm 1938, quyền ấy mất.

« Thơ-từ người ta gởi cho vợ thì người vợ đọc và cất giữ, người chồng không được tọc-mạch. Trái lại, người vợ có quyền xin ly-dị.

« Điều 215 (mới) giải-thoát người đàn-bà nhiều trong sự xin phép chồng. Điều này nói : « Người đàn-bà có chồng có trọn cái tư-quyền năng-lực trừ ra khi nào luật định khác hoặc tùy theo chi-tiết trong phụ-thủ tài-sản khế-ước mà vợ đã ưng-thuận trước.

« Từ năm 1938, người đàn-bà Pháp có quyền lãnh của hiện-tặng của di-tặng..., có quyền kiện thưa trước tòa-án khỏi phải xin phép chồng. Người đàn-bà Pháp đã thoát khỏi địa-vị trẻ-vị-thành-niên. Hơn nữa, người đàn-bà Pháp có quyền bán tài-sản riêng của mình khi xin phép chồng...

« Nhưng ở dưới chế-độ cộng-thông tài-sản, người chồng vẫn theo luật xưa, gữ trọn quyền quản-trị tài-sản chung và quản-trị luôn tài-sản riêng của người đàn-bà... Nếu muốn lo về thương-mái, cũng phải còn cần sự ưng-thuận của chồng...

« Tóm-tắt một điều là người đàn-bà Pháp có quyền có tài-sản riêng và từ ngày 1-8-2-1938 có trọn tư-quyền năng-lực. Tuy luật nói một cách bao-hàm như vậy song sự thật, người đàn-bà Pháp chưa khỏi hẳn quyền-lực của người chồng; nghĩa là phải có chồng tham-dự hoặc cho phép trong nhiều trường-hợp. . . .

SỰ GIÁ-THỨ BẬC NHÌ

I

NGƯỜI VỢ THỨ TRONG LUẬT VIỆT-NAM

Ở Việt-Nam nhất là thuở xưa, có cái tục lấy nhiều vợ, nguyên-do để sinh nhiều con cái và để cho có người phụ giúp trong gia-đình cách đặc-lực hơn hàng tôi-tớ thường. Càng giàu có chừng nào lại càng có nhiều vợ thứ (vợ bé) chừng nấy để cho có đủ người tin cậy mà chăm-nom công việc của vị gia-trưởng. Cho nên tục-ngữ có câu : « trai năm thê bảy thiếp, gái chính-chuyên một chồng ».

Sự lấy vợ thứ (vợ bé), luật Gia-Long xưa cũng đã có qui-định hẳn-hòì, cho nó là : một chế-độ cần-thiết cho xã-hội ta.

Điều 96 luật Gia-Long nói : « thê tại dĩ thiết vi thê giả, trọng cửu-thập » (vợ còn sinh tiền mà lấy thiếp tức vợ bé, làm vợ chính thì bị phạt 90 trọng), nhưng điều ấy chỉ nói về « thê » (vợ chính) mà thôi, chứ đối với thiếp « (vợ thứ, vợ bé) thì luật cho phép lấy nhiều người, chỉ phân-biệt rõ-ràng sự khác nhau giữa «thê» «và thiếp» mà thôi. Cũng điều 96 luật Gia-Long có nói : « phạm dĩ thiết vi thê giả, trọng nhất-bách » (lấy thiếp làm thê thì bị phạt 100 trọng).

Nếu kể theo thứ-tự trên dưới thì gia-đình có ba thứ vợ :

- 1° Vợ chính hay vợ cả hay vợ lớn (thê),
- 2° — Vợ thứ hay vợ bé hay vợ lẽ (thiếp),
- 3° — Nàng hầu (tỳ)

Nàng hầu là những người của vị gia-trưởng mua về chứ không có cưới hỏi như vợ chính (vợ lớn) và vợ thứ (vợ bé). Hạng này có thể được cưới mà lên bậc vợ thứ. Chỉ có các nhà quan lớn mới có nàng hầu mà thôi.

Trong bản-án 3-11-1923, tòa Thượng-Thẩm Hà-nội có nói : « vợ thứ hay thiếp cũng thuộc về gia-đình nhưng chỉ liên-lạc với người chồng bởi một giao-kèo thường không có sự cưới hỏi long-trọng của người chính-thất (thê). Theo phong-tục, người chính-thất phải nhìn-nhận vợ thứ hay thiếp mới được ; người vợ thứ không thể coi như là một tinh-nhân thường không được thuộc về gia-đình và không có giao-kèo chi liên-lạc với chồng cả. Sự ăn-ở với một tinh-nhân thường không làm phát-sinh ra một nghĩa-vụ nào giống như những nghĩa-vụ có giữa vị gia-trưởng và người chính-thất hay thứ thất cả ».

Luật ở cả ba phần Nam, Trung và Bắc đều nhìn-nhận như thế, nên đã qui-định sự cưới gả bậc nhì (vợ thứ) cũng y như qui-định sự cưới gả bậc nhất. Bởi vậy cuộc cưới gả bậc nhì, muốn cho có giá-trị, phải có đủ ít nhiều điều-kiện như sẽ nói sau này.

Sự tự-do lấy nhau, không thể có hiệu-lực chi chính-thức cả. Bởi vậy, trong án 3-11-1923 nói trên, tòa Thượng-Thẩm Hà-nội đã định rằng : « tinh-lang không thể bị bắt buộc cấp-dưỡng cho tinh-nương mình vì người này lấy mình đã sinh con, chỉ có thể bắt buộc cấp-dưỡng và nuôi-nấng đứa trẻ mà thôi.

Cũng vì thế mà không thể lên án ly-dị giữa hai người tinh-tự vì sự ly-dị chỉ để làm tiêu cuộc hôn-nhân bậc nhất, bậc nhì mà thôi (án-tòa Thượng-Thẩm Hà-nội 24-5-1933 và

hay 1-7-1936). Vả lại, tinh-nương cũng không thể tránh - tròn quyền ứng-dụng thu lợi di-sản củatinh-lang như người vợ chính vậy và cũng không thể bắt-buộc tinh-lang phải tiếp minh trong nhà y (án-tòa Thượng-Thẩm Hà-nội 10-12 1933).

Tuy-nhiên, sự tự-do lấy nhau giữa hai người không phải là tuyệt-nhiên vô-hiệu-lực cả đàu án-lệ sau này cũng làm giảm-bớt những sự gắ.gao của sự tự-do kết.hợp vì ở xứ mình có rất nhiều cặp vợ chồng lấy nhau không có hôn-thủ đã lập nên rất nhiều gia-đình. Bởi vậy, trong sự thanh-toán tài-sản của những cặp vợ chồng tự-do ấy, tòa-án đã nhìn-nhận cái giả-thuyết một cuộc hôn-hợp và thực-tế (association de fait) mà tài-sản của hội phải chia ra cho các hội viên (án tòa Thượng-Thẩm Đông-Dương 13.4-1936, án-tòa Long-xuyên 7-11-1917, án tòa Thượng-Thẩm Đông-Dương 24-10-1918, án tòa Thượng-Thẩm Hà-nội 24-2-1933).

Một bản án đề ngày 25.9-1936 của toà Thượng - Thẩm lại quyết định rằng mặc dù có vợ chính - thức rồi, người chồng còn có thể tham-dự vào một cuộc hôn - hợp về thực-tế và không thu đơn ngoại-nhân phản đối (tierce - opposition) trong sự toà xử phân chia của-cải của hai người tự-do lấy nhau.

Án ngày 1-11-1935 của toà Thượng-Thẩm Hà-nội có xử người đàn ông phải trả cho tinh - nương minh một số tiền đền công những năm lao-lực cộng-tác với mình vậy.

Sau rớt, bộ D.L.B.K. trong điều 175 định rằng sự tự-do lấy nhau trước mắt công chúng là một trường-hợp đưa trẻ có thể dựa vào mà xin nhìn cha. Khi một đứa trẻ được nhìn nhận là con tự nhiên thì nó sẽ được đồng quyền với những đứa con hợp-pháp khác.

Muốn phân biệt một cuộc hôn nhân chính - thức với một sự kết.hợp tự.do (concubinage) không phải là việc dễ-dàng đâu. Chiếu theo sắc-lệnh 3-10-1883 và các bộ Dân-Luật ở Trung-Việt và Bắc-Việt thì một cuộc hôn-nhân phải có cử hành theo phong - tục lễ giáo và phải có khai với vị hộ - lại (nhân-thế-bộ-lại) : thế thì một cuộc hôn-nhân bậc nhất hay bậc nhì đều do tờ hôn-thú ghi cả. Có khi vị hộ - lại làm lộn, biên vào hôn.thú « bậc ba », như thế thì phải kể là hôn-thú, bậc nhì bởi vì trong luật Việt-Nam không có hôn - thú bậc ba bao giờ (án tòa Thượng-Thẩm Hà Nội 25.11-1931)..

Sự phân biệt giữa cuộc hôn-nhân bậc nhì với sự kết.hợp tự.do sẽ được rõ rệt hơn nữa khi chúng ta xét đến những điều-kiện của sự cưới vợ thứ (vợ bé) sau này.

II

NHỮNG ĐIỀU-KIỆN VỀ HÌNH-THỨC

Điều.kiện về hình-thức thì không có bao nhiêu.

Tục Việt-Nam có câu : « Thứ thế mãi thiếp » nghĩa là vợ thì cưới, còn hầu thiếp thì mua. Hễ cưới thì có khai trước vị-hộ-lại, còn mua thì không cần phải khai báo với ai hết.

Ấu là chúng ta cứ dựa vào sự « khai » hay là « không khai » với hộ.lại mà định coi người đàn-bà có chồng kia là vợ thứ (vợ bé) hay là hầu thiếp.

(Chữ thiếp » nói trên đây, chúng ta nên hiểu là : nàng hầu, nữ-tỳ, tỳ-thiếp ; không đồng nghĩa với chữ « thiếp » nói trong điều 96 của bộ luật Gia-Long, có nghĩa là : vợ thứ, vợ bé hay vợ lẽ. Đáng lý phải nói : « thứ thế, mãi tỳ mới đúng).

III

NHỮNG ĐIỀU-KIỆN CHÍNH

10. — PHẢI CÓ MỘT CUỘC HÔN NHÂN BẠC NHẤT

Trong bộ Nam-kỳ Dân-Luật Giản-Yếu (sắc lệnh 1883) và bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ (điều 80) có nói rõ về điều kiện này Bộ Dân-Luật Trung-Kỳ (điều 79) Hoàng-Việt-Trung-Kỳ Hộ-Luật lại nói cách khác hơn một ít: « Chưa có chính-thất thì không được cưới thứ-thất bằng lòng mới được, nhưng khi nào góa vợ nay đã ly-dị với người vợ chính thì có thể cưới người vợ mới ấy làm kế-thất hay chính-thất cũng được ».

Một bản án 16.12-1926 của tòa Thượng-Thẩm Saigon xử rằng : « Thay vì nhất định rằng hai vợ chồng muốn lập một cuộc giá-thú sai phép và trong khi chừng tỏ ý muốn kết-hôn theo luật, tức thị đó là cái bằng-có chúng muốn kết-hôn bạc-nhất, vì chúng chỉ có thể kết-hôn bạc-nhất ; bởi có người vợ thứ hai lấy trong khi không có chính-thất phải kể là vợ chính và phải chịu trách-nhệm và nghĩa-vụ làm người mẹ trong gia-đình » :

Xử như thế là không đúng, (1) bởi vì trong một bản án trước, tòa Thượng-Thẩm Đông-Dương có định rằng : « sự không có chính-thất một mình không thể tỏ rằng cuộc hôn nhân đã kết là bạc-nhất bởi vì cuộc hôn nhân bạc nhất phải cử-hành theo phong-tục lễ-nghi đã có sẵn xưa nay. »

Bởi vậy, sự phải có cuộc hôn - nhân bạc nhất trước là một việc cần yếu. Nếu cuộc hôn-nhân bạc nhất đã có thì từ đó về sau chỉ có thể thực-hành một cuộc hôn-nhân bạc nhi

(1) *Camerlynek. — Cours de Droit Civil Annamite*

mà thôi Nếu thực hành một cuộc hôn nhân bạc nhất thứ nhì trước khi cuộc hôn nhân bạc nhất thứ nhất chưa tiêu thì cuộc hôn nhân thứ nhì này ấy sẽ bị thủ - tiêu và không thể buộc người vợ thứ nhì phải chịu số phận người vợ bạc nhì nếu người này không ưng thuận.

Bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ và bộ Dân-Luật Trung-Kỳ (điều 84) đều có hạn chế bớt sự thể ấy. Nếu người vợ lấy sau ưng thuận thì tòa án có thể vừa thủ tiêu cuộc hôn nhân bạc nhất thứ nhì vừa tuyên bố rằng cuộc hôn nhân ấy từ nay sẽ liệt vào bạc nhì.

Nếu người vợ cưới sau là vị thành - niên, những người có tư cách cho phép cưới gả phải ưng thuận sự sửa bạc, trong trường hợp ấy tòa án sẽ tuyên bố sự sửa bạc ấy: một bản sao lục án tòa sẽ gửi đến vị hộ-lại (nhân thể bộ lại) và vị này sẽ bị chú vào bên lề chứng thư giá-thứ bị sửa bạc đó.

Bộ Dân-Luật Trung-Kỳ, trái lại, cho phép đem một cuộc hôn nhân bạc nhì lên bạc nhất. Chứ theo điều 81 đoạn chót thì: « người chồng góa khi đã hết tang vợ chính rồi thì có thể đem người vợ thứ đã lấy trước kia lên làm kế-thất, chỉ phải khai với vị hộ-lại sở tại nơi cưới người vợ ấy là đủ, vị hộ-lại sẽ đem lời khai của người chồng cho người vợ thứ lên làm kế-thất mà bị chú vào bên cạnh chứng thư giá-thứ của người vậy. »

20. — SỰ ƯNG THUẬN CỦA NGƯỜI VỢ CHÍNH.

Điều 93 bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ nói rõ rằng: « phạm chồng lấy vợ thứ phải do vợ chính khai minh bạch với hộ-lại và biên vào trong chứng thư giá-thứ của vợ thứ, hoặc do vợ chính mặc-nhiên thừa-nhận. Vợ thứ phải phục-tòng kính-trọng vợ chính. »

Sự làm sai điều-kiện ấy, trong bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ và bộ Nam-kỳ Dân-Luật Giản-Yếu không thấy nói có ảnh-

hường gì đến giá-trị cuộc hôn-nhân, có lẽ không thể thủ-tiêu cuộc hôn-nhân nhưng vợ chính có thể kể việc đó là một sự ngược đãi thái-quá (service grave) mà xin ly-dị vậy.

Luật ở Trung-Việt — tức bộ Hoàng-Việt Trung-Kỳ Hộ-Luật — buộc điều-kiện ấy cách gắt-gao hơn: « vợ chính phải công-nhiên ưng-thuận và phải khai trước mặt viên hương-bộ, viên này phải bị-chú sự ưng-thuận ấy vào hôn-thú. Chỉ có khi nào vợ chính không thể tỏ ý-kiến mình được thì khi quan thủ-hiến bản tỉnh đã xét qua như vậy, có thể cho phép chồng được lấy vợ thứ mà không cần có sự ưng-thuận của vợ chính, sự cho phép ấy phải bị-chú vào chứng-thư giá-thú (điều 79).



SỰ TIÊU-HÔN

Vợ chồng ăn ở với nhau êm-ái thuận-hòa từ lúc mảy xanh cho đến khi đầu bạc là một điều hạnh phúc. Chính vì vậy, mà khi có cuộc cưới hỏi, người đời hay chúc nhau câu : « loan-phụng bách-niên túc-ước », chỉ có khi nào một đôi chàng bắt-hạnh qua đời thì cuộc hôn nhân mới chung-mãn. Nhưng sự tiêu-hôn như thế là sự tiêu-hôn thường, sau này sẽ nói. Trong chương này, chúng tôi chỉ nói đến sự tiêu-hôn bất-thường, tức là sự ly-dị giữa vợ-chồng do tòa-án tuyên-bố và xử-phân vậy.

Chương thứ nhất

SỰ LY-HÔN

I

NHỮNG NGUYÊN-NHÂN ĐỀ BỎ THEO LUẬT XƯA.

Theo điều 108 bộ luật Gia-Long thì : « Mỗi khi nào « người vợ không mắc vào một trong bảy trường-hợp — « gọi là : thất-xuất — vì đó mà chồng có thể đề bỏ vợ (1)

(1) Chúng ta không nên hiểu lộn « sự đề vợ » (*répudiation*) trong luật xưa của ta gọi là « xuất thế » với « sự ly-hôn » hay ly-dị (*divorce*) là cách tiêu-hôn mới bày ra trong bộ Nam-Kỳ Dân-Luật Giản-Yếu 1883, tục gọi là : « xé hôn-thủ trước tòa. »

« hay không có làm sự gì có thể làm cho tiêu-diệt phạm-sự
« mình đối với chồng mà chồng tự-chuyên để vợ thì sẽ bị
« phạt 80 trọng.

« Mặc dù vợ có can-phạm vào một trong bảy điều có
« thể để vợ đó — không con, dâm-dật, không thờ cha mẹ
« chồng, nói hành, ăn cắp, ăn trộm, ghen tương, bị bệnh
« cùi phung — mà vẫn ở trong ba trường-hợp ngăn-cản sự
« ly-dị gọi là tam-bất-khử — để tang bên chồng ba năm,
« vợ chồng trước nghèo sau giàu, vợ không còn cha mẹ bà
« con ruột — thì nếu chồng tự-chuyên để vợ sẽ bị phạt tội
« nhẹ hơn hai bậc và vợ chồng phải ăn ở lại như cũ. Khi
« nào người vợ cả phạm một việc gì làm tiêu-diệt phạm-sự
« mình đối với chồng mà buộc phải để ra thì nếu chồng
« không để sẽ bị phạt 80 trọng.

« Nếu vợ chồng không ưng-thuận nhau, muốn phân-rẽ
« nhau thì họ không có can vào tội chi cả (bởi vì không
« thuận-tình thì không buộc họ phải ăn-ở nhau cho được).

« Nếu người chồng không có ý muốn phân-rẽ mà người
« vợ tự-chuyên bỏ chồng mà trốn đi thì sẽ bị phạt 100
« lượng rồi tùy ý chồng muốn gả bán gì cũng được. »

« (Phàm thê xuất thất xuất vô ưng xuất chi điều cập ư
« phu vô nghĩa, tuyệt chi tráng nhi thiên xuất chi gia
« trọng bát thập, tuy phạm thất-xuất hữu tam-bất-khử
« nhi xuất chi gia giảm nhị dăng truy hồi doãn-tu ; nhược
« phạm nghĩa tuyệt ưng lý nhi bất ly diệt trọng bát thập.
« nhược phu thê bất tương hài hòa nhi lượng nguyên lý gia
« bất hỏa, nhược thê bột phu tải đào gia trọng nhất bách
« từng phu gia một. » (1)

(1) Thất xuất : vô tử, dâm-dật, bất sự công-có da-ngón, đạo thiết,
đổ-ky, ác-tật.

Tam-bất-khử : Tăng kinh tam niên tang, tiền bản tiện hậu phú-
qui, hữu sở thụ vô sở qui.

Do theo điều 108, ấy thì chúng ta có thể nói rằng theo luật xưa có ba cách tiêu-hôn :

1^o. — **Sự tiêu-hôn bởi chồng dè vợ** — Đành rằng chồng có quyền dè vợ, nhưng không phải muốn dè thì tự-do dè đâu, phải dè vì một trong bảy duyên-cớ luật định vừa nói trên (thất xuất). Không những thế, tuy là có trúng vào điều kiện luật buộc mà mắc vào trong ba khoản ngăn-cản (tam-bất-khứ) thì chồng cũng không phép dè vợ, trừ ra khi nào vợ lấy trai thì không có cái chi ngăn cản được vợ thì không có quyền dè chồng.

Cũng chiếu theo điều 108 ấy (du thứ nhì), vợ phải xin phép quan mới được cãi-giá khi chồng đi biệt hay trốn đã ba năm rồi.

2^o. — **Sự tiêu-hôn bởi hai vợ chồng ưng-thuận.** — Như trong điều 108 bộ luật Gia-Long đã nói trên, nếu vợ chồng không thuận-hòa nhau và nếu cả hai muốn phân-ly vì tình ý bất-hợp thì sự thương yêu giữa hai đảng đã hết, không thể đoàn-tụ họ lại được nữa, tuy họ không bắt-buộc phải phân-ly và không điều chi làm cho bõn-phận vợ đối với chồng bị đoạn-tuyệt, họ cũng còn được quyền làm tiêu-hôn với nhau mà khỏi bị tù tội chi ráo.

3^o. — **Sự bắt buộc phải tiêu-hôn.** — Khi « phân-sự tiêu-diệt giữa vợ với chồng » thì luật bắt-buộc phải tiêu-hôn, Sao gọi là phân-sự tiêu-diệt » Gọi là « phân-sự tiêu-diệt » khi nào điều đã làm là trái-nghịch với sự tương-thân tương-ái hay với lễ phép xưa nay. Nếu « phân-sự tiêu-diệt » thì vợ chồng phải xa nhau mà không được tái-hợp lại nữa.

* Đã biết luật xưa đại-khái như trên đây, bây giờ chúng ta hãy xét rõ lại coi pháp-luật hiện-hành ở mỗi phần nước ta về sự ly-hôn là thế nào,

II

SỰ LY-HÔN Ở NAM-VIỆT

A. — SỰ ĐỀ VỢ

Đạo sắc-lệnh 1883 nói không được rõ về sự « đề vợ » (répudiation) Nơi tiết thứ tư thì nói hẳn rằng : « cuộc hôn-nhân tiêu đi vì sự chết của một người chồng, người vợ hay vì ly-hôn theo luật. » Rồi nơi tiết thứ năm lại nói : « người chồng chỉ được phép đề vợ trong những trường-hợp luật định ». Như thế, đạo sắc-lệnh 1883 có định giữ lại tục « đề vợ » của luật Gia-Long không ?

Bởi sự không minh-bạch ấy nên tòa-án xử trái-ngược với nhau thường. Ví dụ : án-tòa Thượng-Thẩm Saigon ngày 10.3-1921 thì xử cho chồng được quyền đề vợ (répudier), nhưng cũng sở tài-phán ấy lại kết án ngày 25.12.26 không cho phép chồng đề vợ.

Theo ý nghĩ của nhiều luật-sư thì án sau này là đúng lý vì nếu nhà lập luật 1883 muốn giữ sự « đề vợ » lại thì phải nói tách-hoạch phải làm cách nào chứ có lý đầu chỉ nói sơ có một câu mà không được rõ-ràng như vậy.

Đó có lẽ chẳng qua là lúc ban-sơ, cần làm cho mau có một bộ luật cho dân Nam-Kỳ tên xưa của Nam-Việt —, vì luật-sư nào làm ra nó đã vô ý để lộn một câu vào vậy thôi Vả lại, ý-chi của nhà lập luật 1883 đã thấy rõ-ràng : đã bảo hộ cho người đàn bằng phương-pháp ly-hôn có nói rõ từng chi-tiết thì còn giữ sự « đề vợ » lại làm gì ?

B. — SỰ MỘT ĐÀNG XIN LY-HÔN.

Mỗi người phối-ngẫu (vợ hay chồng) có thể xin ly-dị với đàng kia vì những duyên-cớ sau này :

- 1° — Những sự ngược-dãi quá đáng,
2. — Khi người kia bị một án thể-hình kiêm nhục-hình (án tù vì thường tội),
- 3° — Khi người kia bị thất-tung và sự thất-tung ấy đã có án tuyên-cáo rồi,

Riêng chồng có thể xin ly-dị với vợ vì :

- 1° — Vợ có ngoại-tình,
- 2° — Vợ bỏ nhà chồng mà đi,
- 3° — Vợ ngược-dãi cha mẹ và tôn-trưởng bên chồng,

Tuy nhiên, nếu vợ có đẻ tang bên chồng ba năm, nếu vợ chồng trước nghèo sau giàu và nếu vợ chồng không còn bà con ruột thịt nào ráo thì chồng không được xin ly-dị trừ ra khi nào vợ ngoại-tình thì không kể ; đó là cái tục « tam-bất-khứ » thuoá xưa còn rơi lại đó.

Cứ theo luật 1883 như thế thì chúng ta thấy :

a) — vẫn còn sự bất công.bình : người chồng vẫn có nhiều quyền hơn người vợ, sự ngoại-tình và sự bỏ nhà mà đi là duyên-cớ ly.hôn đối với vợ chứ không có đối với chồng.

b) — vẫn còn hẹp-hòi hơn luật Pháp nhiều ở chỗ thiếu sự « thị-nhục thậm-tệ » (injure grave) vì nhờ duyên-cớ này mà quan tòa bên Pháp bao giờ cũng có cớ lên án ly-hôn được, ví dụ : vợ không cho chồng hôn mà tòa cũng kể cho là một « thị-nhục thậm-tệ » mà lên án ly-hôn. (Cho được hiểu rộng vấn-đề này, xin bạn đọc xem lại phía trước đoạn

phê-bình của ông T.V. ở mục « Những bổn-phận của vợ chồng đối lẫn nhau », nơi đoạn 3^o— Bổn-phận phải trung-hậu.)

c).— Vẫn còn ba khoản « tam-bất-khứ » của luật Gia-Long nói trên về phần người vợ, trừ ra khi nào vợ ngoại-tình thì không kể.—

C. — SỰ VỢ CHỒNG THUẬN-TÌNH LY-HÔN.

Cả hai vợ chồng có thể, nếu thuận tình, đồng đứng ra xin ly-hôn,

Tuy nhiên, không thể xin trong ba trường-hợp sau này

a) nếu cuộc hôn-nhân ị hơn hai (2) năm hay nhiều hơn hai mươi (20) năm,

b) nếu chồng dưới hai lăm (25) tuổi, vợ dưới hai mươi mốt (21) tuổi hay cả hai đều trên bốn mươi lăm (45) tuổi,

c) nếu vợ chồng không được cha mẹ cho phép ly-đị (nếu không có cha mẹ thì những người cần có phép hợ mới cưới gả nhau được),

Vả lại, như chúng ta sẽ thấy, xin ly-hôn cách này cũng phải tuân theo một thủ-tục rất gất-gao.

III

SỰ LY-HÔN THEO LUẬT Ở TRUNG VÀ

BẮC-VIỆT

A. — SỰ ĐỀ VỢ

Hai xứ Trung-Việt và Bắc-Việt vốn thủ-cựu hơn Nam-Việt nhưng nhờ có hai bộ luật họ (dân-luật) đã ban-hành

nên họ được ưu-dãi hơn đồng-bào Việt-Nam. Tục « *đề vợ* » được bỏ hẳn bởi hai bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ và Trung-Kỳ Hoàng-Việt-Hộ-Luật;

B — SỰ LY-HÔN

DO MỘT NGƯỜI TRONG ĐÔI VỢ CHỒNG

Chỉ có tòa-án được kết án tuyên-bố sự ly-hôn như thế mà thôi khi nào có đơn xin đúng với điều-kiện luật-định. Cả hai vợ chồng, hoặc một mình vợ, hoặc một mình chồng đều có thể xin ly-di.

a. — Chồng có thể xin ly-hôn

Chồng có thể đứng ra xin ly-hôn vì các duyên-cớ sau đây :

a) vì vợ ngoại-tình,

b) vì vợ bỏ nhà chồng mà đi và không chịu trở về sau khi chồng ra lệnh bảo về. Tuy-nhiên, án-lệ cũng nhìn-nhận cho vợ có quyền tách ra khỏi nhà chồng khi có duyên-cớ đích-đáng (ví-du: khi bị chồng hành-hạ đánh đập hay bị chồng bỏ bê mà mẹ sa theo vợ thứ),

c) vì vợ bé hung-dữ đánh đập, hành-hạ chưởi mắng vợ lớn.

b. — Vợ có thể xin ly-hôn.

Vợ có thể xin ly-hôn trong những trường-hợp này :

a) khi nào chồng không làm đúng với nghĩa-vụ của mình là nuôi-dưỡng vợ con tùy theo sức mình.

b) khi nào chồng vô-cớ đich-dáng bỏ nhà đi đã hơn hai năm mà trong lúc ấy cũng không nuôi dưỡng vợ con (1) ;

c) khi nào vô cớ đich-dáng mà chồng đuổi vợ ra khỏi nhà,

d) khi nào chồng làm loạn trật-tự giữa vợ lớn và vợ bé.

c. — Cả hai người vợ hay chồng có thể xin

ly-hôn.

Hoặc vợ hoặc chồng đều có quyền xin ly-hôn vì những duyên-cớ sau đây :

a) vì sự làm quá đáng, sự hành-hạ ngược-dãi hay sự thị-nhục nặng mình hay tôn-trưởng của mình (2)

b) vì đảng kia bị án trọng-tội,

c) vì đảng kia tính-hạnh vô liêm-sĩ thị-nhục mình thái quá, không thể nào ở chung nhau được,

d) vì đảng kia có bệnh lãng-tri, có bằng-cớ chứng-thực hay là đảng kia bị nốt vĩnh-viễn trong một dưỡng-trị-viện.

So sánh luật Trung-Việt và Bắc-Việt với luật Nam-Việt và luật Pháp, chúng ta có thể đề ý đến mấy khoản như sau này :

1. — Những duyên cớ kể trên đây, nhà lập-luật Trung-Việt và Bắc-Việt đã mượn một phần trong phong-tục và tập-

(1) Ở Bắc-Việt thì hai năm còn ở Trung-Việt chỉ một năm là đủ.

(2) Tức là *Excès, sévices ou injure grave* của Dân-Luật Pháp. Điều 120 của bộ D. L. B. K. dịch là « quá-khắc, hành-hạ hay chưởi rửa thâm-tệ ». Điều 119 của bộ H. V. T. K. H. L. thì dịch là « bạo-hổ, ngược-dãi hay chưởi-rửa thâm-tứ ».

quán Việt-Nam và một phần trong bộ Dân-Luật Pháp, nhất là sự **thị-nhục-nặng** (injure grave.)

Cái quan-niệm **thị-nhục-nặng** đã được tòa-án bên Pháp xài dùng một cách quá ư rộng-rãi làm cho về thực-tế, những duyên-cớ ly-hôn có thể nói là vô hạn-chế. Bởi vậy, có nhiều luật-gia chỉ-trích sao người ta có đem nó vào luật Việt-Nam, e làm cho gia-dình Việt-Nam phải rời-rã. Bộ Dân-Luật Giản-Yếu 1883 của Nam-Việt đã rất cân-thận về vấn-đề ấy.

Chúng ta có thể nói rằng các tòa-án ở Bắc-Việt trước 1945 đã noi gương bên Pháp, cũng xài dùng duyên-cớ **thị-nhục-nặng** một cách khá rộng-rãi vậy. Ví dụ : cũng như tòa-án bên Pháp, tòa-án Bắc-Việt đã nhận là một điều **thị-nhục-nặng** sự người vợ (hay chồng) vào đơn xin ly-hôn mà vu-cáo cho bạn mình, hoặc là sự một người vợ (hay chồng) giấu không cho bạn mình biết một việc do đó mà bạn mình có thể không ưng-thuận giá-thú.

Lẽ cố-nhiên, trong khi ứng-hành thuyết **thị-nhục-nặng** quan tòa Việt-Nam không xét đoán theo như ở bên Pháp được mà phải xét đoán theo tâm-lý, phong-tục và tập-quán của người Việt-Nam ở Trung-Việt và Bắc-Việt. Ví dụ : có thể kể là sự « **thị-nhục-nặng** » : việc người chồng không đi dự lễ giỗ bên gia-quyển vợ, việc người vợ không để tang cho cha chồng, việc người chồng cưới vợ bé hay mua hầu thiếp mà không có vợ lớn ưng-thuận.

Về thuyết « làm quá-dáng » (excès) và thuyết « hành hạ ngược đãi » (séVICES) cũng đồng một thể. Khi xét đoán, quan tòa lại phải kể vào thuyết « phu-quyền » của luật Việt-Nam nữa. Chính vì thế mà tòa Thượng-Thẩm Hà-nội lên án ngày 11.10.1935 bác đơn xin ly-hôn của một người vợ bị chồng đánh bầm mặt.

2°. — Điều chúng ta đáng đề ý nữa là trong luật Trung Việt và Bắc-Việt, sự bất-bình-dẳng giữa chồng và vợ, chúng

ta thấy rõ-rệt hơn trong bộ luật 1883 của Nam-Việt. Đành rằng, sự ngoại tình chỉ là một duyên-cớ ly-hôn đối với người vợ mà thôi, nhưng đối với người chồng, vợ cũng có thể viện rằng sự đó là một « tai-nhục-nặng » chiếu theo điều 120 của bộ D. L. B. K. và điều 119 của bộ H. V. T. K. H. L.

3.— Bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ và bộ H. V. T. K. H. L. đã lập lại tất cả quan-niệm của luật Pháp về sự ly-hôn làm hình phạt. Hễ có ly-hôn, tất có người lỗi. Chỉ có một trường hợp ngoại-lệ, khi nào một người bị bệnh thần-kinh thì bạn mình được ly hôn, không có ai lỗi phải cả.

4.— Y như bộ Nam-Kỳ Dân-Luật Giản-Yếu 1883, bộ Dân-Luật Bắc.kỳ và bộ H. V. T. K. H. L. không nhận đơn xin ly-hôn khi nào hai vợ chồng hòa-hợp lại sau khi vào đơn. Nhưng luật không nhận « tam-bất-khứ » như thuở xưa và như luật ở Nam-Việt bây giờ vẫn còn phải nhận.

d. — Sự ly-hôn bởi vợ chồng ưng-thuận

Về khoản này, bộ luật của Bắc-Việt và bộ luật của Trung-Việt nói rất vắn tắt : vợ chồng cũng có thể ưng-thuận nhau mà xin ly-dị sau hai năm ăn ở (ở Bắc-Việt) hoặc sau 5 năm ăn ở (ở Trung-Việt),

Chương thứ hai

THỦ-TỤC SỰ LY-HÔN

I

SỰ ĐỀ VỢ

Sự « đề vợ » — trong luật Gia-Long gọi là « xuất-thê » — hiện giờ chỉ còn có bộ luật 1883 áp-dụng ở Nam-Việt là

còn giữ, nhưng sự còn giữ ấy bị nhiều luật-gia chỉ-trích, nói rằng tâm-ý của nhà lập luật 1883 muốn bỏ chỉ vì sơ-sốt mà để lộn một câu vậy thôi. Dù sao, sự « *đề vợ* » cũng không có thủ-tục gì khác hơn là phải thực-hành giữa hương-chức làng và cha mẹ hai bên : vợ chồng làm tờ cho nhau, chồng thì cho phép vợ lấy chồng khác, vợ thì cho chồng trọn quyền lựa vợ khác,

Ấy vậy, chỉ có sự ly-hôn chính-thức (divorce) là có thủ-tục rành-rẽ mà thôi,

II

KHI MỘT NGƯỜI — VỢ HAY CHỒNG — ĐỪNG

ĐƠN XIN LY-HÔN.

A. — NAM-VIỆT

Chiếu theo bộ luật 1883 thì thủ-tục rất là đơn-giản. Đàng nguyên-cáo phải nộp một lá đơn vào quan Chánh-án tòa dân-sự đệ-thất-thẩm (nay là tòa Sơ-thẩm hay tòa Hòa-Giải rộng-quyền xử về dân-sự), vị quan này sẽ dò cả hai vợ chồng đến trước mặt mà giải-hòa ; nếu hai đàng quyết một ly-dị thì quan Chánh-án sẽ ký định-lệnh (ordonnance) đưa nội-vụ ra trước tòa để mở đường điều-tra. Tòa sẽ vào phòng thẩm-nghị (chambre du conseil) mà nghị án ly-hôn. Nếu án cho ly-hôn thì sẽ đọc án giữa phiên nhóm xử công-khai còn nếu án không cho ly-hôn thì sẽ đọc án trong một phiên nhóm kín.

B. — BẮC-VIỆT VÀ TRUNG-VIỆT

Hai bộ Dân-Luật áp-dụng ở hai xứ ấy qui-định sự ly-hôn một cách rõ-ràng chu-đáo.

1^o) — Về lá đơn khởi-tố. —

Muốn xin ly-hôn người vợ hay người chồng phải làm một lá đơn hồn-thân vào nơi quan Chánh-án đệ-nhi-cấp ở Bắc-Việt (ở Trung-Việt thì quan Chánh-án sơ-cấp). Lá đơn ấy phải kể rành những khoản đảng nợ trách đảng kia. Quan Chánh-án tùy cảnh-n gó mà bày-giải cho người đầu đơn cốt để khuyển họ rút đơn ra thời việc ly-hôn, trừ ra khi nào ngài thấy duyên-có ly-hôn quan-trọng lắm. Ngài được quyền xử-đoàn các công việc làm-thời: định chỗ ở của mỗi người trong lúc kiện ly-hôn, nhưt định về việc giữ con cái, quản-tri gia-sản chung, và nếu như cần về sự xin món tiền cấp-đường.

2^o) — Sự dự hòa-giải. —

Nếu đảng nguyên-cáo kia quyết muốn xin ly-hôn thì quan Chánh-án phải đòi hai vợ chồng trong khoản mười lăm (15) ngày sau đó đến trình-diện đề hầu hòa-giải. Sự đòi đến hầu hòa-giải phải giao đến tận tay hai bên đương-sự.

Nếu sự hòa-giải không có kết-quả thì quan Chánh-án có thể đòi đến mà tinh hòa-giải lần thứ nhì nữa. Ngài buộc phải tinh hòa-giải lần thứ nhì nếu có một người trong hai đã có đòi mà không có xuất-trình kỳ nhất.

Hai cuộc toan hòa-giải ấy phải xa cách nhau một thời gian 15 bữa là ít hơn hết và 30 bữa là nhiều hơn hết. Mỗi lần toan hòa-giải, dù có kết-quả hay không, quan lục-sự cũng phải lập ra một biên-bản kể rõ sự hòa-giải hay không hòa-giải hay sự vắng mặt. Quan Chánh-án phải ký tên trong các tờ biên bản ấy.

3^o) — Ân-kết. —

Nếu toan hòa-giải không xong thì quan Chánh-án sẽ đòi hai vợ chồng đến hầu trong kỳ hạn một tháng; trái đòi phải giao đến tận tay mỗi bên đương-sự.

Nếu đảng vị-cáo không nhận các điều đảng nguyên-cáo tố-cáo mình thì quan Chánh án phải ra lệnh mở cuộc điều-tra. Những cuộc điều-tra về việc ly-hôn, tòa-án phải thi-hành xong trong tháng, đòi nạp những giấy tờ cần-kip đòi những nhân-chứng cần nghe và nhất-định những việc mà tòa-án nghĩ là cần-kip.

Quan Chánh-án có thể ra lệnh làm việc dự-thẩm kin. (Tòa-án không thể xử những khoản gì khác hơn những khoản đã kể trong lá đơn khởi-tổ. Ví-dụ, bản-án xử vợ chồng ly-đi bởi lỗi của cả hai vợ chồng sẽ là vô-hiệu nếu khi chỉ có một mình chồng xin ly-hôn mà thôi; án đề ngày 15-1-1936 của tòa Thượng-Thẩm Hànội). Án của tòa kết, có thể kháng-cáo bằng những phương-pháp thường-lệ

III

SỰ LY-HÔN DO VỢ CHỒNG ỨNG-THUẬN

A. — Nam-Việt

Bộ luật 1883 cho phép vợ chồng đồng ửng-thuận mà xin ly-hôn nhưng phải tuân theo những điều-kiện riêng.

Trước khi tính xin ly-hôn, vợ chồng phải sắp đặt công việc nhà cho yên về các khoản : tiền bạc, con cái, chỗ vợ ở ; tiền cấp-đưỡng. Tính xong rồi, hai vợ chồng phải cùng với hai vị hương-chức trong làng đến trước mặt quan Chánh-án tòa dân-sự đệ-nhất-thẩm (nay tức tòa Sơ-thẩm hay tòa Hòa-Giải rộng-quyền xử về dân-sự) Quan Chánh-án sẽ tùy theo cảnh-ngộ mà can-gián hai đảng, lập biên-bản rồi thì giao cho lục-sự các thứ tờ giấy và hồ-sơ nội-vu.

Ba tháng sau, hai vợ chồng cũng cùng hai vị hương-chức thị-chứng đến trước quan Chánh-án mà nài xử nữa. Chờng đó, quan Chánh-án mới đưa nội-vụ ra tòa. Đến phiên nhóm xử, quan Biện-Lý kết-luận, còn tòa thì chỉ xét coi vụ xin ly-hôn và tờ giấy có đúng theo luật định hay không rồi mới kết án.

Vợ chồng không thể đồng lòng ưng-thuận xin ly-hôn nếu :

1^o.— Vợ chồng ở với nhau chưa đầy hai năm,

2^o.— Vợ chồng ở nhau đã trên hai mươi năm,

3^o.— Chồng dưới 25 tuổi,

4^o.— Vợ dưới 21 tuổi hay quá 45 tuổi,

5^o.— Vợ chồng không được cha mẹ hai bên cho phép ly-hôn (nếu không phải là cha mẹ thì những bà con nào đã cho phép thay thế cho cha mẹ nó).

B. — BẮC-VIỆT VÀ TRUNG-VIỆT

Những bộ Dân-Luật của hai phần này rất là đơn-sơ về việc ấy, chỉ nói rằng vợ chồng có thể đồng lòng ưng-thuận xin ly-hôn sau hai năm ăn ở với nhau.

Nhưng đại-phạm hễ xin ly-hôn thì phải có thẩm-phán kết-án tuyên-bố mới được, tất-nhiên cũng phải đem ra tòa mà xin như khi một bên muốn ly-hôn vậy. Chính bản án đề ngày 2.12.1931 của tòa Thượng-Thẩm Hanoi cũng đã định rằng : Cứ theo 121 và điều 122 của bộ Dân-Luật thì tòa-án được quyền kết án ly-hôn vì vợ chồng đồng lòng ưng-thuận sau hai năm ăn ở. Nhưng phải hiểu rằng sự đồng lòng ưng-thuận ấy phải đem ra trước tòa cho tòa nhìn nhận.

HIỆU-LỰC CỦA SỰ LY-HÔN

Theo lời-lẽ của điều 141 của bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ (điều 139 của bộ Trung-Kỳ Hoàng-Việt Hộ-Luật) thì sự ly-hôn làm tiêu-tan những hiệu-luật của cuộc hôn-nhân kể từ ngày ly - dị ấy trở nên thực-thu. Xin nhắc cho chúng ta nhớ rằng sự bị thủ-tiêu của cuộc hôn-nhân cũng có những hiệu-lực y như vậy, luật Việt-Nam không biết đến sự có hiệu-lực trở về trước (rétroactivité).

I

HIỆU LỰC VỀ NGƯỜI CỦA HAI VỢ CHỒNG

Mỗi người trong hai vợ chồng được lấy lại sự hoàn toàn tự-do của mình : người vợ ra khỏi gia - quyền của chồng có thể tái-giá.

Tuy-nhiên, người đàn-bà phải đợi một kỳ-hạn mười tháng sau khi sự ly-hôn được thực-thu rồi mới được lấy chồng chiếu theo hai bộ luật của Trung-Việt và Bắc-Việt thì sự làm không đúng kỳ-hẹn có thể làm cho cuộc hôn-nhân mới có thể bị thủ-tiêu đi).

Bộ Dân-Luật 1883 của Nam-Việt có định hai khoản hạn-chế :

a) — Khi nào có tội ngoại-tình thì người đàn-bà không được quyền kết-hôn với kẻ đồng-phạm với mình,

b) — Hai vợ chồng đã ly-hôn rồi không được tái-hợp lại nữa.

Hai bộ Dân-Luật của Bắc-Việt và Trung-Việt, rộng-rãi hơn, cho phép vợ chồng đã ly-dị nhau được tái-hợp nhưng về sự thì cấm không được xin ly-hôn nữa.

I I

HIỆU-LỰC VỀ CON-CÁI.

Đại phạm những con cái chung thì về phần cha giữ. Tuy-nhiên, vợ chồng có thể cùng nhau ưng-thuận để cho cha giữ vài đứa mẹ giữ vài đứa. Theo bộ Dân-Luật 1883 của Nam-Việt thì khi hai vợ chồng đồng lòng ưng-thuận ly-hôn có thể trang-trải vấn-đề con-cái như thế trong một tờ giao-kèo lập giữa hai người với nhau.

Ngoài trường-hợp đặc-biệt ấy, bộ Dân-Luật 1883 và hai bộ Dân-Luật của Trung-Việt và Bắc-Việt nhìn-nhận cho tòa-án được trọn quyền nhất-định về sự giữ-gìn con cái cách nào cho tiện-lợi cho chúng nó thì thôi ; hoặc là giao cho người mẹ giữ hoặc giao cho một ngoại-nhân giữ cũng có.

Điều 146 Bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ (điều 144 bộ Trung-Kỳ Hoàng-Việt Hộ-Luật) có nói rằng : « Khi nào con cái đến tuổi mười lăm, và nếu không có cơ chi ngăn-trở thì có thể giao chúng nó cho người cha hay người mẹ tùy theo ý chúng nó muốn. »

Nghĩa-vụ cấp-dưỡng con cái của hai bên cha và mẹ vẫn còn luôn luôn và bộ Dân-Luật 1883 của Nam-Việt có nói rõ rằng sự tuyên-bố sự ly-dị phải ấn-định coi sự cấp-dưỡng con cái phần về cha bao nhiêu và phần về mẹ bao nhiêu.



III

HIỆU-LỰC VỀ GIA-TÀI CỦA-CẢI

Sự ly-hôn làm cho cuộc hôn-nhân tiêu-tan, tất phải sinh ra hai kết-quả này :

a) phải thanh-toán chế-độ vợ chồng,

b) phải tuân theo những điều phân-phối về tài-sản trong án-tòa đã định.

a). — SỰ THANH-TOÁN CHẾ-ĐỘ VỢ CHỒNG

BẮC-VIỆT.

Khi nào không có con thì sự chia tài-sản của hai vợ chồng bị ly-hôn sẽ làm theo cách thức đã định trong tu-ước khi kết-hôn (contrat de mariage).

Nếu không có tu-ước thì người vợ bị ly-dị có con được lấy lại trong tài-sản chung một phần tùy theo kỹ-phần của mình sẽ góp vào hay đã tặng thêm cho tài-sản chung. Nhưng nếu người vợ vì sự thông-gian mà bị ly-hôn thì phần ấy sẽ bị bớt đi phân nửa.

Nếu người vợ ly-hôn không có con thì được lấy lại kỹ-phần của mình còn hiện-vật và được phân nửa tài-sản chung trừ kỹ-phần của chồng đi rồi. Người vợ bị ly-dị vì thông-gian thì ngoài kỹ-phần còn hiện-vật chỉ được một phần tư tài-sản chung trừ kỹ-phần của chồng đi rồi. (1) ly-phụ bao giờ cũng có quyền lấy lại đồ tư-trang phục-sức của mình).

(1) Kỹ-phần của chồng hay của vợ tức là của-cải mỗi người góp vào của chung khi khai giá-thủ. Vậy thì khối chung-sản gồm có : tài-sản của mỗi người đem vào khi kết-hôn, tài-sản của hai người tuở-dắc trong lúc ăn ở nhau. Khi ly-hôn mà không có con thì người vợ được lấy kỹ-phần của mình với phần nửa tài-sản vợ chồng đã tuở-dắc được trong lúc ăn-ở nhau.

Trung-Việt. —

Nếu có con, người vợ bị ly-dị được lấy lại một phần ba trong tài-sản chung, trừ ra khi nào người vợ vì sự thông-gian mà bị ly-hôn thì khi ấy phải mất cả quyền - lợi về tài-sản chung.

Nhưng chỉ khi nào trong tư-ước không định rõ-ràng khi nào đoạn-hôn thì người vợ được lấy của kỹ-phần về hay là khi nào có tư-ước ấy mà người vợ thông-gian lại không hợp sức làm việc để thêm vào tài-sản chung thì khi ly-dị sẽ được một phần tư trong tài-sản chung ấy.

Nếu không có con, người vợ ly-dị được lấy lại kỹ-phần mình còn hiện-vật và trừ kỹ-phần của chồng ra rồi lại được chia lấy phân nửa của chung.

Người vợ ly-dị vì thông-gian mà không có con, nếu cũng thuộc về tình-trạng như người vợ có con đã nói trên thì bất cứ kỹ-phần người vợ ấy là bao nhiêu, chỉ lấy được một phần tư trong tài-sản chung nghĩa là đã trừ kỹ phần của người chồng ra rồi, còn khi nào ước riêng khác thì không kể.

Nam - Việt.—

Bộ Luật 1883 rất thiếu sót về mặt này, chỉ nói rằng người nào vợ hay chồng bị thất kiện ly-hôn sẽ phải chịu mất tất cả quyền họ có thể được chiếu theo pháp-luật và tư-ước đối với người bạn mình. nhân cuộc kết - hôn hay bắt đầu từ cuộc kết-hôn. (Sự phân-phối này rất khó cho tòa-án ứng-hành và trong luật không có kê ra những quyền lợi gì).

*b) SỰ PHÂN TUÂN THEO NHỮNG ĐIỀU PHÂN-ĐỐI
VỀ TÀI-SẢN ÁN-TÒA ĐÃ ĐỊNH.*

1^o.— Theo luật ở Bắc-Việt và ở Trung-Việt thì khi sự ly-hôn vì quấy và về lỗi người vợ thì người này phải trả

cho lại tất cả những đồ sinh-lễ và đồ cưới của cha mẹ chồng đã cho. Những đồ vật xài tiêu-tan rồi thì khỏi phải trả lại. Ở Nam-Việt thì lại khác, án-lệ định rằng người vợ ly-dị luôn luôn được giữ đồ sinh-lễ làm của mình cách thực-thụ (tòa-án Thượng-Thẩm Saigon ngày 4 . 6 . 1914). Định như thế, tương hợp với nhân-dạo hơn.

2°. — Cả ba thứ luật đều nhìn-nhận món tiền cấp-dưỡng Án-lệ ở Việt-Nam trước kia thường dựa theo đó mà hạn-chế bớt sự gặt-gao của án-lệ trước hay xử rằng người đàn-bà không có quyền chi trong tài-sản chung và những tài-sản gọi là của riêng. Lúc sau này, án-lệ tấn-bộ nhiều nhận cho người đàn-bà có thể có của riêng và nhận cho người vợ không có hôn-thú được chia phân nửa di-sản của chồng khi mình có đồng lao cộng-tác với chồng mà lập nên sự-nghiệp,

Hai bộ luật Trung và Bắc nói rõ hơn, chỉ cho phép người vợ lớn được tiền cấp-dưỡng nhưng phải mất tiền ấy nếu tái-giá, hay có tình-nhân, hay tình-nết vô-hạnh. Tuy-nhiên, không có hạn-chế số tiền nhiều ít và không buộc người đàn bà phải thắng trong vụ kiện ly-hôn.

(Hầu bạn đọc được rõ thêm về vấn-đề « tài-sản riêng », chúng tôi xin dịch đoạn sau đây của ông Chánh-Nhất Pompéi trong bộ Droit Familial et patrimonial au Việt-Nam : Hai bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ và Hoàng-Việt Trung-Kỳ Hộ-Luật nhìn-nhận sự có tài-sản riêng mà hai bộ ấy có nói qua nhiều lần. Ví-dụ như điều 321 của bộ D. L. B. K. nói « Người Vợ chính-thất và thứ thất, trong lúc ăn ở với chồng, không thể làm chúc-thư mà sử-dụng tài-sản, riêng của họ hay hoặc có làm như vậy thì phải có sự ưng-thuận của chồng họ mới được. (1)

(1) Điều 313 của bộ H V T K H L cũng nói : « Trừ tài-sản riêng của người vợ chính ra thì người chồng được làm chúc-thư để xử trí tài-sản của gia-đình tùy theo ý mình, không có vợ chính thuận tình cũng được.

Những tài-sản riêng ấy có thể là những tài-sản gì ?

a) — Tài-sản mà người ta hiện-tặng hay di-tặng cho họ với điều-kiện không được nhập vào khối chung-sản (communauté). Điều 875 của bộ D. L. B. K. giành cho tặng-chủ quyền « lấy lại vật cho khi người thu-tặng hay con cháu chính-hệ của người ấy mệnh-một.»

b) — Tài-sản vì tính-chất của nó, phải được loại ra khỏi khối chung-sản : bảo-kê nhân-thu để cho một người trong hai vợ chồng được hưởng, tiền bồi-thường về tai-nạn cá-nhân, lương hưu-trí, quần áo và đồ vật để xài-dùng về việc hoàn-toàn cá-nhân, đồ kỷ-niệm của gia-tộc (bức hình, vũ-khí, huy-chương, v. v.,

c) — Tài-sản được loại ra khỏi khối chung-sản bởi cuộc hôn-nhân (điều 105 của bộ D. L. B. K. và bộ H. V. T. K. H. L.).

d) — Tài-sản hương-hỏa.

Vả lại, tòa Thượng-Thẩm Saigon, trong bản án 16-6-1939, đã đi theo bản án 18.8-1921 trước kia cũng của tòa ấy, nhận rằng người đàn-bà có chồng được phép có tài-sản riêng, nhất là những tài-sản mà người ta đã hiện-tặng hay di-tặng cho thì. (1)

3) — Không có chi cản-trở, tòa-án xử việc ly-hôn có thể kêu án bắt một đảng phải bồi-thường thiệt-hại cho

đang khác y như đối với các vụ về luật thông - thường (điều 712 bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ và điều 761 bộ Hoàng-Việt Trung-Kỳ Hộ-Luật. (1)

Vì án ly-hôn sửa-đổi tình-thể của hai đảng vợ và chồng nên luật buộc phải tuyên-bố lên cho công chúng biết bởi sự ghi vào sổ giá-thú và sự hiên ngoài lễ từ hôn-thú đầu tiên (điều 150 bộ D. L. B. K. và điều 38 bộ H. V. T. K. H. L.).

Bộ luật 1883 chỉ nói rất vắn tắt về vấn-đề biệt-cư (ở riêng) như vậy : « Trong những trường-hợp mà có thể xin ly-hôn thì vợ hay chồng có thể xin biệt-cư. Cách thức xét đoán về đơn xin biệt-cư cũng giống như đơn xin ly-hôn. Sau khi xin biệt-cư, vợ hay chồng có thể dựa vào đơn xin ly-hôn nữa.

Cứ theo lời vị luật-gia Lasserre thì làm như thế, mấy ông luật-sư làm ra bộ luật 1883 có ý để cho vợ chồng về sau có thể tái-hợp dễ-dàng và để cho người Việt theo đạo Gia-Tô có thể dùng (vì đạo này cấm sự ly-hôn).

Bởi vì bộ luật 1883 làm thình không nói chi về hiệu-lực của sự biệt-cư nên tòa-án dùng bộ Luật-hộ của Pháp mà trám vào. Sự biệt-cư không có làm tiêu cuộc hôn-nhân, chỉ đình-chỉ sự liên-lạc giữa vợ chồng mà thôi.

Những ảnh-hưởng đại-khái của nó là :

(1) Phòng nhì của tòa Thượng-thẩm Saigon trong bản án 8-7-1949 đã xử như vậy : « tuy là bộ D.L.B.K (và luôn bộ H.V.T.K.H.L) cũng sắc-lệnh 3-10-1883 không có dự-liệu một cách công-nhiên, nhưng hình như phong-tục tập-quán Việt-Nam không phản-đối sự tòa-án xử cho tiền bồi-thường cho người phối-ngẫu (vợ hoặc chồng) nào đã thắng một vụ kiện ly-hôn vì sự lộn hại vật-chất và tinh-thần mà mình đã bị vì sự tiêu-hôn (điều 301 của bộ Dân-Luật Pháp cải cách bởi đạo-luật 2-4-1941).

1^o.— Nghĩa-vụ của vợ chồng phải ở chung nhau không còn nữa, nhưng nghĩa - vụ của người vợ phải ở trung-hậu với chồng vẫn còn.

2^o.— Nghĩa - vụ phải giúp đỡ, cứu - trợ với nhau cũng vẫn còn, thường thương vợ chồng phải cấp - dưỡng cho nhau.

3^o.— Sự biệt-cư gây ra sự phân sản (séparation de biens.) Bởi vậy, phải thanh-toán cái chế-độ vợ chồng và cho phép người vợ được lấy của riêng của mình lại. Về tài-sản, người vợ được lấy lại trọn quyền tự-do y như khi ly-hôn.

4^o.— Án-tòa sẽ định về sự giữ-gìn con cái và sự kỹ-phần của mỗi bên vợ chồng trong sự nuôi dưỡng con cái.

b — Bắc-Việt và Trung-Việt

Sau khi qui-định rành-rẽ sự ly-hôn, hai bộ Dân-Luật áp-dụng ở Trung-Việt và Bắc-Việt không nói chỉ tới sự xin biệt-cư cả. Cũng chẳng nói tới danh từ « xin biệt cư » chút nào. Trái lại, điều 91 của bộ D. L. B. K. và điều 93 của bộ H. V. T. K. H. L. lại còn nói gắt rằng. « Vợ có phận sự phải ở tại chỗ trú-sở của chồng », những điều 118 và 119 của hai bộ luật ấy lại chỉ rằng « chồng có thể xin ly-hôn nếu vợ bỏ nhà mà đi không chịu trở về sau một sự bắt-buộc chính-thức ». Đàng khác, người vợ cũng có thể xin ly-hôn vì người chồng bỏ nhà đi hơn hai năm (ở Bắc-Việt) hoặc một năm (ở Trung-Việt) rồi không có duyên-cớ chính-quang và cũng không lo-lấn gì đến sự chu-cấp vợ con.

Tuy vậy, án-lệ ở Bắc-Việt cũng đã khởi sửa-đổi luật đi một ít. Tòa-án ở đó đã có nhân cho phép vợ được bỏ nhà đi khi sự bỏ đi ấy vì thái-độ và lỗi của chồng sinh

ra, và cũng đã nhận nhiều lần rằng sự bỏ nhà đi không làm một duyên-cớ ly-hôn khi vì sự bạc-dãi của chồng, vì chồng cho vợ thứ vượt bậc mà vợ chính không thể ở chung trong nhà được phải đi ra cho khỏi.

Bởi cớ, nếu người vợ không muốn, thì chồng không có thể xin ly-hôn được vì không trách vợ lỗi gì được cả.

Nhưng đã cho vợ được ở riêng với chồng thì lý nào lại không cho người ta nhờ tòa-án cho phép thôi ăn chung ở cha với một người chồng khó chịu được? Chính vì cách luận-lý có ý-nghĩa ấy mà Tòa Thượng-Thẩm Hà-nội ngày 28-8-1935 cho phép người vợ được xin ở riêng ra. Mà đã có quyền xin ở riêng, người đàn-bà tức phải có quyền xin tiền cấp-dưỡng bởi vì người chồng không thể dựa vào sự không xứng-dang của vợ mà cho rằng mình không còn phận-sự trợ-cấp cứu-tê được.

Người đàn-bà cũng tức-thị có quyền xin giữ một vài hay cả mấy đứa con nếu quyền-lợi chúng nó buộc phải như vậy. Và đi tới chút nữa, chúng ta có thể nghĩ rằng nếu các điều-kiện kể trên có đủ thì lý nào tòa-án không cho ứng-hành theo điều 110 của bộ D. L. B. K. và điều 108 của bộ H. V. T. K. H. L. hai điều ấy nói rằng : « Khi người chồng trê nãi không chu-cấp cho vợ con hay xài phá của tiền chung, thì người đàn-bà có quyền xin quan tòa lên định-lệnh cấm từ ngày ấy về sau người chồng không được sử-dụng của riêng của vợ, một phần hay tất cả tiền lương của vợ và cho phép vợ được cai-quản, thụ-hưởng, hoặc sử-dụng những của cải ấy. »

Tưởng pháp-luật định-đoạt như trên đây là hữu-ích cho các đương-sự lắm vì như thế mới là hợp lẽ công-bình cho.

TÌNH CẢNH NGƯỜI QUAN-PHỤ HAY NGƯỜI QUẢ-PHỤ SAU KHI BẠN MÌNH QUA ĐỜI

Hễ đã kết-hôn với nhau rồi, nghĩa là đã lập nên gia-thất rồi thì đại-phàm ai ai cũng muốn vợ chồng được nối tóc đến già, bách-niên giai-lão.

Tuy nhiên, trên trời không thể có sự gì hoàn-toàn đầy-đủ thì sự hôn-nhân cũng không thoát khỏi cái công-lệ keo-rã hồ tan, giữa dương gãy gánh. Ăn ở nhau một ít lâu rồi vì lẽ không đồng ý-kiến, lòng một dạ hai thì cũng phải xa nhau, hoặc là cảm nợ đương bên đây bổng con quỉ vô-thường khiến phân-ly đôi ngã : cảnh ngộ như vậy còn gì đau-dớn bằng, đã đau-dớn trong tâm-hồn mà lại còn khốn-dốn về gia đình là khác.

Cảnh ngộ của vợ chồng sau khi ly-dị thì trong chương trước chúng ta đã thấy rõ rồi, nay chỉ nói qua tình-cảnh của vợ hay chồng sau khi bạn mình qua đời.

Muốn được phân-minh, chúng ta hãy phân vấn-đề ấy ra làm hai đoạn :

Chương thứ 1.— Nói về người quan-phụ (chồng góa)

Chương thứ 2.— Nói về người quả-phụ (vợ góa).



NGƯỜI QUAN-PHỤ

A. — Nam-Việt.

Khi nào một người vợ có của riêng chết trước chồng thì của cái ấy về con chung và con của chồng trước, người chồng hiện thời chỉ được hưởng hoa-lợi mà thôi, trừ ra khi rảo con ruột mình chết trước thì người cha mới được hưởng phần ăn của mình như đã nói trước đây.

Tuy-nhiên, người cha làm thủ-hộ cho con khi cần dùng lắm (ví-dụ : khi đề cung-cấp cho vị-thành-niên) có phép bán của riêng của vợ để lại mà không cần có trưởng-tộc dự vào ; điều 217 của đạo nghị-định 15-5-1910 của Toàn-quyền Đông-Dương đã định như vậy, tòa Thượng-Thẩm Saigon (án ngày 14-3-1929) cũng xử như vậy, kháng-cáo qua Đại-Thẩm-Viện Paris cũng y án (án của Đại-Thẩm-Viện ngày 29-4-1931).

Sở-dĩ án-lệ xử như vậy là vì như án nói trên đã lý-luận rằng : « Tuy người vợ Việt-Nam có quyền được làm chủ tài-sản riêng nhưng khi mình chết thì tài-sản ấy phải rớt vào sự-nghiệp chung của gia-quyển theo cái thuyết người cha lúc sinh-thời chỉ cùng với con cháu ty-thuộc có một pháp-nhân (personnalité juridique) mà thôi.

Đến như những tài-sản riêng của trẻ vị-thành-niên đối với người cha thì chỉ có tài-sản của ông bà, bà con hay người ngoài tặng cho đưa nhỏ thì phải chiếu theo đạo sắc-lệnh 30-5-1932. Đạo sắc-lệnh này sửa-đổi và bổ-túc đạo sắc-lệnh 3-10-1883 buộc vị thủ-hộ vô-luận là cha mẹ, bà con hay người ông, khi cần bán tài-sản của trẻ vị-thành-niên

(nghĩa là của ông bà hay ngoại-nhân tặng riêng cho nó hoặc là của nó đã thừa-kế ông bà cha mẹ chớ của riêng của mẹ nó chết để lại khi cha nó còn sống thì bị kể như là của chung mà cha nó có trọn quyền cai-quản và sử-dụng) đều phải xin phép của hội-nghị gia-tộc rồi phải đệ phép ấy lên cho quan Chánh-án tòa dân-sự đệ-nhứt-thẩm (nay là tòa Sơ-thẩm hay tòa Hòa-Giải rộng quyền xử về dân-sự) phê-chuẩn rồi mới được bán. Chẳng những thế mà thôi, lại còn phải tuân theo đạo sắc-lệnh ngày 26-7-1925 nữa là khác. Đạo sắc-lệnh này tổ-chức Sở Quản-thủ điền-thổ ở Nam-Việt Trung-Việt và Bắc-Việt có nói qua sự bán tài-sản của trẻ vị-thành-niên. Điều 315 đạo sắc-lệnh ấy định rằng khi có án quan tòa cho phép bán bất-dộng-sản của trẻ vị-thành-niên, rồi thì không được bán thuận-mãi mà phải đem ra bán theo cách phát-mãi đấu giá công-khai.

Ai cũng biết, sự bán theo cách này gây nên sở-phi nhiều lắm, có khi đến hơn năm chục phần-trăm giá bán hay là hơn nữa cũng có. Bởi vậy, đạo sắc - lệnh ấy cũng có dự phòng cho phép người đương-sự được xin giao việc bán phát - mãi đấu giá cho hương chức làng thực-hành nơi nhà công-sở chỗ tọa-lạc tài-sản bán đó để cho nhẹ tiền sở-phi.

Còn những tài-sản chung của vợ chồng thì hoàn-toàn thuộc quyền người quan-phu, được phép sử-dụng cách nào tùy ý, con cái không có quyền gì can-thiệp đến.

Còn khi vợ chồng không có ly-hôn một cách chính-thức nhưng mặc-nhiên ưng-thuận xa nhau, mỗi người lập một qui-mô riêng, đến khi vợ chết có để lại của cải tự mình sắm ra, chồng có được quyền thừa-hưởng của-cải ấy hay không ?

Về vấn-đề đó, tòa Thượng-Thẩm Saigon trong án ngày 24-3-1921 có xử rằng: « Người chồng xa vợ lâu ngày rồi và

đành lòng xa như vậy thì không được tranh giành của-cái của người vợ đã sắm lấy một mình trong thời-khoản xa nhau không có người chồng can-thiệp vào chút nào, và của-cái ấy phải thuộc về người con tư-sinh của người đàn-bà sinh ra trong thời-khoản ấy mặc dù không biết rõ cha nó là ai...»

Án ấy, thuộc về một trường-hợp thường gặp, tưởng nói ra cho các bạn gái biết cũng không phải là vô bổ vậy.

B. — Bắc-Việt và Trung - Việt

Khi người vợ chết trước thì tài-sản riêng của người vợ ấy thuộc về người chồng được chiếm-hữu luôn cả với gia-ải chung mà quản-lý và hưởng-thu để làm lợi cho gia-đình (điều 113 bộ D. L. B. K. và III bộ H. V. T. K. H. L.) Xin nói thêm rằng Phòng Nhì của Tòa Thượng-thẩm Saigon án ngày 7-3-1946 đã xử rằng : theo luật Việt-Nam, những của-cái của người vợ đem về nhà chung của đoàn-thể vợ chồng trong lúc kết-hôn rơi trong sự-nghiệp của người chồng, người này được trọn quyền sử-dụng. Nếu không có ước-định gì trái lại thì những tài-sản ấy sẽ lưu-truyền cho những người thừa-kế của người chồng chết trước, người vợ chỉ có quyền ứng-dụng thu-lợi trọn đời mình mà thôi.

Ông Pompéi, tác giả bộ sách *Droit Familial et pa tri-monial au Việt-Nam* có nói : « Nếu như thế thì, bởi thứ-tự thừa-kế, gia-quyền của người vợ có thể bị loại khỏi tài-sản của người ấy. Phải cho vào cái thông-lệ ấy một ngoại lệ này : « trong trường-hợp người ta tặng đỡ cho người vợ mà có giành quyền lấy lại nếu thì chết được. Vả lại, điều 875 của bộ D.L.B.K cũng có nói : Tặng-chủ cũng có thể tự giành lại quyền thu-hồi vật đã tặng trong trường-hợp hoặc một

minh người thu-tặng qua đời hay cả người thu-tặng và bị thuộc chính-hệ qua đời, có điều trong văn tư-tặng-dữ phải có nói công-nhiên như vậy mới được cho. »

Khi nào người vợ thứ chết trước mà có đẻ con cái lại thì người chồng chỉ được quản-trị và hưởng dụng tài-sản riêng của người vợ thứ ấy mà thôi.

(Xin lưu ý: những đoạn chữ xiên trên đây chỉ có trong bộ H.V.T.KK,L mà không có ở bộ D,L.K.B).

Chương thứ hai

NGƯỜI QUẢ-PHỤ

A.— Bắc-Việt và Trung-Việt

I.— NGƯỜI QUẢ-PHỤ CHÍNH-THẮT

Những điều sẽ nói dưới đây là trích trong bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ và bộ Hoàng-Việt Trung-Kỳ Hộ-Luật, hai bộ luật này rất giống nhau, chỉ có một đôi chỗ khác nhau chút đỉnh về chi-tiết mà thôi.

Như chúng ta sẽ thấy, chị em ở Bắc-Việt và Trung-Việt tuy trước kia là xứ bảo-hộ mà được nhiều quyền-lợi hơn chị em Nam-Việt là xứ thuộc địa trực-tiếp của nước Pháp đã ngoài tám mươi năm, tiến-bộ hơn nhiều. Đó là nhờ họ có hai bộ luật Dân-Luật Bắc-Kỳ và Hoàng-Việt Trung-Kỳ Hộ-Luật, bộ trên được ban hành hồi năm 1931 và bộ dưới năm 1936.

Điều 334 và những điều kế đó của bộ D. L. B. K. (điều 339 và những điều kế đó của H.V.T.K.H.L) dạy rằng : « Khi người chồng chết thì người quả-phu thay quyền chồng mà quản-trị gia-đình. Nếu người chồng là gia-trưởng thì người vợ được giữ quyền gia-trưởng của chồng mình đối với con để vị-thành-niên và con của vợ thứ.

«Người quả-phu phải lấy của riêng của người chồng, của chung của cả hai vợ chồng thuộc về mình quản-lý và của riêng của mình để mà lo liệu việc cấp-dưỡng giáo-duc cho các con mình và các con vợ thứ cũng là cấp-dưỡng cho các vợ thứ.

«Người quả-phu suốt đời được hưởng-dụng tài-sản riêng của chồng, tài-sản chung của hai vợ chồng cùng tài-sản riêng của mình. Đối với tất cả những tài-sản ấy, người vợ góa được quyền quản-lý như chồng khi trước. Đến khi ông cả đã đến tuổi thành-niên thì có thể chia quyền đó với con cả (trưởng-nam).

« Người quả-phu có quyền được tự mình sử-dụng tất cả của động-sản để trang-trải công-nợ riêng của chồng hay công-nợ chung của hai vợ chồng, cấp-dưỡng giáo-duc cho con cái, cấp-dưỡng cho cha mẹ, ông nội, bà nội nhà chồng, cấp-dưỡng cho các vợ thứ của chồng cũng là chi-tiêu các việc cần dùng cho mình và trong nhà. Lại có thể tự mình được sử dụng những bất-động-sản riêng của mình để chi-tiêu về mọi việc đã nói ở trên, Còn bất-động-sản riêng của chồng và bất-động-sản chung của hai vợ chồng thì khi nào người quả-phu muốn chuyển-dịch tất phải hợp cùng các con đã thành-niên, nếu tất cả các con chưa thành-niên thì phải hợp cùng người giám-hộ (thủ-hộ) của chúng nó mới được.

Nếu chỉ có con gái đã thành-niên thì khi người góa-phu phát-mãi bất-động-sản ấy phải hợp lại cùng với cha mẹ

chồng ; nếu không có cha mẹ chồng thì phải hợp với người thân-thuộc đàn-ông bên họ nội gần nhất và nhiều tuổi nhất mới được. Các vợ thứ nhì thay mặt cho con cái vi-thành-niên của mình (điều 317 của D. L. B. K. và điều 342 của bộ H. V. T. K. H. L.)

« Khi nào người chính-thất quả-phụ phát-mãi một bất-động-sản nào trong của thừa-kế hiện đã hợp cùng với người con cả thành-niên nhưng không hợp cùng với các con khác của mình hoặc các người thay mặt chúng nó, thì các người con khác ấy không được xin thủ-tiêu việc phát-mãi ấy.

« Lại cả các con vợ thứ cũng không được quyền xin thủ-tiêu, trừ ra có bằng-chứng rằng người quả-phụ phát-mãi bất-động-sả là chủ ý để truất phần chúng nó mà làm lợi riêng cho con đẻ của mình thì không kể. »

« Nếu trong các con người chồng mệnh-một có nhiều người thành-niên mà khi phát-mãi bất-động-sản người quả-phụ chỉ hợp với người con cả thành-niên mà thôi thì có thể do người thân-thuộc nhất của chồng hoặc người thân-thuộc đàn-ông trong họ nội gần nhất và nhiều tuổi nhất đứng lên đầu đơn xin thủ-tiêu việc phát-mãi ấy đi được.

« Phạm các khoản do người quả-phụ đứng vay đề chi-tiêu mọi việc đã nói rõ ở điều 347 của bộ D. L. B. K. (điều của bộ H. V. T. K. H. L.) thì tuy không hợp với các người thừa-kế ấy phải đảm-nhiệm. Nếu không phải là đề chi-tiêu về các việc đã nói ở điều luật này thì người quả-phụ phải lấy của riêng của mình mà đảm-nhiệm các nơi ấy.

« Trong lúc sinh-thời người quả-phụ được quyền ngăn cấm sự chia của thừa-kế.

« Nếu người quả-phụ còn sinh-thời mà người ấy không bằng lòng thì cấm các con cái không được đem chia những của thừa-kế ấy.

« Người quả-phụ chính-thất được đem chia của gia-tài và được giữ lấy một phần để dưỡng lão,

« Khi nào người chồng qua đời chính là người thừa-tự mà lúc lâm-chung không có con trai thì người vợ-góa phải hợp-ý với hội-nghị gia-tộc lập người ăn thừa-tự để giao cho giữ của hương-hỏa. Nếu người quả-phụ không lập thừa-tự thì hội-nghị gia-tộc phải lập lấy.

« Người quả-phụ không được hưởng-dùng về của hương-hỏa mà người chồng đã đứng ăn thừa-tự khi trước, trừ khi nào người vợ chỉ đứng quản-lý của hương-hỏa ấy cho trưởng-nam đã thành-niên thì không kể.

« Người quả-phụ phải trang-trải tất cả các khoản nợ thừa-kế, dù nợ nhiều hơn của cũng vậy. Nếu là nợ riêng của người chồng thì trước hết lấy tài-sản riêng của chồng, sau nữa lấy tài-sản chung của hai vợ chồng mà trang-trải. Nếu là nợ chung của cả hai vợ chồng thì trước hết phải lấy tài-sản chung của hai người sau nữa mới lấy tài-sản riêng của chồng và sau rốt mới lấy tài-sản riêng của vợ mà trang-trải.

« Nếu người chồng không có con thì người quả-phụ được sử-dụng những động-sản và bất-động-sản của mình và phân nửa của chung của hai vợ chồng mà không cần phải có ai bằng lòng mới được. (1)

« Người dàu cả góa-chồng, gặp khi cần-thiết thì phải chung-cấp cho cha mẹ chồng và ông bà của chồng.

« Nếu người quả-phụ bị tuyên-cáo là không đứng-đẫn (1) (indigne) thì mất quyền-lợi về tài-sản riêng của chồng và tài-sản chung của hai vợ chồng.

(1) Những đoạn in chữ xiên trong mục này chỉ có ở bộ H. V. T. K. H. L. mà không có ở bộ D. L. B. K.

Những quyền-lợi ấy sẽ được chuyển-chuyển sang các người thừa-kế.

« Những khi sau này thì bị tuyên-cáo không đúng-dẫn; người vợ chính-thất quả-phụ bất-chính (vô-hạnh một cách thâm-tệ và nhiều người biết; có trách-nhiệm phải phụng-dưỡng cha mẹ và ông bà chồng mà bỏ liêu; đại bất-kinh đối với cha mẹ và ông bà chồng; bỏ liêu con chồng; tiên-tán những của di-sản; bị án phạt về tội xâm-phạm tinh-thần hoặc thân-thể người thân-thuộc gần của người chồng; không để tang chồng trong hai mươi bảy tháng).

Những người sau này được đầu đơn xin truất-quyền của người vợ góa: ông bà cha mẹ người chồng qua đời, người tôn-thuộc gần nhất và nhiều tuổi nhất về bên nội và hội-nghị gia-tộc.

« Nếu bị tuyên-cáo là mất quyền thì người quả-phụ chỉ được lấy lại tài-sản riêng của mình mà thôi. Nếu người quả-phụ không có tài-sản riêng hay là tài-sản riêng mà không đủ dùng để chi-tiêu được thì được trích một số tiền trong tài-sản chung để làm tiền cấp-dưỡng.

« Người quả-phụ đi tái-giá tức là bỏ nhà chồng trước và mất hết cả quyền-lợi về tài-sản riêng của chồng trước còn tài-sản riêng của mình thì vẫn được nguyên quyền sở-hữu. Nếu chồng trước không con thì lại được phân-nửa tài-sản chung (1).

« Nếu trong khi ở góa lại thủ-đắc riêng được động-sản, bất-động-sản hoặc mất tiền hoặc không mất tiền thì đối với tài-sản ấy người quả-phụ được toàn sở-hữu và được tự-y sử-dụng. Nếu đi tái-giá thì được đem tài-sản ấy về gia-đình mới.

(1) Tài-sản chung gồm có: 1) kỹ-phần của vợ chồng góp vào khi giá-thủ, 2) kỹ-phần của vợ góp vào khi giá-thủ, 3) những tài-sản vợ chồng đã thủ-đắc trong khi ần ở với nhau.

Quả-phụ kế-thất được cùng quyền-lợi và chịu cùng nghĩa-vụ như quả-phụ chính-thất.

Luật Bắc-Việt và Trung-Việt định rằng; người quả-phụ được từ-chối quyền quản-trị, hưởng-dụng và sử-dụng về các tài-sản thừa-kế. Sự từ-chối ấy phải khai tại trước mặt hai người thừa-kế đã thành-niên và lý-trưởng mà phải do tòa-án chuẩn-y. » (tòa-án đệ-nhi-cấp ở Bắc-Việt và tòa-án sơ-cấp ở Trung-Việt).

Do đó, chúng ta có thể phỏng-đoán rằng người quả-phụ Nam-Việt cũng có thể được quyền như vậy nhưng phải khai với hương-chức trong làng và phải được sự phê-chuẩn của tòa-án sơ-thẩm (hay tòa-án Hòa-Giải rộng-quyền xử về dân-sự).

NGƯỜI QUẢ-PHỤ THỪ THẤT

Dù chồng còn sinh-thời hay đã chết, quyền-lợi người vợ thứ cũng không thay đổi, nghĩa-là chỉ được quyền ăn và ở nhà chồng mà thôi.

Nếu người góa-phụ chính-thất không bằng lòng cho ở chung thì các vợ thứ được lấy lại y-phục tài-sản riêng của mình, tài-sản bằng hiện-vật hay hiện-ngân để chi-dụng cấp-dưỡng cho mình và cho các con vị-thành-niên đã đẻ với người chồng mệnh-một và hiện do mình phải cân-đáng.

Nếu vợ thứ tái-giá hay vô-hạnh thì bị mất phần đã nói ở trên duy chỉ có thể được một phần nhỏ trong phần ấy để chi-tiêu cho các việc cần dùng cho các con vị-thành-niên của mình mà thôi.

Sự bãi bỏ phần của vợ thứ thì có thể do chính-thất quả-phụ, ông bà cha mẹ chồng, anh em chị em ruột thành-niên của chồng hoặc hội-nghị gia-tộc đứng xin.

B. — Nam-Việt

I. — NGƯỜI QUÁ-PHỤ CHÍNH-THẮT

Mục-dịch cuộc hôn-nhân để làm gì ?

Sách Lễ-ký nói rằng : « Hôn-lễ gia trọng-hiệp nhị tính chi hảo, thượng dĩ sự tông-miếu nhi hạ dĩ kế hậu thế giả » Nghĩa-là : « lễ kết-hôn có mục-đích chung-hợp hạnh-phúc của hai họ, trên để thờ-phụng tổ-tiên và dưới để nối dòng-dõi đời-dời. »

Tuy-nhiên, lễ kết-hôn như thế chỉ để riêng cho người vợ bậc nhất ma thôi, tức là chính-thất hay vợ chính vậy.

Người đàn-ông nào đã có một chính-thất rồi không thể có thêm một người chính thất nữa, nếu làm phạm phép thì sẽ bị luật Hình trừng phạt ; nhưng có thể có nhiều vợ nhỏ (vợ bé) hay hầu thiếp. Chỉ có khi nào người chính-thất chết đi hay bị ly-dị thì người chồng mới có thể cưới một người vợ bậc nhất khác. Người chính-thất thứ nhì này, các con dòng trước gọi là « Kế-mẫu ».

Người vợ bậc-nhất — tức chính-thất — được đồng-đẳng với chồng và bởi như thế mà người được có quyền trên trước đối với vợ bé hầu thiếp, tôi tớ hay con cái vô-luân là dòng nào.

Trong khi cúng-quải, chính người vợ chính-thất có quyền phụ-tá người chồng, trao đồ cúng cho chồng để trên bàn thờ tổ-tiên.

Trong gia-đình, vợ chính lại được thay thế cho chồng trong tất cả trường-hợp, chỉ vì là đàn-bà nên không được kế-tiếp cho chồng trong những chức-vụ tôn-giáo mà thôi.

Đối với di-sản của chồng, vợ chính không bao giờ được thừa-kế nhưng được quyền **pháp-định ứng-dụng thụ-lợi** (usufruit légal).

Do quyền đó, người vợ chính góa chồng (quả-phụ) được **dụng** (usus) mà không được **lạm-dụng** (abusus), bởi vậy không thể chuyển-địch tài-sản bằng cách tống-tiền hay không tống-tiền (nghĩa-là : cho, bán, đổi-chác, cầm, thế,..)

Án tòa Thượng-Thẩm Đông-Dương đề ngày 23-5-1891 và 7-5-1914 có nói rõ rằng :

« Quyền hưởng-dụng của người quả-phụ như thế có
« đủ tính-chất một sự ủy-quyền làm-thời (mandat temporai-
« re) mà người được thụ-lĩnh cùng với nghĩa-vụ phải bảo-
« tồn tài-sản được hưởng để, đến khi chết, thì giao trả lại
« cho mấy người hư-chủ nối tiếp pháp-nhân của người
« chết, không thể nào được thay đổi tính-chất hay mục-đích
« nó. »

Người quả-phụ suốt đời được hưởng-dụng tài-sản chung của hai vợ chồng, tài-sản riêng của chồng và tài-sản riêng của mình (chứng tương-phân thì ba thứ tài-sản này nhập chung lại làm một). Nếu di-sản chia ra rồi trong lúc sinh-thời của mình thì người quả-phụ chỉ có cái quyền hưởng hoa-lợi của mấy phần ứn trừ ra mấy phần hương-hỏa nhưng mình phải giữ tiết cùng chồng, không được cãi-giá.

Mặc dù người chồng có kẻ thừa-kế hay không người vợ cũng đều được hưởng quyền ấy, nhưng phải là vợ chính-thất có hôn-thú bậc nhất (femme légitime) mới được. Người quả-phụ thay chồng giữ quyền gia-trưởng trong gia-đình đối với con đẻ vị-thành-niên của mình và con vợ thứ. Được quyền quản-trị cả di-sản của chồng, người quả-phụ có

quyền được tự mình sử-dụng tất cả của đồng-sản để trang-trái công nợ của chồng, cấp-dưỡng và giáo-duc con cái, cấp-dưỡng cho cha mẹ ông bà bên nội nhà chồng, cấp-dưỡng, cho các vợ thứ của chồng cũng là chi-tiêu các việc cần-dùng riêng cho mình và cho trong nhà.

Người quả-phụ lại có thể tự mình sử-dụng những bất động-sản riêng của mình để chi-tiêu về mọi việc đã nói trên.

Trong lúc sinh-thời, người quả-phụ được quyền ngăn-cản con cái không cho tương-phân của thừa-kế và bản thân được đứng ra thuận-phân của thừa-kế cho các con và để dành lại cho mình một phần dưỡng lão.

Khi nào mẹ góa đứng thuận-phân cho con như vậy thì mẹ cũng vẫn giữ quyền ứng-dụng thu-lợi luôn luôn, trừ khi nào có sự cam-kết hủy-bãi quyền ấy để cho con mình có thể sử-dụng hoàn-toàn phần ăn của nó thì không kể. Và muốn cho sự thuận-phân này có hiệu-lực thì lúc tương-phân phải có mặt cả gia-quyển và mỗi người can-thiệp đều đứng ký tên lãnh phần ăn của mình.

Khi nào chồng chết — mà chính y là thừa-tự — không có con trai thì người quả-phụ phải hợp-ý hội-nghị gia-tộc lập người ăn thừa-tự để giao cho giữ phần hương-hỏa. Nếu người quả-phụ không lập thừa-tự thì hội-nghị gia-tộc sẽ lập lấy.

Người quả-phụ phải trang-trái tất cả các khoản nợ thừa-kế (dettes successorales) dù nhiều hơn di-sản cũng vậy. Nếu là nợ riêng của chồng thì trước hết lấy tài-sản riêng của chồng sau lấy gia-tài chung của vợ chồng mà trang-trái. Nợ riêng của chồng không thể có ảnh-hưởng gì đến của riêng của vợ cả.

Trên đây là nói về trường-hợp chồng chết không có đề chúc-thư lại. Nếu chồng có đề chúc-thư chia của cải cho các con và trích ra một phần đề cho người vợ hưởng hoa-lợi thì người vợ chỉ được hưởng hoa-lợi về phần ấy thôi ; đến chừng chết thì các con lại lấy phần ấy mà chia cho nhau một lần nữa.

Khi nào người chồng có nhiều vợ thì quyền hưởng hoa lợi nói trên đây về phần người vợ chính, còn những người vợ thứ nhì thì chỉ được quyền lợi-dùng (droit d'usage) và quyền cư-trú (droit d'habitation) mà thôi.

Chúng ta nên đề ý rằng người quả-phụ Việt-Nam không có thừa-kế những tài-sản của chồng để lại vì những tài-sản này không có cải-bộ cho tên người vợ trong bộ điền. Người quả-phụ chỉ có quyền hưởng-dụng tài-sản và hoa-lợi của tài-sản, cái quyền ấy có tính-cách bất-đặc-chuyển-dịch (inaliénable) Vậy thì khi nói đến quyền pháp-định ứng-dụng thu-lợi (usufruit légal) của quả-phụ, chúng ta phải hiểu cho như vậy.

Trước khi Chính-phủ tổ-chức nhân-thế-bộ (cũng gọi là **hộ-tịch** hay **bộ-đời**) ở Nam-Việt bởi đạo sắc-lệnh 3-10-1883 thì những cuộc hôn-nhân bậc nhất đều được chứng nhận bởi những « **hồng-thư** » là giấy họ nhà trai biên niên-canh của chàng rể mà trao cho họ nhà gái và họ nhà gái biên niên-canh của cô dâu mà trao lại cho họ nhà trai ; giấy ấy cũng gọi là **canh thiệp** » (1). Người dân-bà nào muốn khiếu-nại và quyền ứng-dụng thu-lợi nhân-danh quả-phụ thì phải có **canh thiệp** ấy làm bằng-cớ hay nộp bằng-cớ văn tự hay nhân-chứng đủ chứng rằng tờ **canh-thiệp** ấy đã mất

(1) Chính vì thế mà trong Kim-vân-Kiều có câu :

Một lời thuyên dữ êm dằm,
Trước đờu canh thiệp hãy cầm lờm ghê,

hay bị tiêu-diệt rồi và chính mình quả là chính-thất của người qua đời (án-tòa Thượng-Thẩm Đông-Dương đề ngày 24-12-1914 và 8.7.1915.)

Từ khi đạo sắc-lệnh 3-10-1883 được ban-hành đến giờ sự kết-hôn Việt-Nam phải có khai cho viên lục-bộ ghi vào. Hôn-thú thì mới được kể là chính-thức, hợp-pháp cho. Về lại sự kết-hôn ấy còn phải cử-hành cho đúng theo phong-tục lễ giáo nữa.

Những chứng-thư nhân-thế-bộ (acte de l'état civil) vì chỉ do có một lời khai nên không được có tính-cách là chứng-thư công-chính (actes authentiques) nó chỉ có giá-trị cho đến khi nào có bằng-cớ trái lại thì thôi.

Người quả-phụ nào muốn yêu-cầu quyền ứng-dụng thu-lợi thì phải nộp một chứng-thư lập ra bởi viên chánh-lục-bộ có quyền nếu cuộc hôn-nhân của mình đã xảy ra sau khi tổ-chức nhân-thế-bộ (bộ-dời), chính những bản-án của tòa Thượng-Thẩm Đông-Dương đề ngày 18.2.1914, 26-3.1914, 19.11-1914, 16-9-1916 đã quyết-định như vậy.

Một mình sự không có một người vợ bác nhất không thể chứng-rằng một cuộc hôn-nhân của một người đàn-bà là đúng bác nhất bởi vì cuộc hôn-nhân như thế phải gồm có nhiều nghi-lễ thực-hành đúng theo phong-tục tập-quán.

Bởi vậy, người đàn-bà muốn xưng mình là vợ chính trước pháp-luật phải viện bằng-cớ rằng hôn-lễ đã cử-hành và lục-bộ làm hôn-thú đã vô ý là sai sót mới được.

Sự ứng-dụng thu-lợi là một quyền-lợi (droit) đại-phàm chỉ khi nào người quả-phụ chết thì mới hết. Tuy-nhiên cũng có khi người quả-phụ còn sinh-thời mà bị truất-quyền ứng-dụng thu-lợi đi cũng có,

Khi người chồng qua đời, người quả-phụ phải xin lập một tờ kê-biên (inventaire) tất cả tài-sản động hay bất-động của gia-tài, có hương-chức làng thị-nhận. Người quả-phụ Việt-Nam không bị bắt-buộc lập tờ ấy trong kỳ-hạn ba tháng và 40 ngày như người quả-phụ Pháp nhưng cũng phải làm sau khi cử-hành cuộc tang-lễ tổng chung, kỳ-hạn phải làm ấy sẽ do nơi tòa-án định-đoạt tùy theo mỗi trường-hợp.

Chỉ có một mình tòa-án có quyền tuyên-bố sự bãi-truất quyền ứng-dụng thu-lợi vì sự không lập tờ kê-biên thiếu sót hay bán một phần hoặc trọn hết động-sản của gia-tài chồng để lại (án tòa Thượng-thẩm Đông-Dương 17-6.1888 và 21-9 1893).

Tòa-án cũng có thể kết-án tuyên-bố sự bãi-truất quyền ứng-dụng thu-lợi của quả-phụ vì một trong hai duyên-cớ này :

- 1° — vì sự không xứng-dáng,
- 2° — vì sự tái-giá.

Người đàn bà Việt-Nam có chồng không được đứng buôn bán riêng trong lúc chồng còn sinh-thời (án-tòa T. T. Đ. D. 12-11-1915 và 19-11-1915).

Người quả-phụ không thể kê là người buôn bán công-khai (marchande publique) bởi vì trong các cuộc hôn-nhân Việt-Nam một mình người chồng làm chủ tất cả tài-sản của đoàn-thể vợ chồng vô-luận là gốc ở đâu mà có, bởi vậy chỉ có một mình chồng là được quyền lập-ước chính-thức (án của Ban Thủ-Tiêu Đ. D. 8-11-1912).

Trường-hợp người quả-phụ cũng y như thế chẳng ? Nghị-định 16-3-1910 qui-định thủ-tục Việt-Nam đã định, nơi điều 224, rằng không thể lấy sự cầu-thức thân-thể (giam-thầu) mà ứng-hành vào « đàn bà và con gái không thể kê là người buôn bán công-khai » (les femmes et les filles non réputées marchandes publiques).

Vậy thì, hiểu trái lại, những người đàn bà buôn bán công-khai có thể bị câu-thức thân-thể (giám-thầu). Như thế thì phải có đàn bà buôn-bán và chúng ta phải hiểu là danh-từ « đàn bà » ấy chỉ người quả-phu bởi vì trong lúc chồng mình còn sinh-thời, người vợ không thể buôn bán nhân danh riêng của mình.

Vả lại, lúc sau này, án lệ đã nhìn-nhận cho đàn bà được có của-cải riêng nhất là khi của cải ấy do người khác hiện-tặng hay di-tặng hay là của mình thủ-dắc bằng tiền bạc của cha mẹ mình cho. Lễ cố-nhiên, sự ấy là do ảnh-hưởng của Luật-pháp mà được như vậy.

Do theo nghị-định 16-3-1910 hợp với những án của tòa Thượng-Thẩm Saigon và Hanói, chúng ta có thể nói chắc rằng hiện nay một người quả-phu được phép nhân-danh mình mà thực-hành cuộc làm ăn thương-mãi và như thế, có thể bị câu-thức thân-thể (giám-thầu) vì công việc thương mãi ấy, nhưng nhân-danh quả-phu thì không thể bị câu-thức thân-thể vì nợ thừa-kế của chồng mình để lại.

Nhưng còn tiền lời trong việc buôn bán và của riêng của người quả-phu thì sao? Người đàn bà, do sự hôn-nhân, đã ra khỏi hẳn gia-đình tự-nhiên của mình mà vào gia-đình của chồng mình, sùng-bái tiên-lô của chồng và tuy là ngày nay phu-nữ được ít nhiều độc-lập về tài-sản, họ cũng phải còn chịu dưới những thuyết chung của chế-độ gia-trưởng mà tòa-án xưa nay luôn luôn bảo-tồn và kính-trọng ; bởi, vậy, khi họ chết, của-cải riêng của vợ lại trở vào tài-sản chung bên chồng.

Còn khi người quả-phu tái-giá thì mới sao ?

Theo ý-kiến của các luật-gia thì phải thực-hành luật Việt-Nam một cách gắt-gao, Sự tái-giá của quả-phu bị luật Gia-Long xem như một sự truy-lạc sa-ngã, bởi vậy, trong

trường-hợp này, tài-sản riêng của vợ phải ở lại trong gia-quyển của người chồng qua đời (điều 360 của bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ và điều 359 của bộ Hoàng-Việt Trung-Kỳ Hộ-Luật định trái lại rằng khi tái-giá người vợ giữ nguyên quyền sở-hữu của-cái riêng của mình và nếu khi chồng không có con lại được đem theo một nửa của chung là khác...

Tuy-nhiên, của cải riêng nói đây là của vợ góa mua sắm sau khi chồng chết chớ trong khi ăn ở nhau thì của hai vợ chồng đều gọi là của chung cả).

Người chinh-thất quả-phu chỉ có quyền ứng dụng thu-lợi, không thể sử-dụng tài-sản của gia-tài chồng. Tuy-nhiên, vì lẽ cần quản-trị gia-tài ấy, ví-du như đóng thuế-vu, trả nợ di sản, chôn cất và làm mồ-mả cho chồng, người vợ có phép chuyển-dịch một bất-dộng-sản của chồng. Khi trước năm 1932 thì muốn bán như vậy, người quả-phu phải có vị trưởng-tộc, đưa con trưởng-nam ưng-thuận thay mặt cho các em thanh niên và vị thanh niên của mình mới được. Nếu các con thành-niên đều khác dòng nhau thì mỗi dòng đều phải có đứng tên vào tờ ưng-thuận. Nếu vị trưởng-tộc cũng vừa là người con trưởng-nam và nếu không có con thành-niên các dòng khác thì chỉ một mình vị trưởng-tộc ấy phụ với vị quả-phu là đủ.

Từ khi đạo sắc-lệnh 30.5.1932 được ban-hành ở Nam-Việt tới giờ thì khi nào tất cả các con đều thành-niên thì tất cả phải ký tên vào tờ bán cùng với mẹ và vị trưởng-tộc thì mới bán được. Còn nếu trong đám con có một hay nhiều đứa vị-thành-niên thì phải mời nhóm hội-nghị gia-tộc mà xin phép, phép ấy tại phải có quan tào phê-chuẩn cho mới được gia-dĩ, chiếu theo điều 315 của đạo sắc-lệnh 25.7.1925 và các đạo sau bổ-cứu, lại còn phải xin bán đấu-gia tại tòa-án hay giữa công-sở làng sở tại chỗ bất-dộng-sản tọa-lạc đó.

Luật buộc như thế là cố ý bảo-vệ quyền-lợi cho trẻ vị thành-niên vậy.

II. — NGƯỜI QUẢ-PHỤ THÙ-THẤT

Ở xứ Việt-Nam, pháp-luật nhĩn-nhàn cho đàn-ông được có nhiều vợ, bởi vậy nếu vợ lớn cưới vợ thứ cho chồng vậy là sự thường. Theo luân-lý Việt-Nam, vợ lớn phải làm thế nào khi mình không thể sinh-sản mà cũng có kể nối hậu-tự cho chồng mình.

Cứ như pháp-luật hiện-hành thì vị gia-trưởng được phép lấy bao nhiêu hầu thiếp cũng tùy thích, chỉ cần phải có bà vợ chính (vợ lớn) trung-thuận mà thôi. Tất cả những hầu thiếp đều gọi là (vợ bé) và đều ngang hàng với nhau, tất cả cùng phải chịu ở dưới quyền vợ chính cả. Đạo sắc-lệnh 3-10-1883 đều cũng nhận chịu như vậy, nhưng những cuộc kết-hôn như thế không phải cũ-hành theo phong-tục lễ-giáo nữa.

Khi nào người chồng có cho vợ bé được có gia-tư riêng thì khi chồng chết, vợ bé được hưởng quyền ửng-dụng thu-lợi của gia-tư ấy. Nhưng khi nào người chồng vì quá thương vợ bé mà cho vợ bé nhiều quá thì kẻ thừa-kế có thể xin hội-nghị gia-tộc giảm-bớt lại, mà sự giảm bớt ấy phải có quan Chánh-án tòa dân-sự phê-chuẩn mới được.

Thường thường, vợ bé ở chung một nhà với vợ lớn thì khi chồng chết, vợ bé được hưởng quyền cư-trú và quyền lợi-dụng (droit d'habitation et droit d'usage).

Vợ lớn giữ quyền gia-trưởng thay cho chồng phải lo chu-cấp cho vợ bé. Nếu vợ bé có chỗ ở riêng mà không có của cải đủ chi-dụng thì có thể đòi vợ lớn một món tiền cấp-dưỡng vì chỉ có vợ lớn là có quyền ửng-dụng thu-lợi trên tài-sản của chồng để lại. Món tiền cấp-dưỡng ấy, tùy ý tòa-án dân-sự liệu-định sao cho tương-dương với di-sản nhiều ít và sự nhu-cầu của vợ bé (án của tòa T. T. Đ. D. đề ngày 12-6-1907, ngày 27-10-1910, ngày 16-7-1914, vãn vãn).

Sự tái-giá là duyên-cớ mất quyền của vợ bé; vợ bé cũng phải vâng theo, điều kiện tái gia như vợ lớn (nghĩa là phải đợi mười tháng sau khi chồng chết mới lấy chồng khác.)

Khi nào vợ bé có thể hưởng-quyền ứng-dụng thu-lợi của di-sản chồng? Khi nào vợ lớn chết mà không để lại đứa con nào cả và chỉ có một người vợ bé mà thôi.

Thương thường thì có nhiều người vợ bé. Như thế thì người nào mới được hưởng quyền pháp-dinh ứng-dụng thu-lợi của di-sản của chồng? Trong trường-hợp này, của cải phải tương-phân ra cho các con rồi mẹ nào thì hưởng quyền ứng-dụng thu-lợi của phần ăn của con ấy.

Nếu còn con vị-thành-niên thì vợ bé chỉ được xin làm thủ-hộ cho con của mình mà thôi (án của tòa T.T.Đ.D. ngày 29-3.1914.)

III. — VỢ TỰ-DO KẾT-HÔN

Đạo sắc-lệnh 3.10-1883 chỉ lập nhân-thế-bộ (bộ-đời) cho vợ chính (vợ lớn) hay vợ bé (vợ nhỏ) theo luật Gia-Long. Ngoài ra, trong pháp luật Việt-Nam hiện-hành cũng có nhiều cuộc kết-hôn thực-tế (union de fait) không có khai trước vị-hộ-lại (viên-chức giữ sổ nhân-thế bộ). Án lệ gọi những cuộc kết-hợp tự-do như thế là « trạng-thái thoả-thuận ăn ở nhau làm vợ chồng » (état de concubinage) và cho rằng trạng-thái ấy đào-tạo ra giữa người đàn ông và người đàn-bà một « tình-trang cộng-dồng quyền-lợi » (état de communauté d'intérêts) Sự ăn-ở nhau trước mặt mọi người làm cho phát-sanh một đoàn-thể quyền-lợi tiền bạc vì rằng tài-sản của người này hợp với tài-sản của người kia mà lập ra một sự nghiệp chung. ✓

Bởi vậy, khi một trong hai người qua đời, đáng lẽ phải chia của-cải chung ra cho hai bên đồng phần mới phải vì cả hai đã có công đào-tạo nên của-cải ấy. Chính vì nhân-đạo mà lâu nay tòa-án vẫn xử như thế (án-tòa T.T,Đ.D. đề ngày 13.4.1916 và ngày 24-10-1918 và án tòa Sơ-thẩm Longxuyên đề ngày 7.11-1917). Sự phân-chia tùy theo trường-hợp, thường thì chia ra hai phần đồng nhau. Hồi năm 1939, một cụ đàn-ông kia chết vợ lấy người ở gái ở với nhau được độ hai mươi năm, sau vì bất - hòa người đàn-bà này kiện ông tình lang của mình mà xin chia của ; tòa sơ-thẩm xử cho thị được lấy một phần tư của chung nhưng lên tòa Thượng-Thẩm thì án ấy bị bác vì tòa xét ra người tình-nương ấy không có công-cán chi trong sự gây-dựng sự-nghiệp của chồng.

Xử cho người « vợ tự-do » được phần trong của-cải của chồng là một việc cũng là nhân-đạo nhưng như thế thì có điều đáng lấy làm trái là chính người vợ không có hôn-thú lại được quyền rộng-rãi hơn người vợ chính có hôn-thú bậc nhất và rất nhiều hơn những vợ bé có hôn-thú bậc nhì.

Như chúng ta đã thấy, về địa-vị người chính-thất quả-phụ thì chỗ khác nhau đại-khái giữa luật ở Nam-Việt và luật ở Trung-Việt và Bắc-Việt là : luật Trung-Bắc phân-biệt rõ-ràng ba thứ tài-sản : riêng của chồng, chung của vợ chồng và riêng của vợ. Lại định rõ ràng rằng quả-phụ có trọn quyền sử-dụng trên của riêng của mình thêm phần nửa tài-sản chung nếu không có con ; những tài-sản của vợ sắm trong thời-kỳ ở góa là của riêng của vợ.

Luật Nam-Việt thì không có nói chi đến « của riêng » ấy. Đành rằng, lúc sau này, án-lệ đổi luật xưa rất nhiều định rằng « người đàn bà có thể có của riêng nghĩa là

những của mà mình được người khác tặng-giữ hay di-tặng, tục-lệ đó luật nhà Lê (Hồng-Đức) đã nhìn-nhận mà luật này mới thích-hợp với tâm lý người Việt-Nam hơn luật Gia-Long là bộ luật mô-phỏng theo luật nhà Thanh cũ-kỹ và vô-nhân-đạo ; và vô-nhân-đạo ; và chính án-lệ, sau nhiều năm định rằng tất cả tài-sản của người đàn bà hiện-tại và tương-lai rớt vào sự-nghiệp chung của chồng, đã phải tiến-triển để làm theo tục-lệ vừa nói trên » (án tòa Thượng-thẩm Saigon 24-3.1921 và 17-7-1938).

Một bản án khác của tòa Thượng-Thẩm Hà-nội đề ngày 27-9-1926 (nghĩa là trước khi ban-hành bộ D. L. B. K.) đã định rằng « những tài-sản do vị quá-phụ thủ đắc với tiền riêng của mình là những tài-sản riêng của mình mà mình có thể giữ trong khi tái-giá, »

Tuy-nhiên, dù sao, trong khi chưa có điều luật minh-bạch thì người đơng-sự cũng không được vững tâm khi có sự tranh-tung bởi vì chừng đó việc đắc thất cũng còn là một sự may rủi do ý muốn của ông thẩm-phán mà ông này có khi thuận theo thuyết này còn ông khác thì lại thuận theo thuyết trái nghịch lại,



TÌNH CẢNH PHỤ-NỮ VÌ LẦM LÔ MÀ THẤT TRINH

Chị em bạn gái dù có chồng hay chưa chồng, đôi khi đại-dột nghe lời cảm-đồ của phường xô-lá khiếp-nhược để cho đến đổi thất trinh, lắm khi lại còn sinh con đẻ cái là khác, Trong những trường-hợp như vậy, chị em chỉ biết than trộm tủi thầm mà thôi nào có biết rằng mình cũng có ít nhiều quyền-lợi có thể hành-sử được !

Dưới đây, chúng tôi xin nói rõ về những quyền-lợi ấy hầu từ nay về sau, chị em biết mà bảo-vệ lấy mình trong lúc hoạn-nạn. Điều cần biết là :

1^o) Làm cách nào nhận cha cho đứa trẻ chị em đã sinh ra vì sự gat-gâm của chàng Sở-Khanh nọ,

2^o) — Làm cách nào mà xin tòa-án buộc chàng Sở Khanh ấy phải bồi-thường tổn-hại cho mình,

Bởi vậy, phần này sẽ chia làm hai chương :

Chương thứ nhất. — Trong trường hợp nào có thể xin nhận cha hoang ?

Chương thứ nhì. — Làm thế nào người mẹ hoang đòi người cha hoang tiền bồi thường tổn hại cho mình ?

TRONG TRƯỜNG-HỢP NÀO CÓ THỂ XIN NHẬN CHA HOANG ?

Không phải vô-luận trong trường-hợp nào cũng có thể nhận cha cho một đứa trẻ hoang luôn luôn đầu. Đại phạm hệ con sinh ra mà người mẹ không có chồng có hôn-thư chính-thức thì đứa con ấy phải khai theo họ mẹ. Pháp-luật định như thế là hợp lẽ lắm bởi vì nếu người đàn-bà khi sinh con được quyền chỉ người cha cho đứa trẻ là ai thì đó thực là một việc nguy-hiểm cho trật-tự công-cộng lắm. Pháp-luật cũng che chở cho đứa trẻ vô tội rũi sinh vào cái cảnh ngộ bơ-vơ không cha lắm. Tuy-nhiên, vì trật-tự công-cộng, pháp-luật bắt buộc người đàn-bà phải có ở vào những trường-hợp đặc-biệt mới có thể xin nhận cha cho đứa trẻ mình đã sinh ra nó.

1

Ở Nam-Việt

Theo pháp-luật ứng-hành tại Việt-Nam (sắc-lệnh 3-10-1883) thì chỉ có năm trường-hợp này thì tòa án mới thấu đợp xin nhận cha :

1°) — Khi nào người phụ-nữ bị bắt đem đi mà lúc ấy lại đúng vào lúc thụ-thai.

2o) — Khi nào người phụ-nữ bị dụ-dỗ mà lúc ấy lại đứng vào lúc thu-thai,

3o) — Khi nào người phụ-nữ bị hiếp-dâm mà lúc ấy lại đứng vào lúc thu-thai,

4o) — Khi nào người đàn-bà và người đàn-ông cùng khai ăn ở với nhau trong lúc thu-thai.

5o) — Khi nào người cha phỏng-đoán luôn luôn đối-đãi với đứa trẻ như cha đối với con,

II

Ơ Bắc-Việt và Trung-Việt

Điều 175 của bộ D.L.B.K. cũng như điều 171 của bộ H.V.T.K.H.L. có nói đến vấn-đề này một cách rất rành-rẽ có thể xin nhận cha :

1o) — Khi người phụ-nữ bị bắt đem đi hoặc bị hiếp-dâm mà thời kỳ bị bắt bị hiếp ấy lại đứng vào lúc thu-thai,

2o) — Khi người đàn-bà bị khuyến-dụ vì cách đánh-lừa, áp-chế, hứa giá-thú hoặc hứa sinh-lẽ,

3o) — Khi người đàn-ông kia đã có thư-từ, giấy má xem ra lời lẽ rõ-ràng thú-nhận mình là cha đứa con,

4o) — Khi người đàn-ông và người đàn-bà tư-tình ra mặt ăn ở với nhau trong thời-kỳ thu-thai theo luật-định, nghĩa-là kể từ 180 ngày đến 300 ngày trước khi sinh con,

5o) Khi người đàn-ông đã cáng-dáng hoặc giúp đỡ việc nuôi-nấng giáo-duc con ấy như là con của mình.

III

NHỮNG THÈ-LỆ CHUNG CHO CẢ
BA PHẦN

Gặp những khi kể ra sau này thì việc xin khai sinh nhận cha tòa-án sẽ không được thụ-lý :

1^o) — Khi có chứng-cớ rằng trong thời-kỳ thu-thai theo luật-định nghĩa là từ 180 ngày cho tới 300 ngày, người mẹ tinh-hạnh không tốt ai ai cũng biết hay là có tư thông với người nào khác nữa.

2^o) — Trong thời-kỳ thu-thai theo luật-định, vì sự xa cách hoặc sự ngẫu-nhiên, người cha phỏng-doán đó rõ-ràng không thể ở chung với người mẹ mà sinh ra con được.



AI ĐƯỢC ĐỨNG ĐƠN XIN TÌM NHẬN CHA HOANG

Có hai trường-hợp chúng ta phải đề-cập đến :

1° — Nếu người phu-nữ không phải là vị-hôn-thê (vợ chưa cưới) của người cha phỏng-đoán của đứa trẻ.

2° — Nếu người phu-nữ là vị-hôn-thê (vợ chưa cưới) của người cha phỏng-đoán của đứa trẻ.

I

NẾU NGƯỜI PHỤ-NỮ KHÔNG PHẢI LÀ VỊ HÔN-THÊ

Ai được đứng đơn khiếu-nại ?

Theo luật ở Bắc-Việt và Trung-Việt thì người mẹ chỉ có thể đầu đơn xin tòa-án công-nhận người nào là cha của đứa con mình sinh ra là trong hạn hai năm sau khi sinh đứa con ấy mà thôi. Quá kỳ-hạn ấy thì mất quyền đầu đơn.

Luật ở Nam-Việt thì không thấy nói rõ sắc-lệnh : 3-10-1883 không thấy nói cho rõ-ràng như luật ở Bắc-Việt và Trung - Việt. Theo luật Pháp thì : trong lúc đứa trẻ còn

vị-thành-niên, mẹ nó được vào đơn nếu mẹ nó đã nhìn nó rồi còn nếu mẹ nó chưa nhìn thì người thủ-hộ (giám-hộ) nó được vừa thay-thế. Khi nó đúng 21 tuổi thì nó có quyền kiện xin cha nó phải nhận nó là con.

Người phụ-nữ Nam-Việt có được như người phụ-nữ Pháp hay chẳng ? Dù không đi nữa, chắc có lẽ cũng được quyền như người phụ-nữ Bắc-Việt và Trung-Việt, nghĩa-là có thể đầu đơn trong hai năm sau khi sinh đứa trẻ để xin nhận cha cho nó.

Tôi viết « có lẽ » bởi vì trong luật không có nói còn về án-lệ thì không thấy có vụ kiện nào về vấn-đề ấy mà tòa đã xử cho ubur vậy, mấy lời trên đây chỉ là những lời phỏng đoán hữu-lý mà thôi.

Tương cần phải nói : nếu mẹ đứa trẻ là người đàn-bà có chồng chính-thức hay là có tình bà con với người cha phỏng-đoán thì đứa con ấy là đứa con ngoại-tình (enfant-adultérin) hay là đứa con loạn-luân (enfant incestueux), không thể xin nhận cha cho nó được,

Trong những trường-hợp trên đây, người mẹ đứa trẻ cũng có quyền xin người cha phỏng-đoán phải chịu số-phi chi-tiêu và nuôi-nấng đứa trẻ.

II

NEÛ NGƯỜI PHỤ-NỮ LÀ VỊ HÔN-THÊ

Nếu người mẹ trước kia là vị-hôn-thê (fiancée) của người cha mà bị người cha dụ-dỗ rồi hội-hôn đi, để cho mình phải mang thai mang nghén thì một dặng mình có thể kiện xin nhận cha cho đứa con mình sinh ra đó, người cha phỏng-đoán phải chịu tiền số-phi chi

tiêu và nuôi-nấng đứa trẻ, dằng khác thì kiện xin bồi-thường tổn-hại cho mình nữa bởi vì lỗi của y mà mình phải bị thiệt-thòi. Về khoản bồi-thường này, luật ở Nam-Việt (sắc-lệnh 1883), ở Bắc-Việt (điều 71 của bộ D. L. B. K.) và ở Trung-Việt (điều 71 của bộ H. V. T. K. H. L.) đều cũng đồng như vậy.

Đây là những trường-hợp có thể gọi người vị-hôn phu là có lỗi ;

1. — Vi-dụ : một cô gái kia, sau khi ước-hôn, xin từ-chức mình trong một nhà buôn hay sở công vì lời khuyên của vị-hôn-phu và vì sự kết-hôn đã hứa chắc đó. Nay vị-hôn-phu tự-dưng bội-hôn, tất va phải chịu bồi-thường sự tổn-hại vì đã làm cho cô gái ấy mất sở làm.

2. — Vi-dụ : một vị-hôn-thê đã chi-tiêu về việc kết-hôn đã hứa ; như sắm-sửa, xin phép, vân vân, mà nay vị-hôn-phu tự-dưng bội-hôn, tất va phải chịu bồi-thường sự tổn hao ấy.

3. — Vi-dụ : Người vị-hôn-thê đã mượn một căn nhà vì sự kết-hôn đã hứa mà nay vị-hôn-phu tự-dưng bội-hôn đi tất va phải chịu bồi-thường sự tổn-hao ấy.

Không gọi là có lỗi được ; khi vị-hôn-phu bội-hôn bởi vì vị-hôn-thê đi du-lich xa không gửi tin-tức về hoặc vì vị-hôn-thê thỉnh-linh bị tàn-tật hoặc vì vị-hôn-thê bị án tòa về hình-sự, vân vân.

Vả lại, ngoài sự tổn-hại về vật.chất nói trên thì vị-hôn-thê bị bội-hôn lại còn bị tổn-hại về tinh.thần nữa bởi vì đư-luận ché-bai biếm-nhẽ, không dễ gì kiếm chồng khác.



PHẢI VÀO ĐƠN NƠI TÒA-ÁN NÀO ?

Trước năm 1950 và do theo ba bộ-luật áp-dụng ở Nam-việt (sắc-lệnh 3-10-1883), ở Bắc-Việt (D.L.B.K) và ở Trung-Việt (H.V.T.K.H.L.) thì ở Nam-Việt phải đầu đơn nơi ông Chánh-án tòa dân-sự đệ-nhất-thâm, ở Bắc-Việt thì phải đầu đơn nơi ông Chánh-án tòa đệ-nhi-cấp và ở Trung-Việt thì phải đầu đơn nơi ông Chánh án tòa Sơ-cấp.

Tòa-án dân-sự đệ-nhất-thâm khi trước thì ngày nay tức là các tòa Sơ-thâm ở Saigon, Mytho, Cánhơ và Vinhlong và tòa Hòa-giải rộng quyền Bacliêu, Bêntre, Biênhòa, Châudốc, Rạchgiá, Sóctrang, Tràvinh, Tâyninh, Baria và Longxuyên.

Tòa án đệ-nhi-cấp và tòa-án sơ-cấp ở Trung-Việt và Bắc-Việt khi xưa nay là các tòa sơ-thâm Huế, Nha-trang, Hà-nội và Hải-phòng và những tòa Hòa-giải rộng quyền ở các tỉnh. Các tòa Hòa-giải thường ở hai phần này có thẩm quyền như các tòa sơ cấp xưa.

Nói như thế nghĩa là ở Bắc-Việt thì phải đầu đơn nơi các tòa sơ thẩm và Hòa-Giải rộng-quyền, còn ở Trung-Việt thì phải đầu đơn nơi các tòa Hòa-giải thường hay chỗ nào không có thì nơi các tòa Hòa-giải rộng quyền.



Chương thứ tư

HIỆU-LỰC CỦA ÁN CHO NHẬN CHA HOANG

Đứa con hoang có án nhận cha thì lấy họ của người cha (hay là người mẹ nếu là án cho nhận mẹ). Sự tự khai nhận con có hiệu-lực y như án-từ cho thừa-nhận cha hay mẹ vậy.

Khi nào do cả hai người cha và mẹ đều khai nhận thì đứa con hoang ấy lấy họ người cha.

Con hoang đã được nhận cha hay mẹ thì đối với cha mẹ cũng phải chịu nghĩa-vụ và được hưởng quyền-lợi y như con hợp-pháp (enfant légitime) vậy, nhất là khi hưởng di-sản cha mẹ thì đứa con hoang cũng hưởng một phần thực-động với con hợp-pháp.

Án tuyên nhận cho cha cho đứa con hoang có thể bắt-buộc người cha ấy phải bồi-thường cho người mẹ về các khoản chi-phí lúc sinh đẻ và nuôi nấng đứa con từ lúc mới sinh ra.

Nếu khi trước, người nhân-tình đã hứa giá-thù hoặc đã cưỡng-ép người đàn-bà vị-thành-niên thì trong án ấy cũng có thể bắt người đàn-ông phải đền một khoản tiền bồi-thường tổn-hại cho người sản-phụ.



SỰ TÌM XIN NHẬN MẸ HOANG

Luật áp-dụng ở Nam-Việt (sắc-lệnh 1883) không thấy nói chi đến vấn-đề này. Chương thứ năm, thiên thứ VI quyền thứ nhất của bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ tựa là « nói về sự tìm xét cha mẹ con hoang » nhưng trong trọn cả chương chỉ nói về sự tìm xét cha mà thôi chứ không có câu nào nói tới sự tìm xét mẹ cả. Chương thứ V, thiên thứ VI, quyền thứ nhất của bộ Hoàng-Việt Trung-Kỳ Hộ-Luật cũng tựa là « Sự tìm xét cha mẹ của con biệt tinh » nhưng cũng chỉ nói về sự tìm xét cha chứ không thấy nói tới sự tìm xét mẹ. Nhưng khá hơn bộ Dân-Luật Bắc-Kỳ, đoạn qua đầu bàng thứ hai của điều 176 có nói như vầy : « . Phạm con biệt-tinh nếu người mẹ không thừa-nhận mà không phải do người mẹ loạn-luân hay phạm-gian mà sinh ra, thời đến khi nó thành-niên trong hạn một năm kể từ ngày thành-niên làm đầu, người con ấy có thể kêu xin tòa-án công-nhận người nào là mẹ nó được. Nhưng phải có bằng-chứng để tỏ ra rằng nó chính là đứa con mà người đàn-bà ấy đã đẻ ra nhằm vào thời-kỳ nó sinh. Khi người mẹ ấy chết rồi, thời có thể vào đơn thừa những người thừa-kế người mẹ ấy mà kêu xin tòa-án công-nhận người ấy là mẹ nó. »

Lại điều 177 cũng có nói đến : « những án công-nhận người nào là cha hay là mẹ đứa con biệt-tinh cũng có hiệu-lực như chứng-thư khai-nhận con do cha mẹ thuận-tinh khai nhận. »

Điều 176 của bộ H.V.T.K.H.L. dẫn trên đây lời lẽ giống như điều 341 của bộ Dân-Luật Pháp. Bộ Dân-Luật Pháp, bộ H.V.T.K.H.L. nhận sự tìm xin nhận mẹ thì có lẽ gì mà luật ở Nam-Việt và Bắc-Việt lại không cho ? Do đó, chúng ta có thể nghĩ rằng sắc-lệnh 1883 và bộ D.L.B.K, vì sơ-sốt mà quên nói đến vấn-đề ấy và khi cần, ở hai chỗ ấy, chúng ta cũng có thể tìm xin nhận mẹ y như ở Trung-Việt vậy.



Phần thứ sáu

PHỤ-NỮ VÀ QUYỀN THỪA-KẾ

Phần này chia ra làm bốn chương : Chương thứ nhất nói về « quyền thừa-kế của phụ-nữ dưới chế-độ luật Gia-Long », chương thứ nhì nói về « quyền thừa-kế của phụ-nữ khi người qua đời có để chúc-thư » và chương thứ ba nói về « quyền thừa-kế của phụ-nữ khi người qua đời không có để chúc-thư, « Chương thứ tư và chót thì nói về « phụ-nữ và quyền giữ phần hương-hỏa ».



DƯỚI CHẾ-ĐỘ LUẬT GIA-LONG

Nguyên dân-tộc Việt-Nam nhiễm theo phong-tục người Trung-Hoa nhiều lắm cho nên vô-luận là ở phương-diện nào, mà nhất là về mặt pháp-luật, chúng ta thấy rất nhiều dấu-vết của đạo Khổng-Trinh. Cũng như người Tàu, người mình có phong-tục trọng nam-nhi mà khinh phụ-nữ, cho rằng chỉ có đàn-ông con trai mới có thể nối hậu mà làm cho gia-tộc vĩnh-viễn đời nọ qua đời kia và dù tư-cách mà thờ-phụng tổ-tiên, chỉ như đàn-bà con gái thì thuộc về « âm » tính-cách uế-trọc, không thể chăm lo việc cúng-quái ông bà được. Một câu « nữ sinh ngoại tộc » đã đặt phụ-nữ trong một địa-vị rất đơn-sơ không đáng kể.

Cũng vì sự khinh rẽ ấy mà luật-pháp thuở xưa không cho phụ-nữ được thừa-kế di-sản của ông bà cha mẹ vậy.

Khi nào con hay cháu gái lia gia-tộc mà xuất-gia lòng phu thì cha mẹ hay ông-bà chỉ tặng cho một món gọi là của hồi-môn (dot) gồm có tiền-bạc và tư-trang nhiều hay ít sang hay hèn tùy theo gia-thế. Như vậy đã gọi là đủ rồi, dù con hay cháu gái ấy không còn mấy may quyền-lợi chi trong sự-nghiệp của cha mẹ hay ông bà mình nữa.

Không phải nói, xử với chị em bạn gái như thế là một điều bất công-bình. Chính người Pháp khi mới đến nước ta đã nhận như thế cho nên các quan tòa Pháp dụng ý sửa-đổi lần lần sự bất-công bình ấy nên mới được như ngày nay.

KHI NGƯỜI QUA ĐỜI CÓ ĐỀ CHỨC THƯ

a. — Nam-Việt

Theo luật áp-dụng ở Nam-Việt xưa nay và án-lệ cũng nhìn-nhận như thế thì người gia-trưởng Việt-Nam có quyền vạ-năng đối với tài-sản trong sự-nghiệp của mình, không có sự chi hạn-chế cả.

Bởi vậy, ví-dụ một vị gia-trưởng trước khi qua đời làm chúc-thư để lại tất cả sự-nghiệp mình cho một đứa con nào hay một người nào vô-luận là trai hay gái thì cũng không ai có thể tranh-tròn chi được; ông có quyền muốn từ con nào cũng được cả chỉ phải làm cho đúng luật, phải có những bà con bên nội gần chứng nhận (án tòa Thượng Thẩm Đông Dương đề ngày 9-3-1916, án tòa Thượng Thẩm Saigon đề ngày 9-5-1929).

Về thể-thức, một chúc thư, muốn có hiệu lực phải được lập theo cách công chính, nghĩa là hoặc được các viên chức thị-thực làng (hương thân, xã-trưởng và hương-hào từ 19-3-1953 về trước và một mình tổng thư-ký hội đồng hương-chính từ 19-3.53 về sau) chứng-nhận, hoặc được lập tại văn phòng một vị chủ-ông-khế (notaire) Án-lệ lại nhìn nhận rằng :

1^o) — một chúc thư làm bằng cách tư-thự cũng được có hiệu lực nếu tất cả những người thừa kế hay hữu-quyền đều nhìn-nhận (án-tòa T.T.Đ.D, đề ngày 19-7-1917)

2^o) — một chúc-thư không cần phải lập-bằng cách công-chính, miễn là ý-chi của người di-chức được bày rõ

trong tờ và người ấy có ký tên vào tờ đăng-hoàng và dấu ký ấy phải có thể giảo-nghiệm khi nào có cuộc phán-tranh (án-tòa T.T. Hanoi đề ngày 9-4. 1926 và 25-3-1931).

Do đó, chúng ta có thể nói rằng ở Việt-Nam, ngoài những chúc-thư lập theo lối công-chính, tòa-án có thể nhận là có giá-trị những chúc-thư lập theo lối tự.ký (olo-graphe) nữa.

b. — Bắc-Việt và Trung-Việt.

Trước năm 1931 ở Bắc-Việt và trước năm 1936 ở Trung-Việt, tình-hình pháp-luật về vấn-đề này cũng y như những điều đã nói trên đây về Nam-Việt,

Kể từ năm 1931 tới nay ở Bắc-Việt và kể từ năm 1936 ở nay ở Trung-Việt thì tình-hình đổi khác, vì bộ D. L. B. K (ban-hành năm 1931) và bộ H. V. T. K. H. L. (ban-hành năm 1936)) có nói rõ về vấn-đề này.

Chương thứ II thiên thứ XI quyền thứ nhất của bộ D. L. B. K. và chương II thiên thứ I quyền thứ nhì của bộ H. V. T. K. H. L. tựa là « nói về thừa-kế có chúc-thư » nó như sau này :

« Người cha được lập ra chúc-thư để xử trí tài-sản của mình tùy theo ý của mình nhưng phải giữ quyền-lợi cho vợ và nếu chính mình là thừa-tự thì lại phải trao của hương-hóa để lưu-truyền việc phụng-tự tổ-tiên cho người thừa-tự theo luật-định, (Điều 320 của bộ D. L. B. K. và điều 312 của bộ H. V. T. K. H. L.) .

« Người nào đã thành-niên hoặc đã thoát-quyền mà có đủ trí khôn, thì đều có tư-cách được di-chức và lập ra chúc-thư để xử-tri về tất cả tài-sản của mình.

« Vợ chính vợ thứ trong khi đương giá-thứ phải do chồng thuận-hứa mới được lập chúc-thư để xử-trị về tài-sản riêng của mình. (Điều 321 của bộ D. L. B. K. và điều 313 của bộ H. V. T. K. H. L.).

« Người lập chúc-thư có thể truất-quyền thừa-kế của một người hoặc nhiều người trong các người được dự vào quyền ấy.

Sự truất ấy phải công-nhận làm thành chứng-thư trước nô-te hoặc do viên-chức thị-thực. (Điều 322 của bộ D.L.B.K. và điều 314 của bộ H.V.T.K.H.L. Bộ sau này lại còn nói thêm ở đoạn qua hàng chót của điều 314: « Giấy truất-quyền có thị-thực phải có chữ ký của những người thừa-kế hiện-diện và những người thân-thuộc tôn-trưởng thi-hành thời mới có giá-trị ».

« Chúc-thư phải làm thành văn-tự, hoặc do nô-te lập hoặc làm thành chứng-thư có hay không có viên-chức thị-thực. (Điều 323 của bộ D.L.B.K. và điều 315 của bộ H.V.T. K.H.L.)

« Chúc-thư làm thành chứng thư có viên-chức thị-thực thì phải do chính mình người lập chúc-thư viết ra, hoặc đọc cho người khác viết hộ, tại trước mặt lý-trưởng nơi trú-quán mình, vì it ra phải có hai người chứng đã thành-niên. Các người chứng ấy phải chọn ngoài những người được nhận của tặng-đức hoặc ân thừa-kế điều 324 của bộ D.L.B.K và điều 316 của bộ H.V.T.K.H.L. Điều 316 của bộ luật này lại có thêm một dòng ở đoạn đầu: . . . tại trước mặt lý-trưởng nơi trú-quán mình, nếu ở xa không về trú-quán được thì chúc-thư ấy sẽ làm lại trước mặt lý-trưởng nơi hiện ở của người lập chúc-thư ấy.

« Chúc-thư phải đề ngày, tháng, năm. Phải biên rõ tên, họ, tuổi và chỗ ở của các người chứng. Chúc-thư đã tìm xong rồi phải do lý-trưởng đọc to tiếng cho mọi người

nghe và phải do lý-trưởng, người lập chúc-thư, người tá-lá và các người chứng cùng ký tên.

« Nếu người lập chúc-thư và các người chứng không biết chữ thì do lý-trưởng phải biên-chú vào trong chúc-thư. (Điều 325 của bộ D. L. B. K. và điều 317 của bộ H. V. T. K. H. L. Điều 317 của bộ luật này lại có thêm một đoạn ở phía sau chót : Nếu người lập chúc-thư không biết chữ, thì trong hai người chứng ít ra cũng có một người biết đọc và biết viết. Người lập chúc-thư hay người chứng không biết chữ ấy sẽ phải in dấu ngón tay vào. Gặp trường-hợp này thì lý-trưởng, hay công chức nào đại-hành chức-vụ lý-trưởng phải chừa vào chúc-thư rằng vì những người ấy không biết ký nên phải in dấu ngón tay.)

« Người nhận của tặng-dữ không cần phải có mặt chúc-thư mới có giá-trị. (Điều 327 của bộ D. L. B. K. Còn điều 318 của bộ H. V. T. K. H. L. lại nói rằng . Người thừa-kế và người được hưởng nhận tài sản hiện ở địa-diêm sở tại nơi lập chúc-thư thì phải gọi đến dự tri).

« Chúc-thư có hoặc không có viên-chức thị-thực, đều phải chiếu có bao nhiêu người thừa-kế hoặc người nhận của tặng-dữ thì làm ra bấy nhiêu bản-chính. (Điều 328 của bộ D. L. B. K. và điều 319 của bộ H. V. T. K. H. L. Điều 319 của bộ luật này lại có thêm ở sau cùng như vầy : Tuy-nhiên, khi tờ chúc-thư nào tự tay người lập chúc-thư viết ra mà tư-dạng ấy không ai bảo là giả, thì tuy không có lý-trưởng hay công-chức thị-thực hay là không đúng với thể-thức định ở điều này và các điều trên, chúc-thư ấy cũng có giá-trị).

« Phạm muốn bãi một phần hoặc tất cả bản chúc-thư đã lập từ trước, thì phải có một bản chúc-thư sau làm theo cách-thức đã nói ở các điều trên, lại phải một bản chứng-thư công-nhiên tuyên-cáo sự bãi đó, khai rõ sự thay-đổi ý muốn của người lập chúc-thư.

« Bản chúc-thư làm sau mà không nói rõ ràng là bãi cả bản chúc-thư trước thì đối với bản chúc-thư trước chỉ được bãi những khoản

nào không hợp hoặc trái với các khoản trong chúc-thư sau mà thôi. (Điều 329 của bộ D.L.B.K. và điều 320 của bộ H.V.T.K.H.L. Dòng qua đầu hàng thứ nhì và chót trên đây in bằng chữ đậm thi lại ở trong điều 322 của bộ H.V.T.K.H.L. Điều 321 của bộ H.V.T.K.H.L. lại có nói rõ thêm về vấn-đề này mà trong bộ D.L.B.K. không có: Bản chúc-thư tuyên - bố do một chúc-thư thời phải do người đã lập chúc-thư tự viết lấy hay là do một người khác viết hộ trước mặt hai người chứng đã thành-niên mà không phải là người thừa-kế hay người được hưởng-nhận tài-sản, lại phải có lý-trưởng hay công-chức nào đại-hành chức-vụ lý-trưởng thị-thực mới có giá-trị.)

« Phàm người lập chúc-thư đã tặng-dữ tài-sản cho ai, đến sau lại đoạn-mãi hoặc đánh-đổi tất cả hay một phần tài-sản ấy, thì tức là bãi không tặng-dữ cái phần tài-sản đã đoạn-mãi hoặc đã đánh-đổi về sau ấy nữa, dù sự đoạn-mãi hoặc đánh-đổi về sau ấy là vô-hiệu và tài-sản lại được hoàn nguyên về gia-tài người lập chúc-thư mặc lòng.

« Nếu chỉ đem cầm-cố, diển-mãi mà thôi, thì người được tặng-dữ có thể ứng tiền ra để trả nợ hoặc chuộc lại mà nhận lấy của tặng ấy. (Điều 330 của bộ D. L. B. K. và điều 323 của bộ H. V. T. K. H. L.).

« Phàm chúc-thư đã do người chồng cùng người chính-thất làm ra thì sau khi người chồng mệnh-một người quả-phụ ấy không được tự bãi đi. Những tài-sản gì mà người quả-phụ chỉ được hưởng-dụng thu-lợi thì người quả-phụ ấy không được làm chúc-thư mà xử-trí tài-sản ấy. Còn như chúc-thư do người quả-phụ làm ra một mình sau khi người chồng đã mệnh-một thì người quả-phụ ấy có thể bãi đi được. (Điều 331 của bộ D. L. B. K. và 324 của bộ H. V. T. K. H. L., những dòng chữ đậm ở giữa chỉ có trong điều sau mà không có trong điều trước).

« Người nào theo chúc thư được hưởng nhận tài-sản mà lại chết trước người lập chúc-thư, thì khoản chúc-thư buộc về phần người ấy thành ra vô-hiệu, trừ ra khi nào trong chúc-thư có nói rõ ràng của ấy là để cho người ấy hay là con cháu người ấy mà con cháu người ấy hiện còn thì không kể.

« Tuy-nhiên nếu khi người nào được hưởng nhận tài-sản là một người bà con theo thế-thứ được làm thừa-kế cho người lập chúc-thư thì người thừa-kế của người được hưởng nhận tài-sản được thay mặt người ấy mà hưởng nhận và vợ người ấy sẽ được hưởng-dụng thu-lợi về phần để cho ấy. (Điều 332 của bộ D. L. B. K. và điều 325 của bộ H. V. T. K. H. L. Những dòng chữ đậm chỉ có trong điều sau này mà không có trong điều trước.

Khi nào người được tặng dử lại phải bị tuyên-cáo là không xứng đáng hoặc bị truất quyền thì các khoản tặng-dử trong chúc-thư thuộc về người ấy sẽ bị bãi đi, (Điều 333 của bộ D.L.B.K. và điều 326 của bộ H.V.T.K.H.L.)

Người lập chúc-thư có thể bắt người được tặng-dử phải đảm-nhiệm một vài chức-trách gì. Nếu người tặng-dử mà không làm theo chức-trách hay nghĩa-vụ ấy thì sẽ bị thu-hồi của để cho ấy. (Điều 334 của bộ D.L.B.K. và điều 327 của bộ H.V.T.K.H.L.).

« Phần để cho của một người đã bị truất hay bị thu-hồi sẽ thêm vào các phần của những người được hưởng nhận tài-sản khác mà đã thuận-nhận của thu-hồi ấy và nếu có chức-trách thì phải đảm-nhận chức-trách ấy. Nếu không có người được hưởng nhận tài-sản khác hoặc những người được hưởng nhận tài-sản khác không được nhận phần để cho ấy thì phần ấy sẽ trao qua cho các người thừa-kế nào của người lập chúc-thư mà không được pháp-biệt-hứa. (Điều 328 của bộ H.V.T.K.H.L. chứ trong bộ D.L.B.K. không có điều nào như vậy).

« Người lập chúc-thư có thể giao quyền cho một người do mình chọn riêng để thi-hành các điều-khoản trong chúc thư. (Điều 335 của bộ B.L.B.K. và điều 329 của bộ H.V.T.K.H.L.)

« Khi người lập chúc-thư mệnh-một rồi thì chúc-thư ấy mới có hiệu-lực. (Điều 336 của bộ D.L.B.K, và điều 330 của bộ H.V.T.K.H.L).

• Sau khi người lập chúc-thư mệnh-một, nếu có ai khiếu-nại rằng chúc-thư ấy là không có giá trị thì sẽ do tòa án thăm-đoán chúc-thư ấy có giá trị hay không. Tuy-nhiên, chỉ khi nào xét ra rằng người lập chúc-thư ấy không có tự-do mà tỏ ý-nguyện của mình của một cách dích-dáng và chắc chắn hay là người ấy làm quá quyền-hạn mình thì quan tòa mới tuyên cáo rằng chúc-thư ấy là vô-hiệu. Kỳ-hạn được khởi tố về chúc-thư cũng như kỳ-hạn khởi-tố và di-sản định ở chương thứ VI sau này: ba năm kể từ ngày người có tài-sản mệnh-một. (Điều 331 của bộ H.V.T.K.H.L, chứ trong bộ D.L.B.K không có điều nào như vậy).

Chương thứ ba

KHI NGƯỜI QUA ĐỜI KHÔNG ĐỀ CHỨC-THƯ

A. — Nam-Việt

Khi người qua đời không có đề chúc-thư lại thì đối với một người thừa-kế phụ-nữ, một trong ba trường-hợp sau đây có thể xảy ra :

- a) — Khi chỉ có một người thừa-kế con gái,
- b) — Khi có nhiều người thừa-kế con gái,
- c) — Khi có nhiều người thừa-kế con trai và con gái.

I

KHI CHỈ CÓ MỘT NGƯỜI THỪA-KẾ CON GÁI

Trong trường-hợp này, người con gái được trọn quyền hưởng tất cả di-sản.

Tuy-nhiên, thường khi trong một gia-tộc chỉ có con gái thì vị gia-trưởng lập một đứa con nuôi thừa-tự để lo phụng-tự cha mẹ nuôi.

Sự nuôi con nuôi lập-tự không phải chỉ có một mình vị gia-trưởng có đặc-quyền lo lắng, có khi người quả-phụ chính-thất hay hội nghị gia-tộc lập lấy cũng có. Dù sao sự lập ấy cũng phải có quan Chánh-án tòa Sơ-thẩm (hay tòa Hòa-giải rộng quyền xử về việc dân-sự) phê-chuẩn cho mới được.

Khi nào có một người con nuôi thừa-tự như thế thì phải lấy trong di-sản trích ra một vài số tùy-ý giao cho người con trai ấy giữ lấy hoa-lợi mà thờ-phụng, còn kỳ dư thì chia ra hai phần ăn đồng nhau : người con gái lấy một phần, người con nuôi thừa-tự lấy một phần.

Sở-dĩ như vậy là vì theo phong-tục cổ-truyền của người Việt-Nam chỉ có người đàn-ông còn trai mới có đủ tư-cách thờ cúng ông bà cha mẹ, còn con gái dù là giới giang cách mấy cũng không được cúng-quải, nghĩa-là không khi nào hưởng phần hương-hỏa đặng.

Phong-tục ấy đến ngày nay vẫn còn và là một điều bất công-bình, rất thiệt-thòi cho chị em bạn gái hết sức.

Nếu vì lẽ gì mà không cần lập người thừa-tự thì tất cả di-sản phải thuộc về người con gái của người mệnh-một toàn hưởng.

II

KHI CÓ NHIỀU NGƯỜI CON GÁI ĐỒNG THỪA-KẾ

Trong trường-hợp này, cũng phải làm như trong trường-hợp trên, nghĩa-là trước hết phải lập-tự con nuôi trai, rồi di-sản — trừ ra phần ăn hương-hỏa để riêng cho con nuôi lập-tự — sẽ chia ra làm phần ăn thường đồng nhau, mỗi người thừa-kế gái và con nuôi lãnh một phần.

Nếu vì lẽ gì mà không cần lập-tự thì di-sản sẽ chia ra đều cho mỗi người con gái lãnh mỗi người một phần.

III

KHI CÓ NHIỀU ĐỒNG-THỪA-KẾ GÁI VÀ TRAI

Trong trường-hợp này, phải lấy di-sản phân ra cho mỗi người một phần bằng nhau. Như có cần (nghĩa là khi tất cả những người đồng-thừa-kế ưng-thuận hay có án toà dạy phải làm như vậy) thì trích ra một phần hương-hỏa giao cho người con-nam hưởng.

Nói tóm, ngoại trừ phần hương-hỏa thì về trưởng-nam còn các phần ăn thì mỗi người thừa-kế đều được một phần bằng nhau cả, vô luận là trai hay gái.

Cứ như trên thì ngày nay về vấn-đề thừa-kế, người đàn ông con trai với người đàn-bà con gái, về nguyên-tắc quyền-lợi đều ngang nhau.

B. — Bắc-Việt và Trung-Việt

Hai bộ D. L. B. K. và H. V. T. K. H. L. có nói rành về vấn-đề này như vầy :

« Người nào khi còn sống mà không chia tài-sản của mình và cũng không lập chúc-thư, đến khi mệnh-một thì di-sản của người ấy, nếu có con thì để lại cho con nhưng phải giữ quyền-lợi của người quan-phu hay người quả-phụ người ấy và khi nào có nhiều con trai thì phải « giao phần hương-hỏa cho con trưởng, nếu không có con trai thì phần « hương-hỏa phải giao cho người được lập thừa-tự theo cách thức định « ở tiết thứ hai, chương thứ nhất quyền thứ hai luật này.

« Khi người mệnh-một trước kia không chia tài-sản « của mình, cũng không lập chúc-thư mà nói rõ cho đừa « con nào thì con trai con gái đều được chia tài-sản ấy « mỗi người một phần bằng nhau.

« Trong các người con, nếu có người nào chết trước người có tài-sản mà người con chết sớm ấy hiện có con « cháu thì các con cháu ấy được thay mặt y để nhận lấy « phần của y mà chia nhau. (Điều 337 của bộ D.L.B.K. và điều 332 của bộ H.V.T.K.H.L. Những dòng chữ đậm chỉ có trong điều thứ nhì mà không có trong điều thứ nhất).

« Nếu người mệnh-một không có con cháu thì của thừa-kế sẽ về tay cha mẹ người mệnh một nhưng không phạm đến quyền lợi của người quả-phụ hay người quan-phụ của người mệnh-một ấy, và nếu có người thừa-tự thì cũng trừ quyền-lợi người thừa-tự ấy ra. Nếu cha mẹ người mệnh-một ấy ở riêng thì của thừa-kế ấy chia đôi về người cha một nửa về người mẹ một nửa. Nếu người cha chết rồi thì người mẹ được toàn hưởng, Nếu người mẹ chết rồi thì người cha được toàn hưởng (Điều 338 của bộ D.L.B.K. và điều 333 của bộ H.V.T.K.H.L. Những dòng chữ đậm có ở trong điều thứ nhì mà không có trong điều thứ nhất).

« Nếu người mệnh-một không có con cháu, cũng không còn cha mẹ, thì của di-sản sẽ về tay những người chính-hệ tôn-thuộc bên nội gần nhất (1) (bộ D.L.B.K. gọi là : ông bà cụ kỵ gần nhất), nhưng phải chia cho cả vợ và chồng của chính-hệ tôn-thuộc ấy theo cách-thức đã định ở điều trên (điều 339 của bộ D.L.B.K. và điều 331 của bộ H.V.T.K.H.L.).

« Nếu người mệnh-một không có con cháu cũng không còn người tôn-thuộc bên-nội (D.L.B.K : con cháu cùng cha mẹ ông bà về bên nội), thì di-sản sẽ về tay anh em chị em ruột người ấy được chia mỗi người một phần bằng nhau.

« Trong các người anh em chị em được hưởng thừa-kế, nếu có người nào chết rồi mà đến khi có tài sản mất đi hiện còn con cháu chính-hệ, thì những người con cháu ấy được thay mặt cha mẹ mình đã quá-vãng để cùng dự chia với chú bác có cậu hay là đi mình mà nhận lấy phần di-sản của cha hay mẹ được hưởng mà đã quá-vãng (điều 340 của bộ D.L.B.K. và điều 335 của bộ H.V.T.K.H.L.)

« Nếu không có anh em chị em ruột hay là anh em chị em ruột cũng không có con cháu thì của di-sản sẽ về tay anh em bàng-chi bên nội gần nhất và con cháu chính-hệ bàng-chi ấy.

« Những anh em bàng-chi gần nhất ngang hàng với nhau thì chiếu theo số người mà hưởng di-sản một người một phần bằng nhau.

« Nếu không có thân-thuộc bên họ nội, thì di-sản về tay thân-thuộc bên họ mẹ cũng theo như cách thức đã định thuộc về thân-thuộc bên nội vậy (điều 341 của bộ D.L.B.K và điều 336 của bộ H.V.T.K.H.L.).

« Khi người mệnh-một không còn thân-thuộc nào có thể hưởng di-sản được, thì người chính-thất quả-phụ không

bị lý-dị sẽ được sử-dụng tất cả di-sản ấy (điều 342 của bộ D.L.B.K. và điều 337 của bộ H.V.T.K.H.L.).

« Nếu người mệnh-một ấy không có thân-thuộc nào có thể hưởng di-sản được và cũng không có người quan-phu hay quả-phu còn sống thì của di-sản ấy sẽ kể là tuyệt-hộ mà thành ra của công của làng sở-tại và phải chừa vào bộ làng vào hạng công-diền công-thổ không chuyển-mãi được, nhưng làng phải gánh lấy nghĩa-vụ thuộc về tài-sản ấy và lại phải phụng-tự người mệnh-một và tổ-tiên người ấy (điều 343 của bộ D.L.B.K. và điều 338 của bộ H.V.T.K.H.L. có điều bộ H.V.T.K.H.L. nói không được rõ-ràng như vậy, điều 343 của luật ấy chỉ nói tóm-tắt sơ-sài như vậy : nếu không còn vợ goá thì của di-sản sung vào tư-sản của nhà nước).



PHỤ-NỮ VÀ QUYỀN GIỮ PHẦN HƯƠNG-HỎA

Ở Nam-Việt, chúng ta có thể nói rằng con gái không bao giờ được hưởng phần hương-hỏa Phần hương-hỏa luôn luôn phải về phần đàn-ông con trai giữ ; phong-tục và án-lệ tuyệt-đối về vấn-đề ấy cho đến đời cả hai đều nhận rằng chỉ có hai duyên-có cái dung (phá) phần hương-hỏa mà trong ấy sự trong họ hết người ti-thuộc trai là một. Hễ trong họ không còn người đàn ông con trai nào có thể giữ phần hương-hỏa nữa thì phong-tục và án-lệ định rằng phải cái dung (phá) hương-hỏa để đem phần ăn trí vào việc ấy ra mà tương-phần cho các người thừa-kế chứ không hề chịu giao cho một người con hay cháu gái giữ.

Ở Bắc-Việt và Trung-Việt hồi trước thì cũng như vậy nhưng từ khi bộ D.L.B.K được ban-hành ở Bắc-Việt (1931) và bộ H.V.T.K, H.L được ban-hành ở Trung-Việt (1936) thì tình-hình có thay-đổi hơi khác hơn hồi xưa.

Điều 406 của bộ D.L.B.K và điều 413 của bộ H.V.T.K, H.L, cải-lương phong-tục, định như vậy :

« Khi nào người mệnh-một là con trưởng chi chính và vì thế người ấy là thừa-tự thì người được kế người mệnh một ấy để mà thừa-hưởng hương-hỏa tất phải là một người đàn-ông. Nếu người mệnh-một là con thứ, không đứng thừa-tự, thì gặp khi không có con cháu trai chính-hệ, có thể lập con gái trưởng đứng thừa hưởng hương-hỏa để phụng-tự mình. Gặp trường-hợp ấy, đến khi người trưởng-nữ đứng thừa-hưởng hương-hỏa chết, thì của hương-hỏa lại truyền

cho trưởng-tử, nếu không có trưởng-tử thì truyền cho đích-tôn người trưởng-nữ ấy.»

Ấy vậy, theo luật ở Bắc-Việt và Trung-Việt, còn có một trường-hợp mà chị em bạn gái được đứng ra giữ phần hương-hoả chứ ở Nam-Việt thì lại không ngờ.

Sự khác nhau giữa ba thứ luật cùng trong một nước - ở vấn-đề này và nhiều vấn-đề khác — là một sự khuyết-điểm mà chúng ta sẽ vui-mừng mà thấy tiêu-tan bởi sự ban-hành một bộ Dân-Luật chung cho tất cả ba phần của nước Việt-Nam.

MỤC-LỤC

TRƯƠNG

Phần thứ nhất

Người đàn-bà lúc chưa chồng. 1

Phần thứ hai

Người đàn-bà lúc có chồng. 27

Phần thứ ba

Sự tiêu hôn 77

Phần thứ tư

Tình cảnh người quan-phu hay người quả-phu. 100

Phần thứ năm

Tình cảnh phụ-nữ làm lỡ thất trinh 123

Phần thứ sáu

Phụ-nữ và quyền thừa-kế 139

Bản đính-chính 157

